

## MỤC LỤC

<b>KHẢO SÁT MỘT SỐ THÀNH TỐ CẤU TẠO ĐẠI DANH MANG YẾU TỐ “NỮ” Ở NAM BỘ.....</b>	<b>1</b>
<b>GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG Ở VƯỜN QUỐC GIA SÔNG THANH, TỈNH QUẢNG NAM.....</b>	<b>5</b>
<b>MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP.....</b>	<b>12</b>
<b>GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN QUỐC GIA MŨI CÀ MAU.....</b>	<b>16</b>
<b>GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI ĐẮK LẮK.....</b>	<b>22</b>
<b>ÔNG ĐẠO DỪA NGUYỄN THÀNH NAM VÀ TINH THẦN “HÒA ĐỒNG TÔN GIÁO”.....</b>	<b>28</b>
<b>THÍCH ỨNG COVID-19 CỦA VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM.....</b>	<b>32</b>
<b>PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH TẠI LỄ HỘI GÒ THÁP.....</b>	<b>39</b>
<b>LỄ HỘI VÍA BÀ CHÚA XỨ NÚI SAM THÍCH ỨNG TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19.....</b>	<b>42</b>
<b>GIẢI PHÁP KHÔI PHỤC NGÀNH NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN HẬU COVID-19.....</b>	<b>48</b>
<b>PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ DỆT CHIẾU ĐỊNH YÊN.....</b>	<b>53</b>
<b>VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA NHÂN VIÊN LỄ TÂN KHÁCH SẠN HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP.....</b>	<b>58</b>
<b>BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ ĐÓNG GHE, XUÔNG TRUYỀN THỐNG Ở XÃ LONG HẬU, HUYỆN LAI VUNG.....</b>	<b>62</b>
<b>CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM TRẺ EM BỊ XÂM HẠI TÌNH DỤC.....</b>	<b>67</b>
<b>PHÁT HUY VAI TRÒ NHÂN VIÊN XÃ HỘI NHẪM CHĂM SÓC TỐT CHO NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM... </b>	<b>70</b>
<b>PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG NGHÈO.....</b>	<b>76</b>



# KHẢO SÁT MỘT SỐ THÀNH TỐ CẤU TẠO ĐẠI DANH MANG YẾU TỐ “NỮ” Ở NAM BỘ

SV: Phan Thị Mỹ Huyền,

SV: Châu Thúy Hương - Lớp ĐHVNI19A

GVHD: ThS. Nguyễn Trần Mai Trâm

## Tóm tắt

Nam Bộ là vùng đất có hơn 300 năm hình thành và phát triển. Từ khi hình thành và phát triển, vùng đất này đã ghi những dấu ấn văn hóa, văn minh làm phong phú thêm kho báu văn hóa của dân tộc. Sự lý giải lý thú về tên đất, tên làng của nhân dân Nam Bộ đã tạo nên một nét “Văn hóa địa danh”. Mỗi câu chuyện như tái hiện hình ảnh thuở tiền nhân đi khai khẩn. Địa danh là danh từ riêng, không những chỉ để gọi tên một vùng đất, mà còn là tên để gọi nhiều đối tượng khác như các địa hình tự nhiên (sông, rạch, núi, đồi...), các đơn vị hành chính (tỉnh, huyện, quận, tổng, làng xã...), các vùng, xóm, xir... Do đó, địa danh thường mang tên địa hình thiên nhiên, thế đất, thế nước, mang tên người, tên cây cỏ, tên muông thú. Từ khi hình thành địa danh thì “yếu tố nữ” trong các địa danh cũng đã xuất hiện. Một số địa danh có “yếu tố nữ” ở Nam Bộ như: Cái Bát, Cái Cạy (sông), Cái Bè (tên đất, chợ, sông), Nha Môn, Mỹ Tho ... là nguồn tư liệu quý cho các nhà nghiên cứu khi tìm hiểu về vùng đất này. Nghiên cứu về các địa danh mang “yếu tố nữ” ở vùng đất Nam Bộ nhằm giải thích nguồn gốc và ý nghĩa của địa danh; qua đó phản ánh tâm tư, tình cảm và cảm hứng thẩm mỹ về vùng đất mà tác giả đang sinh sống; phản ánh đặc trưng cảnh quan vùng đất mới; ca ngợi công trạng, phẩm chất, nghĩa cử cao đẹp trong đời sống của người dân Nam Bộ và mang nội dung thể hiện tính cách, đặc điểm và nét văn hóa của vùng đất và con người Nam Bộ.

**Từ khóa:** địa danh, văn hóa, Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

### 1. Đặt vấn đề

Địa danh – cách con người dùng để gọi tên địa hình thiên nhiên hay đơn vị hành chính, vùng lãnh thổ - là sản phẩm của con người, do con người tạo ra nhằm phục vụ cho đời sống của mình. Trải qua các biến cố lịch sử khác nhau, hệ thống địa danh của Nam Bộ ít nhiều có sự thay đổi cho phù hợp sự phát triển của từng thời kỳ. Qua địa danh, chúng ta biết thêm những thay đổi về địa giới, đơn vị hành chính của vùng đất Nam Bộ với lịch sử trên 300 năm hình thành, phát triển.

Cùng với sự hình thành địa danh thì “yếu tố nữ” cũng xuất hiện. Yếu tố nữ xuất hiện theo bước chân di dân của các tộc người mở đầu thời khai phá đã lan tỏa đến nhiều vùng đất tại Nam Bộ Việt Nam. Đi cùng với sự phát triển nền nông nghiệp lúa nước, các tín ngưỡng thờ mẫu, thiên hậu, thiên nhiên và con người, các yếu tố về đời sống hàng ngày và các yếu tố nữ được thể hiện qua các địa danh như: Cái Bè (tên đất, chợ, sông), Cái Lớn, Cái Bé (sông), Cái Bèo (chợ trên kênh), Cái Cốt (sông), Cái Khế (tên chợ), Cái Môn (tên đất), Cái Răng (tên đất, chợ, sông, kênh đào), Bà Đen, Nàng Chăn, ... điều đó đã tạo nên các địa danh mang yếu tố nữ ở vùng đất Nam Bộ này.

### 2. Địa danh và địa danh mang yếu tố “nữ”

#### 2.1. Địa danh

Địa danh là một phạm trù lịch sử. Đó là những tấm bia lịch sử bằng ngôn ngữ. Do đó, soi sáng nguồn gốc bằng các địa danh, chúng ta có thể thấy rõ hơn một số mảng lịch sử của một vùng đất. Địa danh là những từ ngữ, những ngôn ngữ của một dân tộc đã tạc vào núi sông, ở những nơi mà họ đã từng cư trú. Trong địa danh luôn có 03 yếu tố gắn chặt với nhau là: ngôn ngữ, xã hội và địa lý.

Đối với vùng đất Nam Bộ, bên cạnh những yếu tố chung, địa danh ở đây còn được hình thành dựa trên nhiều yếu tố khác như: địa lý, cư dân, điều kiện lịch sử, hoàn cảnh xã hội địa phương... và mang đậm dấu ấn lịch sử của một vùng đất mới.

#### 2.2. Địa danh mang yếu tố “nữ”

Các địa danh có từ CÁI : Danh từ (Từ cũ) mẹ : con đại cái mang

Về khẩu ngữ, từ “cái” dùng để gọi người con gái ngang hàng hoặc hàng dưới một cách thân mật trong phương ngữ Bắc Bộ. Trong các địa danh thì từ “cái” mang nghĩa là lớn (sông Cái tức sông lớn), là quan trọng. Ngoài ra từ “cái” còn mang nghĩa khái quát chỉ đồ vật như cái bàn, cái ghế,.. hay chỉ sự vật, sự việc như: không lo cái gì cả, nghỉ tay cái đã ,..

Chỉ nghe qua sông CÁI chứ chưa từng nghe qua sông ĐỨC. Có rất nhiều địa danh ở miền Tây có chữ “Cái”. Phải nói ngay từ lâu thì người ta cũng rất chú ý đến điều này, có rất nhiều nơi ở miền đồng bằng sông Cửu Long có tên gọi bắt nguồn từ chữ Cái, để chỉ một vùng đất, chợ, sông, kênh rạch... Chẳng hạn Cái Bát, Cái Cạy (sông), Cái Bè (tên đất, chợ, sông), Cái Lớn, Cái Bé (sông), Cái Bèo (chợ trên kênh), Cái Cốt (sông), Cái Khế (tên chợ), Cái Mơn (tên đất), Cái Răng (tên đất, chợ, sông, kênh đào), Cái Sắn (tên đất), Cái Vồn (rạch), Cái Tàu (sông)...

Các địa danh có từ **BÀ**: dùng để chỉ hoặc gọi những người đàn bà đứng tuổi hoặc đáng kính trọng. Địa danh có từ **Bà** còn gắn liền với yếu tố thờ mẫu như: Bà Chúa Xứ, Bà Thiên Hậu, Bà Đen.

Các địa danh được đặt theo tên của người phụ nữ hay đơn giản là ở nơi đó có nhiều người phụ nữ đẹp. Ví dụ như: Nàng Chăn, Nha Mân, Mỹ Tho ...

### **3. Một số thành tố mang yếu tố “nữ” tham gia cấu tạo địa danh ở Nam Bộ**

#### **3.1. Thành tố “Cái”**

##### *3.1.1. Cái Nhum (rạch, chợ):*

Ý nghĩa từ Cái Nhum, giả thuyết đầu tiên có thể do dòng chảy bắt nguồn từ sông Cái Tư. Khu vực này có nhiều cây nhum, nên lâu ngày dân gian đặt thành tên rạch.

Cây nhum, tiếng Khmer gọi là cà nhum - phải chăng, cà nhum đọc trại dần thành cái nhum?

Nhum, loại cây có thân to như cau, dừa, tàu có gai dài, cứng nhọn dễ gây thương tích cho người. Rễ sâu, chắc; nhum mọc thành chùm, bụi. Mỗi bụi có từ 04 - 05 cây. Thân cây chắc, dùng làm cột nhà, đũa ăn, bộ vạc ngũ... Trái nhum có quày như cau ớt, hay dùng đỉnh. Thời xưa, người đi rừng gặp cây nhum thì đốn xuống lấy gỗ, chặt đọt đem về nấu canh, xào tôm thịt ăn rất ngon. Giờ đây, thỉnh thoảng người ta đào đất vẫn gặp các cây nhum bị chôn lấp. Tương tự, tại xã Vĩnh Thuận Tây (*huyện Vị Thủy, Hậu Giang*), huyện Giồng Riềng (*Kiên Giang*), huyện Măng Thít (*Vĩnh Long*) cũng có các con rạch mang tên Cái Nhum.

Sau khi kinh Xà No hoàn thành, một ngôi chợ nhỏ đã ra đời, ông Cả Sam đứng ra thành lập. Do chợ lập trên bờ rạch Cái Nhum, ăn thông ra kinh Xà No nên dân gian đặt gọi luôn chợ Cái Nhum. Buổi đầu chợ có sáu tiệm tạp hóa, cà phê, hủ tiếu. Dần dần có cả tiệm hút á phiện (*trên gác*). Tên chợ Cái Nhum tồn tại cho đến khi thành lập khu trù mật, rồi tỉnh Chương Thiện (1961).

##### *3.1.2. Cái Tàu Thượng, Cái Tàu Hạ*

- Giai thoại về Cái Tàu Thượng, Cái Tàu Hạ

Khi xưa có một chàng trai sống ở Cái Tàu Thượng phải lòng một cô gái nét na thùy mị xứ Cái Tàu Hạ. Nhưng vì khoảng cách xa xôi, đường đi khó khăn nên thỉnh thoảng chàng trai mới xuống thăm cô gái. Quen nhau đã lâu chàng trai cũng dành dụm đủ tiền để mua sính lễ dạm hỏi nàng. Sau khi mua đầy đủ sính lễ, chàng trai chuẩn bị xuống nhà cô gái để báo tin mừng cho nàng. Thì chợt mưa giông kéo đến chàng vô tình trượt chân đánh rơi túi lễ vật xuống dòng sông, nơi đang có một lỗ nước xoáy lớn, chưa kịp hoảng hồn thì túi lễ vật biến mất theo dòng nước xoáy.

Chàng trai buồn bã vì bao công sức dành dụm bấy lâu nay cuốn trôi theo dòng nước. Vài ngày sau chàng trai quyết định xuống nhà cô gái để kể rõ sự tình. Kể xong đầu đuôi câu chuyện cô gái không chút buồn phiền, còn khuyên bảo chàng trai cố gắng làm ăn rồi thế nào hai đứa cũng đến được với nhau. Nhưng có một chuyện lạ mà cô gái muốn kể lại cho chàng trai biết, số là vài ngày trước cô gái đang ngồi giặt áo ở bờ sông, đột nhiên thấy một túi đồ trôi lại gần mình, thấy lạ cô gái mở ra xem thì trong đó toàn vàng bạc không thôi. Chàng trai thấy lạ, nói cô gái đem ra cho mình xem thì đúng là túi đồ sính lễ mà mình đã đánh rơi ở lỗ nước xoáy mấy hôm trước. Mừng quá chàng trai ôm chầm lấy cô gái, số trời đã cho ta lấy được nàng.

Sau này chàng trai về lại nhà mình có ý thử lại hiện tượng lạ trên, thì mười lần như một tất cả những gì chàng trai gửi thông qua lỗ nước xoáy cô gái đều nhận được.

Có nhiều giả thuyết về tên gọi của 2 vùng đất này nhưng chủ yếu xoay quanh những giả thuyết như sau:

- Giả thuyết thứ nhất:

CÁI: thường gắn với sông Cái (chứ chưa bao giờ nghe nói đến sông Đực)

TÀU: ở những vàm sông tập trung đông tàu bè thương thuyền qua lại buôn bán.

- Giả thuyết thứ hai:

Thường thì người Hoa họ buôn bán rất giỏi (cứ nhìn vào chợ Lớn và Cù Lao Phố khi xưa là sẽ biết), những nơi nào có chợ là nơi đó có người Hoa, họ giỏi về thương thuyền mua bán. Dưới thời chúa Nguyễn, các chúa Nguyễn chấp nhận người Hoa tị nạn và dựa theo đó tiến hành thu thuế công việc làm ăn của họ. Những nơi nào có đông người Hoa sinh sống và buôn bán chúa Nguyễn sẽ đặt một chức gọi là CÁI TÀU, tức người cai quản những người Hoa và coi xem những việc tàu bè ở nơi đó.

Còn về Thượng và Hạ đơn giản chỉ là vị trí của từng vùng căn cứ theo sông Tiền, thượng nguồn sông Tiền và hạ nguồn sông Tiền. Khi xưa hai địa danh này đều thuộc tỉnh Sa Đéc, đúng theo cái tên một nơi ở đầu Tỉnh Sa Đéc thuộc quận Lấp Vò, một nơi ở cuối Tỉnh thuộc quận Châu Thành, cách nhau chừng 50 cây số.

### 3.1.3. *Cái Tắc*

Cái Tắc có tên gốc là Cái Tắt. Cần Thơ trước đây nổi tiếng với nhiều kênh ngòi chằng chịt chảy khắp mọi nơi. Dòng sông trải dài thường có những lối tắt di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Sau này người ta sửa lại thành Cái Tắc. Đây là một địa danh thuộc tỉnh Hậu Giang (sau khi tách tỉnh ra từ Cần Thơ).

## 3.2. **Thành tố “Nàng”**

### 3.2.1. *Rạch Nàng Chăn*

Rạch Nàng Chăn có hình dạng cong cong trên đất xã Vị Tân ven thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Điểm đầu giáp rạch Bờ Lách, điểm cuối nối với kinh Năm Chín (59) đổ ra rạch Tràm Cửa. Thời xưa người Khmer định cư quanh vùng, bên cạnh người Kinh, mở đầu giai đoạn khẩn hoang trên đất Vị Tân.

Địa danh Nàng Chăn bắt nguồn từ tiếng Khmer. Vùng đất này vốn do một người phụ nữ có tên là Chan về khai khẩn đầu tiên, người Khmer gọi bà là Nèn Chan. Lâu dần từ “Nèn Chan” được người Việt đọc trại thành “Nàng Chăn”.

## 3.3. **Thành tố “Bà”**

### 3.3.1. *Quần đảo Bà Lụa*

Là một quần đảo trong Vịnh Thái Lan thuộc lãnh thổ huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Về hành chính quần đảo thuộc xã đảo Sơn Hải huyện Kiên Lương.

Tên gọi Bà Lụa của quần đảo này được người ta giải nghĩa rất khác nhau. Có nguồn cho rằng Bà Lụa là tên của một vị nữ tướng hậu cần đã lập xưởng dệt lụa trên đảo này để cung cấp cho nghĩa quân Nguyễn Trung Trực (Anh Đông, 2010). Nguồn khác giải thích rằng một người Pháp có tầm ảnh hưởng lên chính quyền thuộc địa đã đến khai thác vùng này, và bà vợ người Việt gốc Hoa của ông có tên là Bà Lụa. Giấy tờ, chủ quyền đất đai đều do bà đứng tên, từ đó quần đảo có tên là Bà Lụa. Lại có nguồn cho rằng khoảng năm 1858, một ông quan lớn lấy được một bà vợ có nhan sắc và tính tình hiền hậu. Bà tìm nơi bình yên, lánh xa chốn quan trường và cuối cùng đã dừng chân tại đây. Hàng ngày bà nuôi tằm, dệt lụa và từ đó người ta đặt tên quần đảo theo nghề của bà.

### 3.3.2. *Ao Bà Om*

Ao Bà Om còn được gọi là ao Vuông, là một thắng cảnh độc đáo và nổi tiếng ở tỉnh Trà Vinh, thuộc khóm 3, phường 8, thành phố Trà Vinh, cách trung tâm thành phố Trà Vinh 7 km dọc theo quốc lộ 53 về phía Tây Nam. Khuôn viên ao rộng 100.000 m<sup>2</sup>, được bao bọc bởi hàng trăm cây sao, dầu cò thụ trăm tuổi, với những bộ rễ trồi lên mặt đất tạo nên những hình thù kì lạ. Người đời sau đã đưa ra nhiều giả thuyết về tên gọi của địa danh này.

Theo truyền thuyết, để có hồ nước ngọt dùng trong mùa khô, dân làng người Khmer tổ chức cuộc thi đào ao giữa hai nhóm phái nam và nữ đồng thời cũng để quyết định phái nào thua sẽ phải đi cưới hỏi phái kia. Bên phái nam có nhiều sức mạnh nên họ vừa làm vừa chơi. Bên

phái nữ dưới sự lãnh đạo của người tên Om, dùng nhiều mưu mẹo để tri hoãn nhóm nam. Khi đào gần xong, họ cho treo đèn lồng ở phía Đông làm cho nhóm nam tưởng là sao Mai đã mọc nên nghỉ sớm. Sau cuộc thi nhóm nam thua cuộc và ao của họ vẫn còn dấu tích tuy đã cạn nước. Ao của nhóm nữ đặt tên ao theo tên của bà Om. Và truyền thống nam đi cưới nữ, con phải lấy họ mẹ trong dân tộc Khmer cũng bắt đầu từ đây. Mãi đến sau này người Pháp cai trị nước ta thì con mới lấy theo họ cha.

Cũng giải thích tên gọi cho ao Bà Om còn có một câu chuyện khác. Xưa kia có một vị hoàng tử rất độc ác trấn nhậm vùng đất Trà Vinh, bắt dân chúng phải dâng gái đẹp cho ông ta, ai bất tuân sẽ bị trừng trị nặng. Vị hoàng tử này buộc phụ nữ phải đem lễ vật đi cưới đàn ông. Một hôm có một cô gái xinh đẹp đến gặp hoàng tử để bày tỏ về tập tục bất hợp lý này. Vì bị lôi cuốn bởi vẻ đẹp của cô gái nên hoàng tử muốn làm vừa lòng người đẹp, vừa muốn xóa bỏ tập tục của mình đặt ra bằng cách cho mở một cuộc thi đào ao. Sau đó mọi chuyện diễn ra như chuyện kể trên nhằm giải thích cho tên gọi của địa danh này.

### 3.3.3. Bà Tó:

Là hóc (rạch nhỏ) ở xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Bà Tó có lẽ là một người Khmer. Vì ngày xưa hóc (= hói) ở giữa rừng vắng, xa xôi nên từ tổ hóc Bà Tó chỉ nơi xa xôi, vắng vẻ.

### 3.3.4. Bà Đồ

Là xóm thuộc vùng Bình Thủy xưa, nay thuộc xã Long Xuyên, cách thành phố Cần Thơ 5km về phía Long Xuyên. Đây là nơi các văn nhân tụ hội xướng họa. Bà Đồ có chồng dạy học. Chồng qua đời, bà tiếp tục dạy nên dân làng gọi là xóm Bà Đồ.

### 3.3.5. Bà Đầm

Bà kết hợp với một từ gốc Pháp đồng nghĩa dame thành bà đầm. Bà Đầm là con kênh nối liền Rạch Giá với thành phố Cần Thơ ra sông Hậu, dài 14km, đào năm 1894 – 1895. Cũng gọi kinh Ô Môn. Sở dĩ gọi là kinh Bà Đầm vì lúc đào kênh, các đốc công Pháp đem theo gia đình sống trên một cái nhà bè, chiều chiều một bà đầm thường ra đứng xem công nhân làm việc.

## 4. Kết luận

Đồng bằng sông Cửu Long đang phát triển từng ngày. Khung cảnh hoang sơ, lau sậy, rừng rậm của thuở đầu khai phá giờ đã là những ruộng lúa trĩu bông, những mảnh vườn sum suê trái chín. Những câu chuyện dân gian về địa danh như một cách “ôn cố tri tân”, ghi nhớ công lao tiền nhân thời mở đất, giúp thế hệ hôm nay biết trân quý những gì ông cha đã cố công gây dựng.

Những câu chuyện về địa danh như mạch nước ngầm vẫn âm thầm chảy suốt chiều dài lịch sử của vùng đất này, góp phần khơi dậy những nét đẹp văn hóa, đậm đà bản sắc dân tộc.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. *Cổng thông tin điện tử tp vịnh thanh* (vithanh.haugiang.gov.vn)
- [2]. *Địa danh Việt Nam có thành tố BÀ* ( tungnguyenhocblogspot.com)
- [3]. *Từ điển Việt - Việt* ( tratusoha.vn)

# GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH SINH THÁI CỘNG ĐỒNG Ở VƯỜN QUỐC GIA SÔNG THANH, TỈNH QUẢNG NAM

SV: Nguyễn Bảo Trường – Lớp ĐHVNH19A  
GVHD: ThS. Võ Nguyên Thông

## Tóm tắt

*Mục đích của bài nghiên cứu này là phân tích, đánh giá tiềm năng khai thác và phát triển du lịch bền vững sinh thái cộng đồng tại Vườn quốc gia (VQG) Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp phù hợp phát triển du lịch sinh thái gắn kết với cộng đồng cư dân. Đánh giá thực trạng khai thác du lịch tại đây và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao khả năng khai thác du lịch từ những nguồn tài nguyên sẵn có tại VQG. Khai thác các tuyến du lịch trải nghiệm, quảng bá hình ảnh, thu hút du khách và sự đầu tư của các cá nhân, doanh nghiệp cả trong và ngoài nước.*

**Từ khóa :** Du lịch bền vững, Du lịch sinh thái cộng đồng, VQG Sông Thanh.

## 1. Đặt vấn đề

Vườn quốc gia Sông Thanh là một nơi có nhiều cảnh quan thiên nhiên vô cùng thú vị và đẹp đẽ, hấp dẫn du khách. Ở đây có vị trí đặc biệt quan trọng khi nằm ở điểm kết thúc của dãy Trường Sơn Bắc và là nơi bắt đầu của dãy Trường Sơn Nam, trên vùng núi thấp và trung bình, địa hình chia cắt phức tạp, có độ dốc lớn, tạo nên lưu vực đầu nguồn của hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn do hai nhánh sông Bung và sông Cái hợp thành, chảy theo hướng Tây - Đông đổ ra biển Đông tại Cửa Đại - Hội An. Đặc biệt, VQG Sông Thanh có những giá trị bảo tồn mang tầm quan trọng cấp quốc gia và toàn cầu. Sông Thanh là Vườn quốc gia đầu tiên của tỉnh Quảng Nam và là một trong những khu rừng đặc dụng có diện tích lớn nhất ở Việt Nam với tổng diện tích hơn 76.660 ha trải rộng trên địa bàn 12 xã thuộc huyện Nam Giang và Phước Sơn - hai huyện miền núi phía Tây thuộc khu vực biên giới Việt - Lào; phía Nam giáp tỉnh Kon Tum. Trong đó 58.220 ha nằm trong phạm vi bảo vệ nghiêm ngặt, nguyên vẹn toàn bộ tài nguyên rừng và đất rừng. Hơn 18.360 ha thuộc phân khu phục hồi sinh thái với chức năng bảo vệ cảnh quan, tài nguyên rừng. Khu vực này sẽ phục hồi các hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học và các giá trị khác của khu rừng; thực nghiệm, nghiên cứu lâm sinh, động, thực vật và địa chất thủy văn; phát triển du lịch sinh thái.

Vì vậy, tại đây có rất nhiều tiềm năng để khai thác phục vụ du lịch nhất là du lịch sinh thái gắn kết với cộng đồng dân cư đồng bào dân tộc thiểu số. Do có các đồng bào thiểu số quanh vùng đem tạo nên sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán, lối sống cũng như nét đặc trưng trong sản xuất sinh hoạt của người dân nơi đây. Điều này giúp thu hút dễ dàng các khách du lịch vừa muốn tham quan, nghiên cứu cảnh vật thiên nhiên, vừa muốn tìm hiểu nét văn hóa của người dân bản địa.

Việc phát triển và khai thác du lịch tại VQG hiện tại thật sự chưa được quan tâm đúng mực, chưa có sự quản lý và tham gia đồng bộ của các cơ quan quản lý tại địa phương và cư dân bản địa về phát triển du lịch. Chưa có công trình nghiên cứu nào tập trung hướng đến các phát triển giá trị du lịch sinh thái cộng đồng một cách bền vững. Vì thế, bài nghiên cứu này sẽ hướng đến các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và khả năng khai thác các hoạt động du lịch mang nét đặc trưng dành cho VQG Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu hướng đến phát triển bảo vệ môi trường một cách bền vững giúp bảo tồn sự đa dạng sinh học, tôn tạo các giá trị tài nguyên du lịch. Từ những nguồn tài nguyên du lịch sẵn có, bài nghiên cứu này giúp khai thác tiềm năng phát triển loại hình du lịch sinh thái cộng đồng với nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn thu hút du khách. Đề ra các biện pháp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, phát triển loại hình du lịch này và mang về lợi ích kinh tế, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và chất lượng đời sống của người dân địa phương.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm về du lịch sinh thái cộng đồng và lý thuyết phát triển du lịch bền vững

Du lịch sinh thái cộng đồng (DLSTCĐ) là loại hình du lịch do cộng đồng tổ chức, dựa vào thiên nhiên và văn hóa địa phương với mục tiêu bảo vệ môi trường. DLSTCĐ đề cao quyền

*làm chủ, chú ý phân bổ lợi ích rộng rãi và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng. Với khách du lịch, DLSTCD tạo cơ hội tìm hiểu, nâng cao nhận thức về môi trường và giao lưu văn hóa, trải nghiệm cuộc sống hằng ngày của cộng đồng.*

*Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai. (Luật Du Lịch 2017 số 09/2017/QH14).*

Đề khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch sinh thái trong hoạt động du lịch chúng ta cần phải thực hiện các nguyên tắc cơ bản mang tính bền vững. Phát triển du lịch bền vững, theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, tài nguyên thiên nhiên, khai thác lợi thế của từng địa phương và tăng cường liên kết vùng. Ở những nước đang phát triển, nền tảng phát triển của loại hình du lịch này phần lớn không dựa vào những khoản đầu tư lớn để tạo ra những điểm du lịch đắt tiền mà thường dựa vào tài nguyên du lịch và sự đa dạng trong bản sắc văn hóa dân tộc trên cơ sở bảo tồn và phát triển bền vững. Những nguồn lực này đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế bằng việc tạo cơ hội việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng cư dân địa phương.

## **2.2. Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại VQG sông Thanh**

### **- Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại VQG sông Thanh**

VQG Sông Thanh là nơi vừa được công nhận là Vườn quốc gia nhằm nâng cấp khả năng bảo tồn sự đa dạng sinh học nơi đây. Khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh được chuyển thành Vườn quốc gia Sông Thanh theo Quyết định số 3689/QĐ-UBND, ngày 18/12 của UBND tỉnh Quảng Nam. Nơi đây được thiên nhiên ưu ái với nhiều loài động thực vật quý hiếm và vô cùng phong phú. VQG Sông Thanh có những giá trị bảo tồn cấp quốc gia và toàn cầu với hệ thực vật vô cùng phong phú và đa dạng khi có hơn 899 loài thực vật bậc cao, trong đó có 101 loài trong Sách Đỏ. Đặc biệt, Vườn có một số loại quý, hiếm như: Trầm hương, Lan Kim tuyến, Chò Chỉ Lào, Mây sông Thanh, Lá nón Trung Bộ. Vườn quốc gia Sông Thanh còn là một khu vực rừng hỗn giao tập trung hàng trăm hecta loài Phomus. Vừa là nơi có khí hậu mát mẻ trong lành, vừa có tài nguyên thiên nhiên phong phú tạo nên tính đa dạng sinh học cao. Không những thế, nơi đây còn hấp dẫn bởi các giá trị văn hóa độc đáo của cộng đồng người dân địa phương với hơn 5.500 hộ gia đình, trong đó có tới 95% là người dân tộc Cơ Tu, Giẻ Triêng và Mơ Nông ở 02 huyện Nam Giang và Phước Sơn. Đây là những lợi thế để có thể khai thác loại hình du lịch sinh thái cộng đồng hướng tới phát triển bền vững ở VQG sông Thanh tỉnh Quảng Nam.

VQG Sông Thanh là nơi thứ 03 của Việt Nam ghi nhận sự xuất hiện của nhiều loài động vật cực kỳ quý hiếm được ghi vào sách đỏ của thế giới như: cầy vằn, thỏ vằn, mang lớn, sao la... bằng phương pháp bẫy ảnh; là vùng chim đặc hữu của thế giới, đồng thời là vùng đa dạng sinh học trọng điểm. VQG Sông Thanh nhờ sở hữu sự đa dạng sinh học, các loài sinh vật vô cùng phong phú nên tiềm năng phát triển, khai thác du lịch sinh thái cộng đồng ở nơi đây là rất lớn. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch cần phải luôn đi đôi với mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên và môi trường. Muốn phát triển bền vững du lịch sinh thái cộng đồng việc cần làm chính là kết nối với người dân vùng đệm của VQG. Vì vậy, trong các hoạt động du lịch VQG phải luôn chú trọng vào tạo lập sinh kế cho cộng đồng địa phương, tạo điều kiện việc làm để những người dân bản địa tham gia vào hoạt động du lịch như: hướng dẫn các tour sinh thái - văn hóa - lịch sử, trải nghiệm văn hóa cộng đồng; liên kết với doanh nghiệp tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ của đồng bào Cơ Tu, Giẻ Triêng và Mơ Nông; mở rộng và khôi phục các sản phẩm làng nghề để phát triển du lịch và nâng cao đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc trong vùng đệm của VQG. Từ đó, giúp ngăn chặn việc chặt phá và săn bắt trái phép của người dân địa phương. Giúp họ có nhiều cơ hội việc làm, gắn kết du lịch với cộng đồng, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của người dân địa phương.

### **- Thực trạng hoạt động phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại Vườn Quốc Gia Sông Thanh**

Giai đoạn 2016 – 2020, USAID đã hỗ trợ 24 triệu USD giúp chính quyền, khối tư nhân và người dân ở 02 tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; đồng thời tăng cường năng lực ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu của các



cộng đồng dễ bị tổn thương. Sông Thanh là VQG đa dạng hệ sinh thái bậc nhất Việt Nam, hội tụ đủ các yếu tố để phát triển du lịch sinh thái cộng đồng bởi rừng nguyên sinh đẹp và lòng hồ thủy điện bình yên, cùng với các giá trị văn hóa bản địa của đồng bào. Tuy nhiên, nơi đây chưa thật sự đồng nhất và đa dạng về cách tổ chức hoạt động du lịch, cũng như chưa khai thác tiềm năng của tài nguyên du lịch mà nơi đây vốn có.

Tour du lịch trải nghiệm đến VQG Sông Thanh nhằm thu hút cộng đồng cùng tham gia cải thiện sinh kế cho người dân, mở rộng và khôi phục các sản phẩm làng nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch. Đây là cơ hội để khai thác các giá trị cảnh quan thiên nhiên với tiềm năng về du lịch. Từ Trạm bảo vệ rừng Khe Vinh thuộc xã Tà Pơ, huyện Nam Giang, du khách xuống bến thuyền trải nghiệm trên dòng sông Thanh và cập bến vào Trạm bảo vệ rừng Khe Ru là có thể bắt đầu hành trình trải nghiệm du lịch bảo vệ rừng. Tour du lịch cũng nhằm đánh giá hiện trạng rừng, du khách sẽ chứng kiến và tham gia vào việc tháo dỡ bẫy thú rừng của lực lượng bảo vệ rừng, xử lý các tình huống đẩy đuổi các đối tượng xâm hại rừng. Theo ông Đinh Văn Hồng, Giám đốc Ban quản lý VQG Sông Thanh chia sẻ: *“Nơi đây sẽ trở thành điểm tham quan du lịch sinh thái lý tưởng cho du khách thích khám phá, chiêm ngưỡng những khu rừng nguyên sinh, những con sông suối trong mát và cùng trải nghiệm với sự đa dạng về sinh vật trong môi trường hoang sơ, hùng vĩ”*.

Đây là cơ hội để khai thác các giá trị cảnh quan thiên nhiên với tiềm năng về du lịch khác như đường Hồ Chí Minh lịch sử, các di tích nền văn hóa Sa Huỳnh, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng dân tộc thiểu số vùng tây Quảng Nam. Bên cạnh đó, Tỉnh đang xúc tiến xây dựng đề án phát triển hành lang đa dạng sinh học của khu vực Trường Sơn nhằm kết nối giữa VQG Sông Thanh, rừng Ngọc Linh và KBTTN Sao la trong thu hút du lịch sinh thái kết nối vùng.

### **3. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái cộng đồng VQG Sông Thanh**

#### **3.1. Khai thác các tuyến du lịch trải nghiệm**

Với diện tích rừng rộng lớn và sự đa dạng sinh học với nhiều cảnh quan thiên nhiên vô cùng hoang sơ và thoáng mát, VQG sông Thanh là nơi thuận lợi cho việc khai thác các tuyến du lịch trải nghiệm. VQG cần chú trọng khai thác một số tuyến du lịch trải nghiệm như đường Hồ Chí Minh lịch sử - VQG sông Thanh; tour du lịch từ Khe Ru đến Tháp Ba Tầng; tuyến tham quan phố cổ Hội An - Quảng Nam; trải nghiệm du lịch tuần tra bảo vệ rừng và tìm hiểu các di tích nền văn hóa Sa Huỳnh, trải nghiệm chèo thuyền trên sông Thanh và cập bến vào trạm bảo vệ rừng Khe Ru để quan sát thiên nhiên và các loài động thực vật quý hiếm; tour tìm hiểu các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng dân tộc thiểu số vùng tây Quảng Nam, khai thác tuyến hành lang đa dạng sinh học của khu vực Trường Sơn kết nối giữa VQG Sông Thanh với rừng Ngọc Linh và KBTTN Sao La. Bên cạnh đó còn có thể khai thác tuyến đi bộ xuyên rừng, cho du khách trải nghiệm du lịch mạo hiểm, cắm trại qua đêm tại đây. Đến đây du khách có thể tham quan ngắm nhìn thác Grăng, cầu Thác Nước và những cảnh đẹp nên thơ và đầy hùng vĩ.

Tỉnh đang tích cực trao đổi với tỉnh Sê Kông, nước CHDCND Lào để kết nối giữa 02 địa phương để có sự phối hợp với nhau cùng thiết lập một hành lang bảo vệ an toàn đa dạng sinh học Thừa Thiên Huế - Sê Kông - Quảng Nam - Kom Tum.

Để khai thác tiềm năng và phát triển du lịch sinh thái tại VQG, chúng ta cần phải tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng của nơi đây để thu hút du khách nội địa và quốc tế. Sản phẩm du lịch đặc trưng của VQG Sông Thanh cần đầu tư khai thác thu hút khách du lịch dựa trên những tiềm năng mà Vườn đang sở hữu như: chèo thuyền trên sông Thanh, du lịch mạo hiểm, cắm trại qua đêm ở trong rừng; khám phá tour du lịch sinh thái VQG Sông Thanh cùng với nhân viên kiểm lâm, du lịch tuần tra bảo vệ rừng. Ngoài tận hưởng các sản phẩm du lịch, du khách còn có cơ hội trải nghiệm tìm hiểu thêm về nét đẹp văn hóa của các dân tộc bản địa, được sinh hoạt cùng các cư dân địa phương và thưởng thức ẩm thực đặc sản tại nơi đây.

#### **3.2. Phát triển du lịch sinh thái cộng đồng**

Để phát triển du lịch sinh thái với cộng đồng được thì cần phải có sự ủng hộ và tham gia làm du lịch của các cư dân bản địa. Quanh vùng đệm của VQG Sông Thanh là nơi cư trú của

cộng đồng nhiều dân tộc sinh sống tạo nên sự đa dạng và phong phú về bản sắc văn hóa mang những nét đặc trưng độc đáo. Đây là điều kiện thuận lợi để gợi mở định hướng khai thác du lịch sinh thái kết hợp khám phá văn hóa của các dân tộc Cơ Tu, Giẻ Triêng và Mơ Nông bản địa. Đến với khu vực của các dân tộc địa phương, du khách được tham gia sinh hoạt với người dân địa phương, thưởng thức các món ăn; tìm hiểu về văn hóa, làng nghề, hoạt động sản xuất, đời sống người bản địa; đi bộ hoặc đạp xe qua các bản làng; tham quan và khám phá những nét văn hóa của người Cơ Tu, Giẻ Triêng, Mơ Nông. Khai thác giá trị và phát triển làng nghề tại nơi đây giúp thu hút các du khách gần xa, vừa tạo cơ hội việc làm cho đồng bào dân tộc vừa phát triển làng nghề giúp đời sống của họ cải thiện hơn. Các cơ quan quản lý, các đơn vị cung cấp dịch vụ du lịch và người dân địa phương cùng liên kết phối hợp vừa làm du lịch sinh thái vừa gắn kết du lịch với cộng đồng các dân tộc tại VQG.

### **3.3. Phát triển thị trường khách du lịch, quảng bá du lịch**

Muốn phát triển du lịch thì cần phải có những phương thức quảng bá hình ảnh VQG đến cho du khách. Cần phải tạo ra sự thu hút từ cảnh quan thiên nhiên đến những dịch vụ du lịch đến cho khách du lịch, giúp thị trường khách du lịch đến VQG thường xuyên và phong phú hơn. Để du lịch thật sự phát triển bền vững thì VQG Sông Thanh cần có kế hoạch xây dựng thương hiệu, hình ảnh về phát triển du lịch sinh thái cộng đồng nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch để tổ chức quảng bá có hiệu quả và tập trung vào các thị trường quan trọng; nghiên cứu nhu cầu, xác định tiềm năng và lợi thế nhằm tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước để thu hút du khách đến tham quan, đặc biệt là khách Nga, Nhật Bản, Australia, New Zealand, Mỹ và Châu Âu; phối hợp với các thành phần kinh tế để nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch; đồng thời, xây dựng các chương trình đầu tư trọng điểm các khu du lịch, tuyến điểm du lịch đã được quy hoạch nhằm đa dạng các dịch vụ du lịch của VQG.

Chú trọng vào việc phát triển du lịch lâu dài, sử dụng các chiến lược quảng bá hình ảnh hiệu quả trên các diễn đàn về du lịch và cổng thông tin điện tử của tỉnh, cập nhật các thông tin và vị trí của VQG Sông Thanh để giúp du khách dễ dàng tìm kiếm giúp tăng lượt khách trung bình mỗi năm. Quảng bá hình ảnh đến du khách quốc tế qua các nền tảng mạng xã hội như: facebook, tiktok, instagram, google, twitter... Đăng các bài viết về sự trải nghiệm của du khách đã từng đến du lịch và tham quan tại Vườn, điều này giúp du khách có sự tin tưởng và đánh giá khách quan hơn về chất lượng phục vụ du lịch. Với trình độ phát triển khoa học công nghệ hiện nay, việc quảng bá hình ảnh về du lịch sinh thái cộng đồng tại VQG Sông Thanh là vô cùng thuận lợi với nhiều hình thức truyền thông, cụ thể như: Viết các bài báo, băng hình, các chương trình giới thiệu, chụp các hình ảnh, làm phim video để giới thiệu cho khách các thông tin khá đầy đủ, hấp dẫn, có sức thuyết phục và thu hút du khách gửi đi các báo, đài phát thanh, truyền hình, tỉnh, huyện; phối hợp với các sở ban ngành trong lĩnh vực du lịch, các cơ quan du lịch và các doanh nghiệp lữ hành để đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch của VQG.

### **3.4. Phát triển và đa dạng sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng**

Sản phẩm du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút khách du lịch, cần phải tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính đặc thù và mang màu sắc riêng biệt của vùng. Trong hoạt động du lịch thì cần có những sản phẩm du lịch phù hợp với mục đích và nhu cầu du lịch của du khách. Vì vậy cần khai thác tối đa những sản phẩm du lịch có khả năng phù hợp môi trường và cảnh quan thiên nhiên tại đây. Đảm bảo cho du khách tận hưởng các hoạt động du lịch nhiều ý nghĩa và an toàn trên chuyến hành trình du lịch của mình.

Tập trung khai thác các SPDL mang tính đặc thù của địa phương như: hoạt động thể thao mạo hiểm – trekking; marathon băng rừng tại Khe Ru. Đồng thời định hướng cho các khu, điểm du lịch trong việc xây dựng các mô hình trồng cây nông nghiệp có hoa theo mùa, tổ chức dịch vụ trải nghiệm như: gặt lúa, dệt vải, câu cá...; tổ chức trình diễn và xây dựng các cửa hàng lưu niệm; khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống; thành lập các tổ, đội văn nghệ dân gian; tổ chức các trò chơi dân gian; tham quan rừng nguyên sinh, tắm nước suối trong xanh; du thuyền trên sông Thanh ngắm cảnh; đi bộ tham quan rừng với sự hướng dẫn của người dân

địa phương; ngủ qua đêm tại nhà sàn của đồng bào; thưởng thức các món ăn địa phương; tìm hiểu các hoạt động văn hóa, sản xuất, đời sống người bản địa; đi bộ hoặc xe đạp qua các bản làng; tham quan và khám phá những nét văn hóa độc đáo có một không hai của người dân tộc Cơ Tu, Giẻ Triêng và Mơ Nông.

### **3.5. Phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng - thu hút đầu tư du lịch**

Cơ sở hạ tầng của VQG hiện tại chưa đầu tư nhiều vào phát triển du lịch. Với lượt khách đến tham quan và khám phá không ngừng tăng lên, Ban Quản lý cần kêu gọi đầu tư và khai thác nhiều hơn nữa về cơ sở hạ tầng để phục vụ cho du lịch. Đầu tư vào điều kiện vệ sinh, bố trí các thùng rác tại các điểm tham quan xuyên rừng, xây dựng nhà vệ sinh cho du khách... Kêu gọi xây dựng các nhà nghỉ, hotel quanh vùng đệm phục vụ khách du lịch; cho dựng các trạm, lều, trại camping dừng chân trong rừng để du khách nghỉ ngơi khi tham quan trong rừng. Xây dựng đài quan sát với trang thiết bị ngắm ống nhòm từ xa để cho du khách dễ dàng ngắm nhìn các loài chim và động thực vật từ phía trên cao. Phát triển loại hình du lịch **homestay** trên cơ sở các dịch vụ lưu trú thuộc sở hữu của người dân địa phương; đẩy mạnh loại hình du lịch sinh thái trên nền tảng đầu tư khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên.

VQG Sông Thanh cần đầu tư cơ sở lưu trú phục vụ nhu cầu nghiên cứu của chuyên gia và nghỉ dưỡng cho du khách; xây dựng các khu trưng bày tiêu bản động vật, thực vật quý hiếm sinh sống trong các khu rừng của VQG và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của đồng bào các dân tộc bản địa; thành lập Trung tâm du lịch và dịch vụ du lịch đặt tại Văn phòng VQG Sông Thanh nhằm chủ động đón phục vụ khách du lịch; đồng thời, chủ động liên kết hợp tác với các đơn vị du lịch - lữ hành để hợp tác phát triển du lịch. Kêu gọi đầu tư khai thác các sản phẩm mới trên các tuyến du lịch, đầu tư mở rộng quy mô cơ sở của làng nghề để phục vụ du lịch. Cần ban hành các quy định, cơ chế chính sách khuyến khích sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp vào hoạt động phát triển du lịch, trong đó ưu tiên đối với những dự án đầu tư du lịch có giải pháp khả thi nhằm giảm thiểu các tác động của du lịch đến môi trường.

### **3.6. Phát triển nguồn nhân lực, xây dựng tổ chức bộ máy, hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản lý**

Phải kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế xã hội với mục tiêu bảo tồn sao cho phát triển du lịch sinh thái cộng đồng một cách bền vững. Hướng dẫn và giúp đỡ cộng đồng cư dân địa phương cùng tham gia các hoạt động du lịch giúp họ được hưởng lợi từ du lịch để cải thiện cuộc sống. Tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa cho người dân tìm hiểu và học tập về du lịch; có những chính sách hỗ trợ, giải quyết những khó khăn trong quá trình hoạt động của các bên tham gia. Thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch; huy động cả hệ thống chính trị ở địa phương cùng phát triển du lịch cộng đồng, đặc biệt cần huy động sự tham gia tích cực của các tổ chức như Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên... Chú ý huy động sức dân tự nguyện làm du lịch để tăng thu nhập của mình, góp phần xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo. Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng như chính sách thuế, chính sách cho vay, chính sách đào tạo nhân lực, đặc biệt là nhà nước cần chủ động giúp cộng đồng quảng bá sản phẩm du lịch ra thị trường trong và ngoài nước.

Khai thác thế mạnh về nguồn nhân lực chất lượng cao tại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Có kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực cho những người làm du lịch về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, kiến thức về môi trường - sinh thái - văn hóa bản địa và tiếng dân tộc; tiếp cận công nghệ mới trong quản lý rừng, kinh doanh du lịch, bảo tồn văn hóa truyền thống...; xây dựng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, lưu trú để đầu tư xây dựng và khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch sinh thái, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Bên cạnh đó, thường xuyên trao đổi, giao lưu với các VQG trong nước và quốc tế có hoạt động du lịch nhằm nâng cao kiến thức năng lực, mô hình hiệu quả trong quản lý và khai thác du lịch sinh thái cộng đồng bền vững. Đào tạo đội ngũ lao động có nghiệp vụ chuyên môn cao, giao tiếp tốt và thành thạo ngoại ngữ để dễ dàng đón tiếp các lượt khách quốc tế đến tham quan.

### **3.7. Bảo tồn đa dạng sinh học và giáo dục môi trường**

Cần áp dụng những thành tựu khoa học và kỹ thuật mới nhất vào lĩnh vực bảo tồn và phát huy hiệu quả việc khai thác các dạng tài nguyên du lịch sinh thái như: giảm thiểu những tác động của ô nhiễm môi trường, sử dụng công nghệ trong quản lý và phân tích dữ liệu...; thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của những người tham gia hoạt động du lịch, nhất là cộng đồng cư dân địa phương. VQG Sông Thanh cần chú trọng tạo lập sinh kế cho cộng đồng địa phương, phát huy giá trị văn hóa bản địa, tạo điều kiện để những người dân tham gia hướng dẫn các tour, tuyển tham quan sinh thái, văn hóa, lịch sử, trải nghiệm văn hóa cộng đồng; đồng thời liên kết với doanh nghiệp tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ của cư dân bản địa, bảo tồn và phát triển làng nghề giúp nâng cao đời sống kinh tế của bà con dân tộc trong vùng đệm của VQG Sông Thanh. Ban quản lý VQG Sông Thanh cần phải kiểm tra thường xuyên và bảo vệ rừng tốt hơn, tiếp tục xây dựng khu cứu hộ động vật hoang dã của miền Trung - Trường Sơn. Vườn có chức năng bảo tồn các giá trị tự nhiên, đa dạng sinh học, các loài động thực vật nguy cấp, quý hiếm; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tập huấn, khuyến khích và hỗ trợ vật chất đối với công tác nâng cao nhận thức về du lịch, nhất là du lịch bền vững; nâng cao hiểu biết cho cộng đồng dân cư địa phương và khách du lịch trong việc bảo tồn, tôn tạo và phát triển các tài nguyên du lịch, giá trị đa dạng sinh học của Vườn. Hỗ trợ phương tiện, bố trí đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách và mạng lưới cán bộ phục vụ cho chương trình giáo dục và nâng cao dân trí cho cộng đồng; đồng thời có chính sách đãi ngộ những cá nhân, tập thể, tham gia chương trình này.

Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia tích cực vào hoạt động du lịch; đồng thời nỗ lực bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, giữ gìn an ninh trật tự và ổn định xã hội cho hoạt động du lịch. Giáo dục nhận thức và nâng cao hiểu biết cho cán bộ, nhân viên ngành Du lịch, nhất là cho cộng đồng dân cư về du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng.

### **3.8. Phát triển du lịch bền vững về tài nguyên và môi trường**

Để hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững, VQG Sông Thanh cần giảm thiểu tối đa các yếu tố gây ra ô nhiễm môi trường. Để giải quyết các vấn đề môi trường liên quan đến phát triển du lịch bền vững, cần tập trung giải quyết một số nội dung sau:

- Xây dựng đề án bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực ứng phó với các sự cố môi trường tại các điểm tham quan du lịch tại đây; nghiên cứu xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn bền vững về môi trường trong du lịch phù hợp với tình hình phát triển du lịch VQG Sông Thanh của tỉnh Quảng Nam.

- Tất cả các công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan chuyên môn trước khi tiến hành xây dựng công trình phục vụ du lịch, nhằm phát hiện sớm và làm sáng tỏ các tác động môi trường của dự án. Qua đó, trình các cơ quan chức năng xem xét, cân nhắc trước khi cấp trên ra quyết định cấp phép đầu tư khai thác phục vụ du lịch.

- Khi xây dựng phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về xây dựng hạ tầng trong VQG, đặc biệt là xây dựng hệ thống đường, tuyến tham quan, cầu treo, các khu nhà nghỉ, hệ thống cấp thoát nước, khu vui chơi giải trí, bãi đỗ xe.

- Nhà nước, ngành Du lịch và chính quyền địa phương cần có hướng dẫn và có các qui định đối với cộng đồng cư dân trong hoạt động du lịch để tránh tình trạng lai căng, du nhập văn hóa không lành mạnh, bảo vệ và giữ gìn môi trường xã hội - nhân văn, văn hóa bản địa, bảo vệ và giữ gìn môi trường thiên nhiên, vệ sinh nhà ở, thôn xóm, vệ sinh an toàn thực phẩm; tránh tình trạng bê tông hóa. Đồng thời có những quy định và hướng dẫn để khách du lịch hiểu và tôn trọng luật pháp Việt Nam, phong tục, tập quán địa phương.

- Trong quản lý tài nguyên thiên nhiên cho khai thác du lịch sinh thái cộng đồng, cần chú ý đến sức chứa du lịch, bao gồm sức chứa kinh tế, sức chứa xã hội và sức chứa sinh thái để làm cơ sở cho quy hoạch, đầu tư và khai thác du lịch hợp lý hiệu quả. Tránh tình trạng khai thác du lịch một cách ồ ạt nhưng không mang lại hiệu quả kinh tế gây mất cảnh quan môi trường hệ sinh thái.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hệ thống nước thải, thu gom và xử lý rác thải tại các tuyến - điểm có hoạt động du lịch và xây dựng. Hệ thống nước thải bắt buộc phải được xử lý theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh các chất thải của ngành môi trường, trước khi ra môi trường rừng, các sông suối trong VQG. Tổ chức công tác giám sát, kiểm tra định kỳ, xác định các nguồn gây tác động môi trường để có giải pháp ngăn chặn hữu hiệu.

- Đầu tư các thùng rác thân thiện môi trường dọc các tuyến điểm du lịch trong VQG và tại các bản làng của người dân tộc. Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh sạch sẽ các tuyến đường tham quan, đặc biệt là phân động vật hay các nhánh cây rơi rụng làm chướng ngại vật của du khách. Tất cả các rác thải bắt buộc phải được thu gom vào các thùng chứa đặt trên trục đường, các khu trung tâm tuyến - điểm tham quan của VQG... Rác thải phải được phân chia thành 02 loại vô cơ và rác thải hữu cơ để đưa về địa điểm tập kết để xử lý an toàn; hạn chế sử dụng chai nhựa, bao nylon sử dụng những túi vải thân thiện với môi trường.

- Thường xuyên giám sát các tác động đến môi trường - sinh thái: Ban quản lý VQG Sông Thanh cần tăng cường công tác giám sát, kiểm tra định kỳ và kiểm tra bất thường nhằm xác định nguồn gây tác động môi trường - sinh thái, kiểm tra chất lượng hệ thống nước thải, thu gom và xử lý tại các tuyến - điểm có hoạt động du lịch và đưa ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời.

- Chi cục Kiểm lâm chuẩn bị các phương án và quy chế phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm và Ban Quản lý Vườn quốc gia Sông Thanh trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Thường xuyên tổ chức công tác kiểm tra, quản lý tài nguyên sinh thái nhằm ngăn chặn các hành vi xâm hại đến công tác bảo tồn đa dạng sinh học của VQG.

#### **4. Kết luận**

Trên cơ sở các chính sách về quản lý, phát triển du lịch cùng với việc Khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh được nâng cấp trở thành VQG, đây là cơ hội tiềm năng cho phát triển hoạt động du lịch sinh thái. VQG Sông Thanh sở hữu hệ động thực vật phong phú và nét văn hóa bản địa độc đáo sẽ trở thành điểm thu hút khách du lịch trong thời gian tới, đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học./.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Công Bính, (Ngày 23 tháng 12 năm 2020). Thành lập Vườn quốc gia Sông Thanh. Dân trí. <https://www.google.com/amp/s/amp.dantri.com.vn/xa-hoi/thanh-lap-vuon-quoc-gia-song-thanh-20201223164449639.htm>.

[2]. Đinh Thùy Dung, (Ngày 30 tháng 10 năm 2021). Phát triển du lịch bền vững là gì? Giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam. <https://www.google.com/amp/s/luatduonggia.vn/phan-tien-du-lich-ben-vung-la-gi-giai-phap-phan-tien-du-lich-ben-vung-o-viet-nam/amp/>.

[3]. Nguyễn Văn Đính, (Ngày 02 tháng 11 năm 2021). Du lịch cộng đồng phát triển bền vững và những bài học kinh nghiệm. Môi Trường. <https://tapchimoitruong.vn/phan-tien-ben-vung-24/du-lich-cong-dong-phan-tien-ben-vung-va-nhung-bai-hoc-kinh-nghiem-25989>.

[4]. Hữu Phúc, (Ngày 01 tháng 01 năm 2021). Cơ hội từ Vườn quốc gia Sông Thanh. Báo Quảng Nam. <https://baoquangnam.vn/xa-hoi/co-hoi-tu-vuon-quoc-gia-song-thanh-107031.html>.

[5]. Lan Anh - Phạm Yên, (Ngày 24 tháng 12 năm 2020). Quảng Nam: Thành lập Vườn quốc gia sông Thanh. Tài nguyên và Môi trường. <https://baotainguyenmoitruong.vn/quang-nam-thanh-lap-vuon-quoc-gia-song-thanh-318482.html>

[6]. [http://itdr.org.vn/nghien\\_cuu/chinh-sach-quan-ly-phan-tien-du-lich-tai-cac-vuon-quoc-gia-va-khu-bao-ton-thien-nhien-viet-nam/](http://itdr.org.vn/nghien_cuu/chinh-sach-quan-ly-phan-tien-du-lich-tai-cac-vuon-quoc-gia-va-khu-bao-ton-thien-nhien-viet-nam/)

[7]. Quốc hội (2017). Luật Du lịch 2017, Luật số 09/2017/QH14.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

*SV: Trịnh Văn Vĩnh - Lớp ĐHVNH20A  
GVHD: ThS. Đỗ Thị Kiều Hoa*

## **Tóm tắt:**

*Trong những năm gần đây, sự phát triển của hoạt động du lịch đã giúp đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; nhu cầu đi du lịch cũng tăng lên và trở thành tiêu chuẩn để đánh giá mức sống và chất lượng cuộc sống của người dân.*

*Trong các loại hình du lịch đã và đang được khai thác tại Đồng Tháp thì du lịch cộng đồng (DLCĐ) đã và đang trở thành loại hình du lịch đặc trưng, thu hút được nhiều thành phần khách du lịch khác nhau và được các nhà đầu tư quan tâm bởi lợi thế về tài nguyên và sự hấp dẫn riêng của mình. Hơn hết, phải kể đến những cánh đồng sen tại huyện Tháp Mười, một trong những mô hình tiêu biểu về loại hình DLCĐ đang được khai thác tại Đồng Tháp. Trong phạm vi bài nghiên cứu này, tác giả sẽ đánh giá sơ lược về thực trạng khai thác và hoạt động DLCĐ tại khu Đồng sen của huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; Đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy thế mạnh, khắc phục điểm yếu; góp phần phát triển cho du lịch cộng đồng tại địa phương này.*

**Từ khóa:** Du lịch, Du lịch cộng đồng, Huyện Tháp Mười

## **1. Giới thiệu**

### **1.1. Khái niệm về DLCĐ**

Hiện nay, tùy theo tác giả, quan điểm nghiên cứu, góc nhìn khác nhau mà có những định nghĩa khác nhau về DLCĐ. Chẳng hạn như:

Theo Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas: “*Du lịch cộng đồng là một hình thái du lịch trong đó chủ yếu là người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lý. Lợi ích kinh tế có được từ du lịch sẽ đọng lại nền kinh tế địa phương*”.

Theo Hsien Hue Lee, Đại học cộng đồng Hsin-Hsing, Đài Loan: “*Du lịch cộng đồng là nhằm bảo tồn tài nguyên du lịch tại các điểm du lịch đón khách vì sự phát triển du lịch bền vững dài hạn. Đồng thời khuyến khích và tạo ra các cơ hội tham gia của người dân địa phương trong du lịch*”.

Tại hội thảo về Chia sẻ Bài học Kinh nghiệm Phát triển DLCĐ được Tổng cục Du lịch tổ chức tại Hà Nội năm 2003 đã xác định DLCĐ là: “*Phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng nhằm đảm bảo văn hoá, thiên nhiên bền vững, nâng cao nhận thức và tăng quyền lực cho cộng đồng. Cộng đồng được chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch, nhận được sự hợp tác, hỗ trợ của chính phủ và các tổ chức quốc tế*”.

Ngoài ra còn nhiều định nghĩa, khái niệm khác nhau, tuy nhiên có thể thống nhất và hiểu DLCĐ là loại hình du lịch bền vững dựa vào cộng đồng địa phương. DLCĐ là một cách tiếp cận nhằm tạo ra lợi nhuận cao nhất cho người dân địa phương, những người sử dụng du lịch như một công cụ tạo nguồn lợi kinh tế. Du khách phải trả tiền khi họ đến tham quan khu vực và khoản tiền này được sử dụng để bảo vệ các di sản văn hoá và thiên nhiên và giúp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đó.

### **1.2. Các hình thái của DLCĐ**

Các loại hình du lịch sau đây mang tính chất và biểu hiện của DLCĐ bởi có nhiều yếu tố liên quan và đặc biệt là chúng được sở hữu và quản lý bởi cộng đồng: Du lịch sinh thái, Du lịch nông nghiệp, nông thôn Du lịch, Du lịch Làng, Du lịch dân tộc hay bản địa, và du lịch văn hóa. Ngoài ra, việc thúc đẩy nghệ thuật và hàng thủ công địa phương có thể là một thành phần quan trọng trong các dự án DLCĐ và trong các hình thức chủ đạo của ngành du lịch. Cụ thể:

Du lịch sinh thái: du lịch sinh thái là một hình thức du lịch diễn ra trong khu vực tự nhiên (đặc biệt là trong các khu vực cần được bảo vệ và môi trường xung quanh nó) và kết hợp tìm hiểu bản sắc văn hóa - xã hội của địa phương có sự quan tâm đến vấn đề môi trường. Nó thúc đẩy một hệ sinh thái bền vững thông qua một quá trình quản lý môi trường có sự tham gia của tất cả các bên liên quan.

Du lịch văn hóa: du lịch văn hóa là một trong những thành phần quan trọng nhất của du lịch dựa vào cộng đồng từ khi văn hóa, lịch sử, khảo cổ học, là yếu tố thu hút khách chủ yếu của cộng đồng địa phương. Ví dụ về du lịch dựa vào văn hóa bao gồm khám phá các di tích khảo cổ học, địa điểm tôn giáo nổi tiếng hay trải nghiệm cuộc sống địa phương tại một ngôi làng dân tộc thiểu số.

Du lịch nông nghiệp: đây là một hình thức du lịch tại các khu vực nông nghiệp như vườn cây ăn trái, trang trại nông lâm kết hợp, trang trại thảo dược và các trang trại động vật, đã được chuẩn bị phục vụ cho khách du lịch. Khách du lịch xem hoặc tham gia vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp như làm việc với dụng cụ của nhà nông hoặc thu hoạch mùa mà không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái hoặc năng suất của gia đình chủ nhà. Một sản phẩm mới đặc biệt là nghỉ ngơi ở các trang trại hữu cơ, nơi du khách có thể tìm hiểu thêm về thiên nhiên và học tập các phương pháp canh tác không dùng thuốc trừ sâu.

Du lịch dân tộc hay Du lịch bản địa đề cập đến một loại du lịch, nơi đồng bào dân tộc thiểu số hoặc người dân bản địa tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch, nền văn hóa vốn có của họ chính là yếu tố chính thu hút khách du lịch. Khách du lịch sẽ tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm về các đặc trưng dân tộc học như văn hoá ăn, mặc, ở, đi lại, hôn nhân, mai táng, lễ hội, phong tục tập quán ...

Du lịch làng: Khách du lịch chia sẻ các hoạt động trong cuộc sống thôn bản, và các làng nông thôn thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động du lịch. Dân làng cung cấp các dịch vụ ăn ở, nhà trọ cho khách nghỉ ngơi qua đêm. Nhà trọ chính chính là các điểm kinh doanh du lịch, trong đó du khách ở lại qua đêm trong những ngôi nhà làng, cùng với một gia đình. Khách du lịch có thể chọn nhà nghỉ, các nhà nghỉ này được hoạt động bởi một hợp tác xã, làng, hoặc cá nhân, cung cấp cho du khách không gian riêng tư hơn, thoải mái cho cả họ và đôi khi cũng là thoải mái hơn cho chủ nhà.

## **2. Thực trạng phát triển DLCĐ tại huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp**

### **2.1. Phạm vi phân bố các điểm DLCĐ tại Tháp Mười**

Toàn huyện hiện có 13 điểm DLCĐ, phân bố chủ yếu ở xã Tân Kiều (2), Mỹ Hòa (6), Mỹ Đông (2), Trường Xuân (2) và thị trấn Mỹ An (1). Trong số 13 điểm DLCĐ, thì có đến 11 điểm là các đồng sen với hình thức tham quan, nghỉ ngơi cuối tuần, hai điểm còn lại là vườn cây ăn trái. Các điểm DLCĐ ở gần nhau, cùng xây dựng một không gian sen với các tiểu cảnh phục vụ tham quan, ăn uống... gần như nhau, phân bố liền kề nhau tạo nên tính “cộng đồng” rõ rệt tại đây.

### **2.2. Về CSHT và CSVCKTDL**

#### **2.2.1. Cơ sở hạ tầng**

Nếu như một số điểm DLCĐ của Tháp Mười trước đây chỉ có thể đi đến bằng xe máy hoặc xe ô tô 4 – 7 chỗ thì hiện nay đã có thể tiếp cận dễ dàng hơn, đón được xe từ 16 – 30 chỗ, tạo điều kiện đón các đoàn khách vừa và lớn. Các tuyến đường đi đều đã được nâng cấp và mở rộng, các loại xe ô tô (dưới 30 chỗ) có thể đi đến các điểm du lịch trong huyện một cách dễ dàng. Tuy nhiên, vẫn còn một số con đường còn nhỏ hẹp, nhiều ổ gà, ổ voi khiến không ít du khách gặp nhiều khó khăn trong việc đi đến các điểm du lịch, đặc biệt là tuyến đường đi đến khu đồng sen – nơi tập trung chính các điểm DLCĐ của địa phương.

Hệ thống điện, nước dù còn hạn chế nhưng vẫn có thể đảm bảo phục vụ nhu cầu của du khách khi đến đây tham quan, du lịch và thưởng thức ẩm thực địa phương.

#### **2.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch**

Nhiều điểm du lịch tại Đồng sen đã xây dựng các hệ thống đường tham quan, các nhà ăn với vị trí thuận tiện để du khách tham quan. Sử dụng các phương tiện đi lại trên sông nước như xuồng, ghe để đưa đón khách tham quan. Hệ thống nhà vệ sinh, nhà bếp phục vụ chế biến thức ăn cũng được chú trọng đầu tư, nâng cấp; đảm bảo tính vệ sinh, an toàn và thẩm mỹ.

Xây dựng các nơi để phục vụ du khách chụp ảnh, các hoạt động trải nghiệm chân thật như cấy lúa, hái sen, làm các món đồ thủ công mỹ nghệ, giăng lưới, câu cá,... giúp du khách cảm thấy thú vị hơn khi đến với Đồng sen.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế khi các chòi, nhà ăn đã xây dựng rất lâu nên đã cũ, mục dễ gây nguy hiểm cho khách du lịch, và những cánh Đồng sen theo thời vụ, nở theo mùa, nên sẽ khiến những du khách ở các tỉnh thành phố, hay du khách nước ngoài đến du lịch vào thời điểm sen tàn hay chưa nở và không được thưởng thức vẻ đẹp ấy.

### **2.3. Nguồn nhân lực**

Các điểm DLCĐ được người dân phát triển theo hộ gia đình, người dân cùng nhau tham gia trực tiếp trong phát triển du lịch nên trình độ chuyên môn về phát triển du lịch chưa cao, làm việc theo bản năng và kinh nghiệm, chưa được đào tạo qua trường lớp. Trình độ tiếng anh, hay kỹ năng giao tiếp của người dân vẫn còn hạn chế khi gặp những du khách nước ngoài. Người dân làm du lịch tại một nơi cụ thể, nên họ giúp đỡ nhau khi rảnh, nên thời gian không được cố định, những nhân viên có trình độ cao, giao tiếp tốt hiện đang rất “khan hiếm”. Vì vậy, cách vận hành hay thái độ phục vụ còn nhiều thiếu sót, làm việc chưa hiệu quả trong quản lý và phục vụ, gây ảnh hưởng đến những trải nghiệm của khách du lịch.

Bên cạnh những hạn chế, do nguồn nhân lực là hộ gia đình nên tiết kiệm được nhiều chi phí, làm việc có sự gắn kết với nhau. Ngoài ra, phục vụ là người dân tại địa phương nên rất chân thật và mộc mạc, tạo được sự gần gũi, thân thiện đối với du khách trong và ngoài địa phương.

### **2.4. Doanh thu**

Tại các điểm DLCĐ tại Đồng sen Tháp Mười, lượng khách chủ yếu đi vào dịp cuối tuần, những tháng gần Tết và những ngày lễ lớn nên doanh thu cũng mang tính thời vụ và tập trung vào các các mốc thời gian này, tỷ lệ chênh lệch về lượng khách giữa lúc cao điểm và thấp điểm là rất lớn. Trung bình một tháng các điểm tham quan Đồng sen đón và phục vụ trên 10.000 lượt khách, vào những dịp cao điểm lễ, Tết trung bình một ngày có trên 1.000 lượt khách du lịch đến tham quan, chụp ảnh, thưởng thức ẩm thực đồng quê và trải nghiệm. Trong khi đó, vào những ngày thường chỉ vài trăm thậm chí có ngày không có khách; doanh thu tầm 10 – 20tr/tháng bình thường nhưng do dịch bệnh Covid-19 nên không có khách cả những ngày cuối tuần, con số này sụt giảm đáng kể, có tháng chủ kinh doanh phải bỏ tiền nhà để chi trả chi phí cho lao động.

Thu nhập chính tại các điểm này lấy từ hoạt động ẩm thực là chủ yếu, tại một số điểm tham quan vườn cây ăn trái thì có kết hợp thu vé tham quan. Ngoài ra, còn có một phần nhỏ doanh thu đến từ việc bán các sản phẩm như: hạt sen, trà sen, sữa sen, trái cây....

### **2.5. Sản phẩm du lịch**

SPDL chính tại các điểm DLCĐ Đồng sen Tháp Mười là các dịch vụ tham quan, giải trí, chụp ảnh lưu niệm, bơi xuồng, lưu trú và đặc biệt là các món ăn mang đậm chất văn hoá Nam Bộ như cá lóc nướng trui, được chế biến từ sen như cơm lá sen, trà sen, chè sen... Ngoài ra, còn có các loại quà lưu niệm được lấy cảm hứng từ sen như móc khoá, trà tâm sen, rượu sen...

## **3. Giải pháp phát triển DLCĐ tại huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp**

### **3.1. Xây dựng CSHT, CSVCKT du lịch ngày càng hoàn thiện**

Cần đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, khẩn trương, nâng cao chất lượng và mở rộng đối với các tuyến đường nhỏ hẹp; nâng tải trọng của các cầu đối với xe lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch di chuyển đến các điểm.

Ngoài ra, cần tu sửa lại các cơ sở vật chất trong các điểm du lịch, đầu tư nhiều hơn các dịch vụ trải nghiệm nhằm tạo sự thú vị cho du khách.

### **3.2. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trong hoạt động du lịch**

Nguồn nhân lực chính là vấn đề nan giải vì vậy cần phải có sự nghiêm túc trong việc thực hiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Các điểm du lịch cần có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý điều hành, hướng dẫn viên, hoạt động dịch vụ, bảo vệ môi trường,...

Mời chuyên gia giảng dạy nhằm nâng cao kiến thức về phát triển DLCĐ, nghiệp vụ quản lý, nhân viên, người lao động tại các điểm du lịch.

Nâng cao nhận thức, trình độ, thái độ phục vụ của các cơ sở DLCĐ để đáp ứng nhu cầu phát triển theo tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam.



### **3.3. Tăng cường liên kết và quảng bá DLCĐ, hoạt động truyền thông**

Cần có sự liên kết với các tỉnh, thành phố lân cận để thu hút các du khách. Cần tìm hiểu nhu cầu du lịch của khách để phát triển DLCĐ theo hướng phù hợp.

Hiện nay, mạng xã hội đang được phát triển rộng rãi, vì vậy cần có chiến lược quảng bá trên mạng xã hội như Facebook, Youtube, Tiktok,... để quảng bá những nét đẹp của DLCĐ cho những bạn bè trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, chúng ta có thể giới thiệu về loại hình du lịch cộng đồng thông qua các bài báo, đài truyền hình để những người không sử dụng mạng xã hội nắm bắt được và đi đến tham quan nếu có nhu cầu du lịch.

### **3.4. Tạo sự liên kết trong du lịch**

Trong phát triển DLCĐ, để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả thì cần phải thiết lập và tăng cường sự liên kết giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động DLCĐ. Bao gồm: liên kết các dịch vụ cung ứng để hình thành sản phẩm du lịch, liên kết giữa các điểm đến với nhau, liên kết giữa các nhà quản lý du lịch và các địa phương, giữa các nhà quản lý du lịch tại các địa phương với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với cộng đồng, giữa doanh nghiệp với du khách, giữa cộng đồng với cộng đồng và giữa cộng đồng với du khách.

### **3.5. Đa dạng hóa SPDL và xây dựng SPDL đặc trưng**

Tăng cường thiết kế các chương trình trải nghiệm, kết hợp nhiều hơn các dịch vụ trong các chương trình tour; thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) vào hoạt động tiêu dùng du lịch.

Xây dựng bộ tiêu chuẩn công nhận và đánh giá chất lượng một số sản phẩm dịch vụ du lịch đặc trưng tại khu vực nông thôn (du lịch cộng đồng, trang trại nghỉ dưỡng; du lịch canh nông...) để thống nhất quản lý, nâng cao chất lượng và quảng bá sản phẩm; hướng dẫn người dân, doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh các dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn.

## **4. Kết luận**

Tháp Mười là huyện có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình DLCĐ, huyện cũng đã và đang đầu tư, khai thác DLCĐ tại một số điểm tham quan du lịch, đặc biệt tập trung ở các khu đồng sen; góp phần không nhỏ trong việc đem lại nguồn thu nhập ổn định từ du lịch cho người dân tại địa phương. Tuy nhiên, để có thể phát huy tiềm năng DLCĐ một cách hiệu quả và bền vững thì địa phương cần phải đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các nhà đầu tư; nâng cấp CSHT và CSVCKT du lịch; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao với thái độ phục vụ và kỹ năng giao tiếp tốt để giúp trải nghiệm của du khách vui vẻ, thoải mái. Ngoài ra, các điểm DLCĐ ở Tháp Mười cũng cần đa dạng hóa các SPDL và xây dựng SPDL đặc trưng, tăng cường các hoạt động trải nghiệm dành cho du khách... Với việc phân tích thực trạng và đề ra những giải pháp về DLCĐ như trên; hy vọng rằng DLCĐ huyện Tháp Mười sẽ ngày càng phát triển bền vững, thu hút được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước, góp phần phát triển kinh tế của huyện Tháp Mười nói riêng và Đồng Tháp nói chung./.

### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Viện Nghiên cứu và Phát triển Ngành nghề Nông thôn Việt Nam (2012), *Tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng*, Hà Nội.

[2]. Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[3]. Tô Duy Hợp và Lương Hồng Quang (2000), *Phát triển cộng đồng - Lý thuyết và vận dụng*, NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[4]. Trần Văn Thông (2006), *Tổng quan du lịch*, NXB. Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh.

# GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN QUỐC GIA MŨI CÀ MAU

SV: Nguyễn Thị Cẩm Tiên

SV: Nguyễn Bảo Trường – Lớp ĐHVNH19A

GVHD: ThS. Võ Nguyên Thông

## Tóm tắt

Du lịch sinh thái đang có xu hướng ngày càng phát triển nhanh chóng. Tốc độ tăng trưởng của du lịch sinh thái ở Việt Nam ngày càng cao đây là một lĩnh vực kinh doanh đầy tiềm năng và hấp dẫn ở góc độ kinh tế và môi trường. Mục tiêu của bài nghiên cứu này tập trung phân tích đánh giá các tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái vườn quốc gia Mũi Cà Mau. Từ đó, đưa ra các giải pháp nâng cao khả năng khai thác tài nguyên du lịch tại Vườn quốc gia, đưa hình ảnh du lịch sinh thái gần gũi hơn với du khách, tôn tạo các giá trị về môi trường cảnh quan thiên nhiên. Hướng đến phát triển bền vững lâu dài, tạo điều kiện việc làm cho cư dân vùng đệm giúp phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Đưa ra các giải pháp nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao tính giáo dục môi trường; phát triển du lịch sinh thái gắn kết với cộng đồng địa phương; phát triển cơ sở hạ tầng và lưu trú du lịch.

**Từ khóa:** Du lịch sinh thái, phát triển, vườn quốc gia Mũi Cà Mau

### 1. Đặt vấn đề

Hiện nay hoạt động kinh tế du lịch được định hướng phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn trong các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Du lịch sinh thái (DLST) ngày nay đang phát triển nhanh chóng như một phong trào tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. DLST là một loại hình dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, tạo sức hút cả cộng đồng và nâng cao trách nhiệm của cộng đồng với thiên nhiên. Hoạt động DLST góp phần bảo tồn thiên nhiên bảo vệ đa dạng sinh học và văn hóa cộng đồng. Phát triển DLST đã và đang mang lại những nguồn lợi kinh tế to lớn cho quốc gia và địa phương, tạo cơ hội việc làm cho cư dân vùng đệm.

VQG Mũi Cà Mau là một trong những VQG có nhiều lợi thế về DLST với khí hậu thoáng mát, trong lành, tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng. Hiện nay, theo như thống kê, VQG Mũi Cà Mau có số lượng động thực vật sinh sống rất phong phú, với khoảng 28 cho đến 32 loài cây ngập mặn đang sinh sống; khoảng 26 loài thú, 93 loài chim, 43 loài động vật bò sát, 139 loài cá khác nhau, với 09 loài lưỡng cư, 49 loài sinh vật phù du, và còn nhiều loài nước mặn đã được công nhận và thống kê trong sách đỏ của Việt Nam và cả trên thế giới. Hằng năm, hệ động thực vật của VQG Mũi Cà Mau lại càng thêm phong phú, đa dạng. Có được điều này là do hệ thống sông ngòi và kênh rạch chằng chịt bên trong Vườn quốc gia đã giúp mang phù sa bồi đắp đất và mở rộng diện tích cho vườn. Tuy nhiên hoạt động DLST ở VQG Mũi Cà Mau vẫn còn nhiều khó khăn và các vấn đề cần giải quyết để hướng tới sự phát triển DLST bền vững. VQG Mũi Cà Mau cần xây dựng phát triển các chiến lược du lịch, đặt trọng tâm và đầu tư khai thác vào các giá trị tài nguyên du lịch. Đánh giá rõ thực trạng tài nguyên du lịch và khai thác hiệu quả DLST tại vùng nhằm đưa ngành công nghiệp không khói này phát triển bền vững. Thông qua bài viết, mục đích chính là khai thác các tiềm năng mà VQG hiện đang sở hữu và phát triển DLST ở vườn quốc gia Mũi Cà Mau một cách hiệu quả.

### 2. Cơ sở lý thuyết và tiềm năng phát triển DLST

#### 2.1. Khái niệm DLST

“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường” (theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2017).

Theo Lê Huy Bá (2006), Du lịch sinh thái “là một loại hình du lịch lấy các hệ sinh thái đặc thù, tự nhiên làm đối tượng để phục vụ cho những khách du lịch yêu thiên nhiên, du ngoạn, thưởng thức những cảnh quan hay nghiên cứu về các hệ sinh thái. Đó cũng là hình thức kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế du lịch với giới thiệu về những cảnh đẹp của quốc gia

*cũng như giáo dục tuyên truyền và bảo vệ, phát triển môi trường và tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững”.*

Do vậy, du lịch sinh thái chủ yếu dựa vào tự nhiên và những sản phẩm văn hóa bản địa, để tạo sức hút đối với khách du lịch bởi đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, khám phá tự nhiên, văn hóa và phong tục tập quán địa phương gắn với giáo dục môi trường để bảo tồn và phát triển một cách bền vững.

## **2.2. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái VQG Mũi Cà Mau**

Du lịch sinh thái tại VQG Mũi Cà Mau có vùng đệm và khu vực xây dựng các trung tâm dịch vụ, các điểm du lịch cộng đồng phục vụ phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm đặc thù sinh thái - văn hóa rừng, đời sống sông nước. VQG Mũi Cà Mau thuộc xã Đất Mũi và xã Viên An, huyện Ngọc Hiển; xã Lâm Hải và xã Đất Mới, huyện Năm Căn, diện tích khoảng 14.150 ha phát triển các hoạt động du lịch tham quan, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái rừng ngập mặn, các hoạt động nghiên cứu khoa học và giáo dục môi trường. Ngày 26 tháng 5 năm 2009, cùng với Cù Lao Chàm, VQG Mũi Cà Mau được UNESCO đưa vào danh sách các khu dự trữ sinh quyển. Ngày 13 tháng 4 năm 2013, Ban thư ký Công ước Ramsar thế giới trao bằng chứng nhận vườn quốc gia Mũi Cà Mau trở thành khu Ramsar thứ 2088 của thế giới, thứ 02 tại Đồng bằng sông Cửu Long và thứ năm của Việt Nam. Với nguồn tài nguyên thiên nhiên nơi đây rất phong phú với sự đặc trưng của hệ sinh thái rừng ngập mặn, VQG Mũi Cà Mau và rừng phòng hộ ven biển được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển của thế giới, khu Ramsar; đồng thời, hàng năm bãi bồi lấn ra biển từ 80 đến 100m tạo điều kiện mở rộng diện tích rừng ven biển kết hợp phát triển các loại hình du lịch.

VQG Mũi Cà Mau là nơi có tiềm năng rất lớn để phát triển DLST nhờ có sự đa dạng sinh học. Tuy nhiên việc phát triển DLST cần phải đi đôi với việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì vậy, VQG cần phải định hướng tạo lập sinh kế cho cư dân vùng đệm, tạo điều kiện việc làm và phát triển kinh tế địa phương. Tạo lập và phát triển các làng nghề, sản phẩm du lịch, quảng bá hình ảnh của VQG đến gần gũi với du khách hơn, thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Cần có kế hoạch khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch tránh tình trạng lạm dụng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái và các loài động thực vật quý hiếm.

## **2.3. Thực trạng phát triển du lịch tại VQG Mũi Cà Mau**

VQG Mũi Cà Mau được đánh giá là nhiều tiềm năng để phát triển du lịch nhất là loại hình du lịch sinh thái với những điểm nhấn như: Khu du lịch Mũi Cà Mau, khu du lịch cộng đồng, Bãi bồi biển Tây, cồn Ông Trang, khu diền thế tự nhiên, các làng nghề làm khô, làng nghề đánh bắt thủy hải sản...

Tổ chức các hoạt động tham quan tiêu cảnh biểu tượng con tàu, tham quan bờ kè chắn sóng, biểu tượng ốc len, cá thòi lòi, cầu làng rừng, cột mốc điểm cuối đường mòn Hồ Chí Minh, Đền thờ Lạc Long Quân, Tượng Mẹ Âu Cơ,... du khách có thể trải nghiệm hoạt động đi bộ lên những tầng cao tại công trình Cột Cờ Hà Nội để ngắm toàn cảnh rừng ngập mặn Cà Mau, biển Đông rộng lớn, cụm đảo Hòn Khoai ẩn hiện từ phía xa. Cảnh rừng và biển hòa quyện vào nhau tạo nên một khung cảnh đẹp, nên thơ hiếm nơi nào có được.

Ngoài ra, hoạt động du lịch sinh thái tại VQG Mũi Cà Mau du khách được trải nghiệm ngắm mặt trời mọc và lặn nơi đất mũi, dải đất nhô ra biển theo hình mũi thuyền mang tên Đất Mũi là nơi có thể ngắm mặt trời mọc ở biển Đông vào buổi sáng và cũng nhìn thấy mặt trời lặn ở biển Tây. Vị trí đẹp nhất để nhìn khung cảnh này là bờ kè chắn sóng trải dài uốn lượn, bao bọc khu rừng được và phần đất phía trong Đất Mũi. Du khách được cảm nhận những áng bình minh đầu tiên dần dần lộ rạng với những ánh đỏ chiếu sáng khắp cả bầu trời thì rừng được nơi đây cũng dần như thức giấc giữa khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp nơi Đất Mũi. Du khách tham quan tận hưởng màu xanh bạt ngàn của đước, của mắm, của bãi bồi lóng lánh nước hòa quyện với màu xanh lam gợn đều của nước biển làm say lòng những người đến đây. Và khi chiều về, hoàng hôn buông xuống kéo theo những bóng mây nhiều màu sắc làm cho khung cảnh của Đất Mũi thêm trữ tình, lãng mạn.

Xây dựng và đưa vào khai thác tour xuyên rừng đước ngập mặn đất mũi Cà Mau, đến với xã đất mũi huyện Ngọc Hiển, ngoài ý nghĩa thiêng liêng của việc ghé thăm biểu tượng cực nam Tổ quốc Mũi Cà Mau, du khách sẽ được trải nghiệm khám phá khu rừng đước ngập mặn thuộc VQG Mũi Cà Mau. Tham gia trải nghiệm với tuyến xuyên rừng, du khách sẽ được xuôi vó lái hoặc canô trên dòng kênh Lạch Vàm ngắm nhìn những dải hào lồng san sát khắp mặt sông và có dịp tìm hiểu nghề nuôi hào lồng – một nghề nuôi trồng thủy sản đem lại nguồn lợi kinh tế ổn định nâng cao đời sống đối với người dân vùng Đất Mũi; khám phá hệ sinh thái rừng ngập mặn, tìm hiểu những loài sinh vật dưới tán rừng, chụp ảnh lưu niệm bên những gốc đước nhiều năm tuổi, đời sống của người dân theo tuyến rừng.

Trong những năm gần đây, du lịch sinh thái tỉnh Cà Mau nói chung và tại VQG Mũi Cà Mau nói riêng đã có hướng phát triển, tuy nhiên hiệu quả mang lại từ du lịch chưa cao. Vì vậy, cần có định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững. Vì trong quá trình khai thác tiềm năng phát triển du lịch ở đây vẫn còn đang ở mức độ tự phát và hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái nếu không có cơ chế quản lý chặt chẽ rất dễ để lại những kết quả không tốt cho công tác phát triển du lịch bền vững tại VQG Mũi Cà Mau. Hiện tại, sản phẩm du lịch tại VQG Mũi Cà Mau chưa hoàn chỉnh, lực lượng lao động còn mỏng và chất lượng chưa cao trong quá trình phục vụ khách du lịch.

VQG Mũi Cà Mau chỉ có khu du lịch Mũi Cà Mau là điểm đến chính và thu hút lượng khách du lịch đông đảo với nhiều điểm tham quan mang ý nghĩa quốc gia như Cột mốc GPS 0001, biểu tượng mũi tàu, điểm mốc cuối cùng của đường Hồ Chí Minh, cột cờ Hà Nội. Theo kết quả thống kê của Ban quản lý khu du lịch Đất Mũi lượng khách du lịch quốc tế và nội địa đến Vườn Quốc gia hàng năm không ngừng tăng lên: năm 2013 thu hút 66.728 lượt khách, năm 2015 là 98.500 lượt, đến năm 2017 là 222.258.

Hiện đã có bốn tuyến du lịch sinh thái được VQG Mũi Cà Mau đưa vào khai thác, bao gồm: Tuyến 01: tham quan rừng ngập mặn – Bãi Bồi (chiều dài 20km); Tuyến thứ 02: tham quan khám phá Giếng Trời – Rừng nguyên sinh (chiều dài 24km); Tuyến thứ 03: tham quan diễn thế rừng tự nhiên – Cồn Ông Trang (chiều dài 55km); Tuyến thứ 04: tham quan Bãi Bồi ven Biển Đông – Rừng ngập mặn – Bãi bồi ven biển tây (chiều dài 23km).

Kết nối với khu du lịch Đất Mũi đó chính là các hộ tham gia mô hình Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng. Tại các điểm du lịch cộng đồng này, khách du lịch sẽ có cơ hội tham gia và trải nghiệm các hoạt động như: đặt lờ cua, câu hoặc giăng lưới bắt cá, mò sò, xỏ vuông, nấu ăn và tham gia sinh hoạt cùng người dân, tham gia hoạt động giao lưu đờn ca tài tử... đây là một trong những hoạt động được du khách, nhất là khách nước ngoài đánh giá cao và có tính hấp dẫn rất lớn với du khách. Xây dựng được loại hình du lịch mới đó là mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, loại hình tạo thêm điểm đến và góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch ở VQG. Đây chính là sự đột phá mới mẻ trong công tác phát triển du lịch sinh thái ở VQG Cà Mau. Sau hơn 04 năm đi vào hoạt động Mô hình du lịch cộng đồng đã mang lại kết quả nhất định cụ thể là:

<b>Năm</b>	<b>Lượt khách</b>	<b>Lợi nhuận (nghìn đồng)</b>
<b>2014</b>	11 045	251.975
<b>2015</b>	10 552	895. 500
<b>2016</b>	12 754	987. 370
<b>2017</b>	19.620	1. 386.200

Mũi Cà Mau đã đón được trên 152.000 lượt khách tham quan, trung bình khoảng 25.000 lượt khách/tháng; riêng tháng 4 và tháng 6 có lượng khách đạt cao nhất với khoảng 34.000 lượt/tháng. Tổng doanh thu đạt được trong 6 tháng đầu năm là trên 1,8 tỉ đồng, tăng gần 33% so với cùng kỳ năm 2018. Đáng chú ý, lượng khách tham quan xuyên rừng VQG Mũi Cà Mau trong 6 tháng đạt gần 11.500 lượt. Năm 2019, lượng khách đến Cà Mau ước đạt 1.673.000 lượt, tăng 16% so với năm 2018 (khách quốc tế 28.800 lượt, khách nội địa 1.644.200 lượt), doanh thu đạt hơn 2.495 tỷ đồng. Với kết quả trên cho ta thấy du lịch cộng đồng đang là xu thế mang lại hiệu quả trong phát triển du lịch sinh thái ngày nay. Với những lợi thế về tài nguyên tự nhiên

và tính đa dạng sinh học của VQG Mũi Cà Mau chỉ có một số điểm du lịch nhỏ, lẻ chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế để đáp ứng cho nhu cầu của khách du lịch tới VQG gia như hiện nay. Hơn thế nữa tại các điểm du lịch này ngoài điểm nhấn là nơi tận cùng của tổ quốc thì các sản phẩm cũng như loại hình du lịch đều tựa như nhau nên rất dễ gây cảm giác nhàm chán cho khách du lịch. Điều này đòi hỏi phải phát triển thêm các điểm du lịch khác, cùng với đó là đa dạng hóa các loại hình du lịch tại các điểm du lịch để góp phần hấp dẫn khách du lịch nhiều hơn nữa.

Về xã Đất Mũi khách du lịch sẽ phần nào hiểu được cuộc sống gắn liền với tán rừng đước, mắm của người dân ở vùng đất bãi bồi nơi đây. Xóm dân cư thuộc xã Đất Mũi cũng là xóm dân cư cuối cùng của tổ quốc trên đất liền. Nghề chính của bà con vùng đất này là đánh bắt thủy hải sản và nuôi tôm. Người dân thường sống ven theo các tuyến kênh rạch để tiện giao thương tạo nên nét sống đặc trưng của người dân Cà Mau – “Trên bên dưới thuyền”.

Nhà không cửa là một nét văn hóa độc đáo của người dân ấp Xóm Mũi, xã Đất Mũi. Hiện nay, ấp có khoảng 350 hộ gia đình, trong đó có gần 40% hộ cất nhà nhưng không làm cửa. Đây cũng là nơi còn tồn tại nhiều ngôi nhà không cửa nhất trên địa bàn xã. Sở dĩ nơi đây, người dân chủ yếu làm nhà không cửa là do đặc thù chủ yếu là họ làm nghề biển, làm nhà không cửa để thuận tiện vận chuyển thủy hải sản lên xuống cho tiện và rộng rãi.

Cái đáng quý nhất ở những ngôi nhà không cửa chính là sự gắn bó, đậm đà tình làng nghĩa xóm. Người dân mình vẫn còn lưu giữ, tiếp nối phong tục tốt đẹp một thời của cha ông. Chính vì thế mà nhà không cửa trở thành một nét văn hóa ứng xử đẹp của người dân Xóm Mũi trong lòng mỗi khách du lịch khi đến đây. Người dân nơi đây có sẵn tinh thần hào sảng, chất phác. Ở đây ngoài những địa điểm check in nổi tiếng thì hình thức lưu trú cũng được quan tâm đầu tư phát triển. Du khách có thể lựa chọn ở lại qua đêm bên những homestay trải nghiệm cuộc sống bình dị của người dân nơi đây. Hoặc du khách vừa được nghỉ ngơi, thư giãn trong không khí trong lành, tham quan rừng đước, vừa được thưởng thức những món hải sản tươi sống đặc trưng của hệ sinh thái rừng ngập mặn. Ngoài ra, du khách còn có thể bơi xuồng trong vùng tôm, được trải nghiệm hoạt động câu cá, đi soi bắt ba khía, câu cá, mò vọp, bắt ốc len, sò huyết... Trải nghiệm ẩm thực vùng Đất Mũi, du khách sẽ được thưởng thức nhiều món ngon như ốc len xào dừa, ba khía rang me, cá dứa kho tộ, cá bớp nấu chua cơm mẻ, cá nâu kho trái giác, cá thòi lòi nướng muối ớt... Đặc biệt là cua, tôm Cà Mau nổi tiếng với vị ngọt bùi, thịt thơm và chắc nịch theo từng thớ thịt bởi sinh sống ở vùng đất bãi bồi ven biển, phù sa giàu khoáng chất và thức ăn phong phú. Một phần không thể thiếu hơn khi đến Đất Mũi chính là thưởng thức những bữa ăn đậm chất Nam bộ dưới những mái nhà lợp lá dừa nước, chung quanh gió mát rười rượi với rượu trái giác, được mệnh danh là “vang Cà Mau” và nghe đờn ca tài tử.

### **3. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia Mũi Cà Mau**

Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cho Du lịch sinh thái ở rừng đặc dụng. Cần có chính sách khuyến khích đầu tư phát triển lĩnh vực du lịch sinh thái vì đây là lĩnh vực rất có tiềm năng phát triển. Tuy nguồn thu từ hình thức này không cao nhưng thông qua đầu tư vào lĩnh vực này, chúng ta sẽ đạt được một số mục tiêu sau: Một là du lịch sinh thái không làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi sinh; Hai là du lịch sinh thái phát triển tạo thêm việc làm và thu nhập cho người nông dân, góp phần làm giảm nghèo; Ba là du lịch sinh thái cũng góp phần gìn giữ đặc trưng văn hóa địa phương, giúp quảng bá hình ảnh của con người Cà Mau đến với Khách du lịch trong nước và quốc tế. Để phát triển du lịch sinh thái đạt hiệu quả vừa mang lại sinh kế tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương, vừa góp phần phục hồi và bảo tồn đa dạng sinh học tại VQG Mũi Cà Mau hiệu quả bền vững trong thời gian tới cần những giải pháp cụ thể sau:

*Một là, về xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch*

- Tăng cường đầu tư cho việc cải tạo, nâng cấp các cơ sở hạ tầng, các công trình và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch như hệ thống đường giao thông, điện, nước tại các khu du lịch, điểm du lịch.

- Xúc tiến xây dựng những khu vực lưu trữ hệ thống thực vật đặc trưng có giá trị khu vực phục vụ nghiên cứu, giáo dục về việc bảo tồn sinh học.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng không làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, giữ gìn và bảo vệ những cảnh quan nguyên sơ không có tác động của con người.

- Quy hoạch khu bán hàng lưu niệm, bản đồ, sách ảnh, đĩa tài liệu, tập trung quảng cáo, định mức giá cả đồng nhất và nghiên cứu làm phong phú sản phẩm du lịch..

*Hai là, về nâng cao trình độ, chất lượng và chuyên môn hóa nguồn nhân lực du lịch*

- Tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch cho đội ngũ hướng dẫn viên du lịch, để từng bước chuyên nghiệp hóa (chủ yếu là tiếng Anh). và lao động hiện đang công tác tiếp thị, quảng cáo, quản lý khu du lịch, khu vui chơi giải trí.

- Đào tạo, tập huấn và ưu tiên sử dụng nhân viên du lịch là người địa phương, người dân biết cách khai thác các dịch vụ du lịch gắn với bảo vệ cảnh quan môi trường vào các hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái.

- Tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ thông qua các chuyến công tác khảo sát và tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và ở các quốc gia có ngành du lịch phát triển.

*Ba là, về đa dạng hóa các sản phẩm du lịch sinh thái*

Xây dựng các Tour, tuyến tham quan mới như: tuyến du lịch xuyên rừng, tour nghiên cứu tìm hiểu về bãi bồi và vị trí địa lý Mũi Cà Mau, nghiên cứu tìm hiểu đời sống các loài chim... các tour du lịch trong vùng gắn kết giữa VQG Mũi Cà Mau – Khai Long – Hòn Khoai.

- Xây dựng làng nghề truyền thống và dần xây dựng thương hiệu để tạo thêm sản phẩm du lịch đảm bảo tính mới lạ, độc đáo không rập khuôn tại địa phương, tạo nên điểm đến cho du khách lưu trú tại đây.

- Xây dựng và tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ về đờn ca tài tử với thời gian cố định nhằm đa dạng sản phẩm du lịch địa phương.

- Đầu tư các loại hình du lịch giải trí phù hợp tương xứng với cảnh quan, môi trường tự nhiên.

*Bốn là, về thu hút nguồn vốn đầu tư và tái đầu tư*

- Tranh thủ thu hút các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp, các công ty du lịch lữ hành, các tổ chức phi chính phủ...;

- Thực hiện cơ chế cho thuê dịch vụ môi trường rừng tạo nguồn vốn nội lực ổn định ;

- Liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong các hoạt động dịch vụ du lịch.

*Năm là, về đẩy mạnh công tác xúc tiến và quảng bá du lịch*

- VQG Mũi Cà Mau thành lập Trung tâm du lịch và dịch vụ môi trường rừng, đây sẽ là đơn vị có chức năng thực hiện công tác quản lý các hoạt động Du lịch sinh thái ở Vườn vừa nghiên cứu các tour - tuyến du lịch. Việc này sẽ làm thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động du lịch, tạo thêm nguồn tài chính góp phần bảo vệ hệ sinh thái, bảo tồn tính đa dạng sinh học cho VQG Mũi Cà Mau;

- Xúc tiến quảng bá về hoạt động du lịch thông qua các báo, đài, website, biển quảng cáo trong nước và nước ngoài nhằm thu hút du khách.

- Phối hợp với Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch của Tỉnh Cà Mau tham gia vào các hoạt động liên quan đến du lịch như: tham gia Hội chợ Quốc tế Du lịch ITE, ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh... cùng với những hoạt động du lịch khác trong và ngoài nước nhằm quảng bá hình ảnh VQG Mũi Cà Mau;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người; dân tham gia phát triển du lịch công đồng gắn với bảo vệ hệ sinh thái thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

*Sáu là, về công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững*

- Xây dựng quy chế bảo vệ nghiêm ngặt hệ sinh thái ở VQG Mũi Cà Mau ở tầm quốc gia. Cùng cố bộ máy tổ chức quản lý Vườn Quốc gia, trang thiết bị chuyên ngành, nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động bảo vệ rừng có hiệu quả;

- Lồng ghép các dịch vụ du lịch vào việc tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ tính đa dạng sinh học cho VQG Mũi Cà Mau.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học trong và ngoài nước có những chương trình nghiên cứu sâu về các vấn đề có liên quan đến VQG Mũi Cà Mau, nhất là trong vấn đề duy trì hệ sinh thái và bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

- Kiểm kê và đánh giá sự hiện hữu của tất cả các loài động và thực vật tại VQG Mũi Cà Mau. Đánh giá nguy cơ và có những biện pháp hữu hiệu nhằm ngăn chặn tình trạng xói lở bờ biển và tình trạng khai thác nước ngầm thiếu kiểm soát

*Bây là, Cải thiện đóng góp của du lịch cho cộng đồng địa phương*

- Một trong số những thành phần đóng góp quan trọng vào sự thành công của hoạt động du lịch chính là sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương. Chính vì thế, việc chia sẻ các lợi ích từ kinh doanh du lịch cho cộng đồng, người dân bản địa ngày càng trở thành một trong những mục tiêu quan trọng để đảm bảo công bằng xã hội, tối ưu hóa lợi ích của ngành du lịch nói chung của địa phương nói riêng.

- Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng là một trong những sản phẩm du lịch đặc trưng tiêu biểu của tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, bài toán chia sẻ các lợi ích thu được của ngành du lịch cho cộng đồng địa phương cần chú trọng tạo thu nhập cho người dân, đảm bảo cộng đồng được hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo – tạo an sinh xã hội. Hiện tại, các hộ dân chỉ được hưởng một phần nhỏ lợi ích kinh tế từ việc bán vé tham quan, bán các sản phẩm lưu trú, ăn uống; giải quyết công ăn việc làm trong vụ nông nhàn. Về lâu dài, ngành du lịch cần nghiên cứu giải pháp để các hộ dân này nhận được nhiều lợi ích đặc biệt là lợi ích xã hội hơn như: huấn luyện nghiệp vụ du lịch, khảo sát lấy ý kiến, nhu cầu của người dân địa phương trong các đề án phát triển du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng.

#### **4. Kết luận**

VQG Mũi Cà Mau là khu Ramsar và khu Dự trữ sinh quyển thế giới có ý nghĩa vô cùng quan trọng, mang đến lợi ích to lớn và lâu dài cho cộng đồng địa phương như: bảo vệ nguồn lợi từ rừng, tạo công ăn việc làm tại chỗ, các bản sắc văn hóa, làng nghề truyền thống lâu đời được giữ gìn và phát huy, giúp các sản phẩm mỹ nghệ, đặc sản của vùng Mũi Cà Mau được giới thiệu đến du khách trong và ngoài nước.

Việc phát triển du lịch sinh thái tại VQG Mũi Cà Mau là nhằm giúp cho cộng đồng hiểu được giá trị và chung tay, góp sức bảo vệ tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế địa phương và góp phần thực hiện mục tiêu du lịch xanh hướng tới phát triển có hiệu quả bền vững trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay./.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1] . Quốc hội (2017). Luật Du lịch 2017, Luật số 09/2017/QH14.

[2] . Lê Huy Bá (2006), Du lịch sinh thái, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật

[3].[https://vi.m.wikipedia.org/wiki/V%C6%B0%E1%BB%9Dn\\_qu%E1%BB%91c\\_gia\\_M%C5%A9i\\_C%C3%A0\\_Mau](https://vi.m.wikipedia.org/wiki/V%C6%B0%E1%BB%9Dn_qu%E1%BB%91c_gia_M%C5%A9i_C%C3%A0_Mau)

[4] . Sở văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau (ngày 04 tháng 08 năm 2016) . Tham luận thực trạng phát triển du lịch sinh thái Cà Mau. Công thông tin điện tử tỉnh Cà Mau, <https://www.camau.gov.vn/wps/portal/>

[5]. <https://vuonqgmcm.camau.gov.vn/wps/portal>

# GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI ĐẮK LẮK

SV: Đinh Hoàng An – Lớp ĐHVNH18A

GVHD: ThS. Đỗ Thị Kiều Hoa

## Tóm tắt

*Tp. Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk là đô thị loại I, thành phố thuộc tỉnh nhưng vẫn có khoảng 47% dân số sống bằng nghề nông. Từ các hoạt động đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đến việc thiên nhiên ưu đãi về đất đai, khí hậu, thời tiết... thời gian qua, nơi này đã hình thành những mô hình nông nghiệp đặc trưng có giá trị kinh tế cao, được nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đến học tập, và không ít du khách trong và ngoài nước đến tham quan... Song đó, kinh tế vẫn chưa phát triển xứng tầm với những tiềm năng vốn có của tỉnh. Với ngân ây tài nguyên trên ta thấy được Đắk Lắk có đầy đủ yếu tố để khai thác thành công loại hình du lịch nông nghiệp. Và để quy hoạch được loại hình một cách tinh gọn, hiệu quả, ít rủi ro bài viết này phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch nông nghiệp bên cạnh đó cũng đề ra một số giải pháp thúc đẩy phát triển loại hình du lịch này trên địa bàn tỉnh.*

**Từ khóa:** Âm thực Tây Nguyên, Du lịch nông nghiệp, Đắk Lắk, Trải nghiệm rẫy cà phê.

### 1. Khái quát về tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là một tỉnh có diện tích lớn thứ 4 nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, miền Trung Việt Nam. Năm 2019, Đắk Lắk là đơn vị hành chính Việt Nam đông thứ 10 về số dân, xếp thứ 22 về Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), xếp thứ 41 về GRDP bình quân đầu người, đứng thứ 37 về tốc độ tăng trưởng GRDP.

Rừng Đắk Lắk có diện tích và trữ lượng lớn nhất nước, với nhiều chủng loại gỗ quý hiếm, nhiều loại cây đặc sản vừa có giá trị kinh tế vừa có giá trị khoa học, phân bố trong điều kiện thuận lợi nên tái sinh rừng có mật độ khá lớn. Khoáng sản với trữ lượng khác nhau, trong đó một số loại khoáng sản đã được xác định là sét cao lanh, sét gạch ngói, ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có nhiều loại khoáng sản khác như vàng, phosphor, than bùn, đá quý... có trữ lượng không lớn phân bố ở nhiều nơi trong tỉnh.

Được mệnh danh “thủ phủ cà phê” Việt Nam, Đắk Lắk hiện có hơn 200.000 ha diện tích trồng cà phê, cho sản lượng khoảng 450.000 tấn mỗi năm, dẫn đầu cả nước. Với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp, cà phê chiếm thế độc tôn trong cơ cấu cây trồng Đắk Lắk, trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh này ở hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

### 2. Nội dung chính

#### 2.1. Khái niệm du lịch nông nghiệp

Du lịch nông nghiệp là một loại hình du lịch phục vụ du khách dựa trên nền tảng của hoạt động sản xuất nông nghiệp với mục tiêu giải trí hoặc giáo dục. Du khách sẽ được trải nghiệm trực tiếp các công việc của người nông dân.

Và nó phải đảm bảo bao gồm 4 yếu tố: Sự kết hợp giữa ngành du lịch và nông nghiệp; thu hút du khách đến tham quan các hoạt động nông nghiệp; được phát triển để gia tăng thu nhập của người làm nông nghiệp và mang đến trải nghiệm giải trí hoặc giáo dục cho du khách (quá trình canh tác, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thu hoạch mùa màng,...)

#### 2.2. Tài nguyên của tỉnh Đắk Lắk để phát triển du lịch nông nghiệp

Với đặc điểm địa lý của một vùng đất cao nguyên quy tụ 43 dân tộc và tài nguyên du lịch đa dạng, Đắk Lắk được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước biết đến như một điểm du lịch hấp dẫn với nhiều địa danh cho phép khai thác theo hướng kết hợp cảnh quan, sinh thái, môi trường và truyền thống văn hoá của nhiều dân tộc trong tỉnh như hồ Lắk, cụm thác Gia Long – Dray Sap, cụm du lịch Buôn Đôn, thác Krông Kma, Diêu Thanh, Tiên Nữ... bên cạnh các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên Chư Yang Sin, Easo... Toàn tỉnh có 23 di tích lịch sử cách mạng, 02 di tích lịch sử văn hoá, 13 di tích kiến trúc nghệ thuật, 8 di tích khảo cổ, 71 di tích thắng cảnh, 25 danh lam thắng cảnh. Có 9 di tích được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận di tích quốc gia, Bảo tàng Đắk Lắk có hơn 8.000 hiện vật văn hoá lịch sử. Đắk Lắk còn là vùng đất của những lễ hội được du khách trong và ngoài nước biết đến như: Lễ hội đua voi; Lễ hội văn hóa Cồng Chiêng; Lễ cúng bến nước; Lễ bỏ mả... của đồng bào các dân tộc sinh sống



trên mảnh đất này. Đặc biệt gần đây Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuật đã được Chính phủ công nhận là Lễ hội cấp Quốc gia được tổ chức 02 năm một lần vào tháng 3.

Và trên hết, Đắk Lắk còn được mệnh danh là “thủ phủ cà phê” của Việt Nam với hương vị cà phê thơm ngon tuyệt vời; song song đó là những vườn tiêu, vườn bơ, vườn sầu riêng, chôm chôm và nhiều loại hoa trái khác đang được nhiều nhà vườn đầu tư phát triển cũng là điểm đến hấp dẫn ở Đắk Lắk.

Bên cạnh đó, nhiều làng nghề vốn có đã mai một cũng như đang hình thành như dệt vải bằng khung cửi của đồng bào Ê Đê, nuôi ong mật, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ gốc cà phê và rễ cây gỗ quý, trồng cà phê và sản xuất cà phê bột... du khách sẽ được tìm hiểu về vòng đời và cách chăm sóc cây cà phê, quy trình chế biến từ cà phê hạt đến sản phẩm cà phê tinh chế mà mọi người sử dụng hằng ngày. Đó là một trải nghiệm thật sự lý thú cho những ai chưa từng biết đến cây cà phê.

### **2.3. Một số mô hình nông nghiệp tiêu biểu tại Đắk Lắk**

#### **2.3.1. Tham quan trải nghiệm vườn hồ tiêu, vườn bơ và các loại hoa trái khác**

##### **2.3.1.1. Trang trại Cà phê Aeroco (Aeroco coffee farm) ở xã Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuật**

Tận dụng những thế mạnh về đất đai, khí hậu, sản vật và văn hóa dân tộc đặc thù, thời gian qua, tại Đắk Lắk xuất hiện nhiều đơn vị, cá nhân đầu tư, phát triển mô hình du lịch nông nghiệp thu hút, mang đến trải nghiệm thú vị cho du khách.

Tiêu biểu phải kể đến Trang trại Cà phê Aeroco (Aeroco coffee farm) ở xã Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuật. Vốn dĩ đây là một trang trại sản xuất cà phê chất lượng cao với quy trình khép kín, điều đặc biệt ở đây là các vườn cà phê của farm được thiết kế đa dạng sinh học theo hướng vườn rừng nên trong vườn không chỉ có cây cà phê mà còn có các loại cây che bóng và cây ăn quả.

Tất cả đều được sản xuất theo hướng hữu cơ, không có sự can thiệp của thuốc bảo vệ thực vật nên sản phẩm bảo đảm an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng. Khi du khách đến tham quan farm ngoài việc tìm hiểu về cây cà phê, quy trình trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế, chế biến... thì còn được trải nghiệm hái cà phê cũng như các loại quả trong vườn (bơ, sầu riêng, mít, chanh, chuối, ổi, tiêu...).

##### **2.3.1.2. Vườn trải nghiệm cà phê Nescafé Wasi**

Nằm trên khuôn viên rộng trên 100 héc-ta được bao quanh bởi vườn cà phê xanh mướt, Vườn Trải nghiệm Cà phê NESCAFÉ WASI gồm hai tầng, được thiết kế với kiến trúc hiện đại. Du khách có thể tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm thực tế các khâu trong quy trình sản xuất ra cà phê chất lượng cao NESCAFÉ từ giai đoạn nuôi cấy mô, ươm trồng, sản xuất cây giống đến giai đoạn hạt cà phê ra trái, thu hoạch và thử nếm chất lượng sản phẩm cà phê đầu ra. Ngoài ra, nơi đây còn có không gian rộng rãi, yên tĩnh để tận hưởng những ly cà phê thơm ngon, cảm nhận sự đa dạng trong cách pha chế các loại cà phê Robusta, Arabica... thành nhiều thức uống với các hương vị khác nhau - hiện đại nhưng vẫn mang đậm bản sắc văn hóa Cao Nguyên và phù hợp với mọi lứa tuổi.

##### **2.3.1.3. Hòa mình vào canh tác trải nghiệm nương rẫy cà phê vào các mùa hoa, trái**

Bắt đầu từ khoảng tháng 12 cho tới hết tháng 3 là thời điểm đất trời khắp năm tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng của nơi đây được nhuộm bởi sắc trắng tinh khôi và thơ mộng của những rẫy và những cánh đồng cà phê bạt ngàn. Du khách có thể đến tham quan, check in một cách thoải mái, vì người dân rất hào sảng, họ chẳng than phiền nếu ta chỉ lấy đi những bức ảnh đẹp từ rẫy của họ... Chắc chắn du khách sẽ ngỡ ngàng khi trước mắt là một vùng trời trắng xóa. Người Tây Nguyên gọi mùa hoa cà phê là mùa của niềm thương nhớ, mỗi lần hoa cà phê nở rộ như sự nhắc nhở họ về tình yêu và niềm tự hào đối với mảnh đất quê hương.

##### **2.3.2. Tham quan các điểm nuôi mật ong và sản xuất thủ công mỹ nghệ từ gốc cà phê**

Người nông dân Đắk Lắk đã biết tận dụng mùa cà phê trở bông để nuôi đàn ong cho mật ngon. Mật ong hoa cà phê có mùi vị đặc trưng của cà phê trở thành loại thực phẩm bổ dưỡng của vùng đất này. Từ nhiều năm nay, cứ vào khoảng thời gian sau Tết Nguyên đán đến cuối tháng Giêng, những người nuôi ong lấy mật lại chuyển ong vào vùng Nam Tây Nguyên để khai thác mật từ hoa cà phê. Chỉ cần một cơn mưa hay khi người dân tưới nước là tất thấy đều bung

hoa trắng toát, phát mùi thơm quyến rũ thu hút ong đến hút mật. Mật ong hoa cà phê là loại mật ong nguyên chất nhất. Bởi vào lúc hoa nở rộ, những thùng ong được đặt ngay tại rẫy cà phê và trong thời gian thu hoạch mật không phải cho ong ăn thêm bất cứ thứ gì. Nếu tham quan vào khoảng từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau du khách sẽ được tận mắt nhìn thấy hình thức nuôi ong, và lấy mật ong tại vườn như thế nào, du khách cũng có thể mua mật về dùng hoặc làm quà.

Ngoài ra, các thợ thủ công ở Đắk Lắk còn sử dụng thân và gốc cây cà phê già trên 30 năm để tạo ra các sản phẩm thủ công mỹ nghệ như bàn ghế từ gốc cà phê, tượng mỹ thuật từ tua rễ, cây thế, các độc bình u, tường rào, gạt tàn thuốc, lọ cắm hoa, khay bàn...tạo nên những sản phẩm du lịch kiệt tác.

### *2.3.3. Trải nghiệm thu hoạch hạt điều, hạt macca*

Hạt điều và hạt macca là hai trong nhiều loại nông sản của vùng đất Tây Nguyên ; cả hai đều cần đảm bảo có phương pháp thu hoạch đúng đắn thì mới có thể đảm bảo chất lượng của nó. Chẳng hạn sau khi đã thu hoạch quả Macca về thì cần tách vỏ lấy hạt Macca trong vòng 24 giờ và làm khô tạm thời để tránh hiện tượng nhân hạt sẽ lên men hoặc bị hư thối. Ngoài ra nếu như trong khoảng thời gian 24 giờ không bóc kịp vỏ quả Macca cần trải đều lớp mỏng và quạt giúp thoáng khí, tránh ánh nắng trực tiếp. Việc tách vỏ cũng rất dễ chỉ cần dùng chày hoặc thanh gỗ có cạnh sắc đập nhẹ vào là quả sẽ nứt vỏ. Không nên đập mạnh thì sẽ khiến cho hạt Macca bị nứt. Những cảnh lao động công phu ấy sẽ được hình tượng hóa rộng rãi khi kết hợp phát triển du lịch, từ trải nghiệm của du khách doanh nghiệp sẽ thu được lợi nhuận nhiều hơn là chỉ canh tác thông thường.

### *2.3.4. Kết hợp với các hình thức trải nghiệm văn hóa bản địa*

Đến với Đắk Lắk du khách còn được tiếp cận những nền văn hóa lâu đời và nhiều màu sắc. Người dân hiếu khách và đôn hậu, là những điều trên cả tuyệt vời khi nói về thực thể làm du lịch ở nơi đây. Đâu đó chúng ta cũng có thể kết hợp giao lưu văn hóa giữa các buôn làng trong những chuyến tham quan nương rẫy. Cùng người dân bản địa canh nông, săn bắt, cùng họ ngồi quây quần bên bếp lửa vùng cao mà âm lòng người lữ khách, được mở mang khi họ tường thuật về những trang sử thi hào hùng để ta biết yêu hơn dân tộc mình, biết tự hào hơn về nền văn minh nương rẫy... Những trải nghiệm văn hoá này không phải nơi đâu cũng có và lúc nào cũng thấy, nếu được khai thác hiệu quả thì đây chính là nét rất riêng của Đắk Lắk và cũng rất độc đáo của Tây Nguyên

## **2.4. Thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk**

Hiện tại, Đắk Lắk đã bắt đầu kết hợp các mô hình farmstay với homestay: Đây là loại hình du lịch kết hợp trải nghiệm nông thôn với lưu trú tại nhà dân. Lợi thế của tỉnh trong phát triển loại hình du lịch này là không cần đầu tư gì nhiều mà tận dụng cơ sở vật chất sẵn có từ nhà dân, chỉ cần kiểm tra đủ điều kiện thì cấp phép kinh doanh.

Những vườn cà phê, điều, macca bát ngát; những vườn cây trĩu quả (bơ, sầu riêng...) cùng với những bản sắc văn hóa đặc trưng... chính là những hình thức trải nghiệm độc đáo mà Đắk Lắk đang đem đến cho du khách. Các hoạt động này tuy mới được khai thác khai thác gần đây nhưng hiệu quả mà nó mang lại cho du lịch là rất lớn!

Có một lợi thế mới phát sinh là UNESCO vừa quyết định công nhận Công viên địa chất toàn cầu cho vùng Bazan Krông Nô, tỉnh Đắk Nông và sắp tới đây sẽ là điểm đến du lịch hấp dẫn hàng trăm nghìn du khách trong nước và quốc tế. TP. Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk rất gần điểm du lịch đặc biệt này nên thực trạng hiện tại cũng đã chuẩn bị cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn nghỉ mua sắm và tham quan nghỉ dưỡng phục vụ du khách đến thăm khu công viên địa chất toàn cầu này. Đồng thời, thu hút các nhà đầu tư lớn đầu tư mạnh vào các khu vui chơi, danh lam thắng cảnh hồ Lắk, Buôn Đôn... bằng cách sang nhượng dự án, hoặc đầu tư mới từ đầu; thậm chí mạnh dạn mời đầu tư các sân golf như Lâm Đồng đã làm, phối hợp với ngành hàng không xử lý nâng cấp các chuyến bay nội địa và quốc tế đi đến Buôn Ma Thuột.

Cùng với sự phát triển của du lịch, số cơ sở lưu trú và chất lượng dịch vụ cũng tăng lên. Các khách sạn chú trọng vào việc nâng cao chất lượng phòng ở, dịch vụ ăn uống, đi lại. Đội ngũ lao động của một số khách sạn lớn được huấn luyện nghiệp vụ, phục vụ tốt.

Nhìn chung, cơ sở lưu trú ở Đắk Lắk khá nhiều, chất lượng một số khách sạn đạt loại tốt. Các khách sạn và nhà nghỉ thường có phục vụ ăn uống và các món ăn đặc sản theo yêu cầu của khách. Tuy nhiên, đa số các khách sạn và nhà nghỉ chỉ tập trung trong phạm vi TP. Buôn Mê Thuột. Các khách sạn ở huyện thường có quy mô nhỏ, phục vụ chưa chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách...

Đã có một số ít điểm đón du khách ở những nhà vườn cà phê và khai thác du lịch khá hợp lý như: (Khu du lịch sinh thái - văn hóa cộng đồng Kô Tam (TP. BuônMa Thuột), Trang trại Cà phê Aeroco (Aeroco coffee farm) ở xã Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột, vườn trải nghiệm cà phê Wasi ở thôn 10, xã Hòa Thắng, Tp.Buôn Ma Thuột). Tuy nhiên, dịch vụ du lịch hiện là khâu rất yếu của Đắk Lắk: thiếu hạ tầng, thiếu công nghệ, thiếu sản phẩm và đặc biệt là thiếu nguồn nhân lực cho lĩnh vực này. Cụ thể là:

- Thủ tục đầu tư, chính sách đất đai và thuế vẫn còn một số vướng mắc khiến bước phát triển du lịch ở đây chưa thật sự mạnh mẽ. Theo Ban Chỉ đạo Phát triển du lịch tỉnh, vấn đề đáng quan tâm nhất hiện nay là việc sử dụng đất rừng, đất nương rẫy trong hoạt động du lịch.

- Hạ tầng xã hội còn yếu kém, trình độ dân trí và chất lượng lao động thấp. Mạng lưới cơ sở hạ tầng chưa được phát triển đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và du lịch. Môi trường sinh thái suy giảm ảnh hưởng trực tiếp đến tài nguyên du lịch, việc khai thác và thu hút khách du lịch là người nước ngoài còn hạn chế. Đồng thời, do xa các trung tâm kinh tế và du lịch lớn của Việt Nam, cùng với chất lượng hệ thống giao thông đường bộ còn hạn chế nên Đắk Lắk phần nào bị hạn chế sức hấp dẫn đối với khách du lịch.

- Sản phẩm du lịch chủ yếu dựa trên những nguồn tài nguyên sẵn có như cảnh đẹp thiên nhiên, lối sống tự nhiên của đồng bào dân tộc mà chưa có sự đầu tư, khai thác và phát triển để chúng trở nên phong phú, đặc sắc và cuốn hút du khách.

- Giữa các điểm du lịch cũng chưa có sự liên kết chặt chẽ cũng như, các sản phẩm du lịch trong mỗi điểm còn rời rạc, tách biệt nhau.

- Phần lớn người dân canh tác nương rẫy là dân tộc ít người, các bác nông dân đã quen với hình thức canh tác nông nghiệp truyền thống, ít muốn thay đổi vì sợ rủi ro và chưa biết cách làm dịch vụ. Chưa có những cuộc vận động, khuyến khích từ phía lãnh đạo nên người dân vẫn chưa mạnh dạn tiếp cận vào loại hình du lịch, thêm vào đó là vốn đầu tư chưa ổn định, người dân chưa đủ khả năng để thiết kế cũng như xây dựng hạ tầng để phục vụ cho du lịch ở những địa bàn thôn – buôn...

### **3. Giải pháp khai thác tiềm năng du lịch nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk**

Để thu hút du khách, tỉnh Đắk Lắk cần có những chính sách, chiến lược phát triển du lịch một cách tổng thể và cụ thể, liên kết hợp tác giữa các tỉnh trong vùng và các tỉnh lân cận một cách chặt chẽ. Trước tiên cần chú ý một số nội dung quan trọng sau:

Thứ nhất, để du lịch nông nghiệp trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn ở Tây Nguyên, Chính phủ cần ưu tiên hỗ trợ các tỉnh trong khu vực về kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Các tỉnh Tây Nguyên cần đẩy mạnh chương trình liên kết vùng trong phát triển du lịch để khai thác hiệu quả các tuyến du lịch trọng điểm như “Con đường xanh Tây Nguyên”, “Con đường huyền thoại - Đường mòn Hồ Chí Minh”, hợp tác phát triển du lịch khu vực tam giác Việt Nam - Lào - Campuchia... để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với Tây Nguyên.

Cần mở rộng liên kết với các tỉnh miền Trung và vùng Đông Nam Bộ, TP. Hồ Chí Minh để kết nối thành các tour, tuyến tạo ra thị trường du lịch rộng lớn, có tác dụng kích cầu du lịch nhằm thu hút khách cho du lịch Đắk Lắk, đặc biệt là hướng tới thu hút lượng khách quốc tế đến với tỉnh.

Đồng thời, cần đầu tư phát triển các công trình vui chơi giải trí mang tính đặc trưng của tỉnh Đắk Lắk, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của du khách trong và ngoài nước. Nâng cao các tiêu chuẩn về dịch vụ khách du lịch, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Đầu tư hạ tầng, xây dựng các khu, điểm du lịch, tạo cơ sở cho sự hình thành và phát triển của các sản phẩm du lịch, tạo sự thay đổi về chất trong hoạt động phát triển du lịch của tỉnh Đắk Lắk.

Thứ hai, nâng cao lượng khách du lịch thông qua đẩy mạnh công tác cập nhật, trao đổi thông tin, hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch trên nền tảng công nghệ 4.0 và chuyên đổi số. Chủ động xây dựng và phát triển các chương trình du lịch riêng, sản phẩm du lịch mang tính đặc thù cũng như tạo thương hiệu riêng cho từng điểm đến du lịch tại tỉnh Đắk Lắk.

Thứ ba, nâng cao nguồn nhân lực cho ngành du lịch thông qua tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về du lịch nông nghiệp kết hợp văn hóa, tăng cường quản lý nhà nước và phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao. Thực hiện công tác đào tạo, đào tạo lại thường xuyên nhằm nâng cao trình độ quản lý, năng lực công tác và nghiệp vụ du lịch cho cán bộ đang công tác trong ngành. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát để kịp thời chấn chỉnh những vấn đề bất cập nảy sinh trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch.

Thứ tư, bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá và phát triển các lễ hội truyền thống phục vụ du lịch. Giữ gìn và phát huy giá trị của các lễ hội, phong tục tập quán bản địa nhằm tạo màu sắc văn hoá truyền thống đặc trưng cho địa phương làm du lịch.

Thứ năm, vấn đề bảo vệ rừng nguyên sinh cần được quan tâm để gìn giữ môi trường phát triển văn hóa cho người dân bản địa. Trước tình trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu ngày nay, nhu cầu bảo vệ rừng càng cần được quan tâm nhiều hơn bởi tác động của việc phá rừng ngày càng lớn và ảnh hưởng ở phạm vi rộng hơn địa bàn Tây Nguyên rất nhiều.

Thứ sáu, xây dựng mô hình du lịch bản làng nông nghiệp theo cả tiêu chí cứng và tiêu chí mềm: tiêu chí cứng bao gồm những điều kiện cơ bản để bản làng xây dựng và phát triển hoạt động du lịch theo hướng cộng đồng, tiêu chí mềm là những dịch vụ bổ sung cần phải có như việc bán đồ lưu niệm, nhóm người có khả năng tham gia thị trường lao động du lịch, dịch vụ bưu chính viễn thông và những hoạt động hỗ trợ cho du lịch khác.

Thứ bảy, có cơ chế và khuyến khích người dân bản địa tham gia nhiều hơn vào công tác lập quy hoạch phát triển du lịch, tổ chức xây dựng sản phẩm du lịch và trực tiếp phục vụ khách du lịch, nhằm phân phối lợi ích nghiêng về phía cộng đồng. Có như vậy, du lịch nông nghiệp tại Tây Nguyên mới thỏa mãn yêu cầu xóa đói giảm nghèo, tạo công việc, thu nhập và nâng cao đời sống người dân. Đồng thời, nâng cao trình độ và năng lực của người dân bản địa thông qua tổ chức những khóa đào tạo ngắn hạn về kỹ năng, nghiệp vụ du lịch.

Thứ tám, thiết kế logo riêng cho hoạt động du lịch Tây Nguyên và du lịch nông nghiệp ở làng bản: Các logo cần phải được dán trên các phương tiện vận chuyển, đại lý lữ hành và ở vị trí dễ thấy tại các cơ sở homestay. Logo cần nêu bật được đặc trưng tài nguyên du lịch nông nghiệp, du lịch làng bản. Sau đó, liên kết giữa các công ty lữ hành trong và ngoài tỉnh với đại diện chương trình phát triển du lịch nông nghiệp tại cơ sở. Bước đầu UBND xã, huyện có thể làm trung gian giữa bản làng với công ty lữ hành, sau đó chuyển giao công việc lại cho những người, nhóm người đại diện trong bản.

Thứ chín, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương trong vùng; nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch đặc thù mang đậm nét Tây Nguyên và khai thác nhiều hơn các yếu tố từ nông nghiệp. Ngoài ra, tỉnh cần tạo điểm nhấn bằng các sản phẩm du lịch chất lượng, gây ấn tượng mạnh với du khách. Ví như, các sản phẩm từ cà phê vẫn chưa được khai thác tốt dù đây vốn là thế mạnh của tỉnh. Cần nhấn mạnh rằng, để tạo ra được những sản phẩm chất lượng của chính doanh nghiệp địa phương thì bản thân họ phải đầu tư chất xám, tiền của để đạt được mục tiêu đó...

#### **4. Kết luận**

Qua những dẫn chứng cụ thể trên cho thấy, phát triển loại hình du lịch nông nghiệp ở Đắk Lắk là rất hợp thời điểm và hợp thực tế. Hy vọng rằng với mô hình du lịch này, một mặt có thể tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật, mặt khác lại có thể thay đổi cách nhìn nhận cũ của người dân bản địa, mở ra một môi trường việc làm rộng hơn, giải quyết được ổn hơn những nhu cầu vật chất và tinh thần của những người con đại ngàn./.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Võ Văn Thành, Phan Huy Xu (2018), Du Lịch Việt Nam-Từ Lý Thuyết Đến Thực Tiễn, NXB Tổng Hợp TP.HCM.

[2]. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 2162/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

[3]. Việt Quỳnh (2017), Du lịch cộng đồng hấp dẫn du khách, <http://www.baolamdong.vn/dulich/201702/du-lich-cong-dong-hap-dan-du-khach-2784680/>).

[4]. H Xú (2021), Triển vọng Du lịch cộng đồng ở Đắk Lắk, <https://vov.vn/du-lich/trien-vong-du-lich-cong-dong-o-dak-lak-833508.vov>.

# ÔNG ĐẠO DỪA NGUYỄN THÀNH NAM VÀ TINH THẦN “HÒA ĐỒNG TÔN GIÁO”

SV: Nguyễn Thị Nhã Thơ – Lớp : ĐHVNH20A  
GVHD: ThS. Trần Hoàng Phong

## Tóm Tắt

*Đạo Dừa là một tôn giáo do ông Nguyễn Thành Nam sáng lập tại Bến Tre, miền Nam Việt Nam. Đây là một trong nhiều tôn giáo tồn tại ở Miền Nam trước 1975. Với chủ trương hòa đồng tôn giáo, tổng hợp nhiều tôn giáo khác nhau như là Phật giáo, Kitô giáo, Đạo Giáo,.. nó luôn là đề tài được bàn tán nhiều và được xem là đề tài để báo chí khai thác lúc bấy giờ. Tính cách có phần lập dị và những ý nghĩ táo bạo mang đến những chủ đề giật gân được nhiều người biết đến. Đến nay, Đạo Dừa vẫn không được Chính phủ Việt Nam công nhận là một tôn giáo chính thức.*

**Từ khóa:** Ông Đạo dừa, Hai Nam, hòa đồng tôn giáo, tôn giáo nội sinh

### 1. Đặt vấn đề

Trong phong trào chấn hưng Phật giáo và sự xuất hiện của hàng loạt “ông đạo” ở Nam Bộ trước năm 1975, Đạo Dừa xuất hiện tại Bến Tre do ông Nguyễn Thành Nam (tức Hai Nam) sáng lập như một sự tất yếu. Cùng với niềm mong ước đem lại hòa bình cho nhân loại và niềm tin yêu đối với các đấng bề trên, ông đã lập nên Đạo Dừa với chủ trương “hòa đồng tôn giáo” và mong muốn các tôn giáo gắn chặt tình đoàn kết, cùng chung sống hòa bình, không phân biệt sau – trước, đông – tây. Tuy thời gian tồn tại không lâu nhưng Đạo Dừa cũng góp phần làm sống động đời sống tâm linh của những người dân nghèo khổ tại vùng đất mới đang oằn mình dưới các cuộc chiến tranh và trong khi các tôn giáo đương thời có phần sa sút.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Vài nét về ông Đạo Dừa

Ông Đạo Dừa, ông Đạo Nam, Hai Nam có họ tên đầy đủ là Nguyễn Thành Nam, sinh ngày 25 tháng Chạp năm Kỷ Dậu (1909) tại ấp Phước Thiện, tổng Hòa Quới, quận An Hóa, tỉnh Định Tường (nay là xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Ông là con trai trưởng trong gia đình giàu có gồm chín anh em. Thân sinh của ông Nam là ông Nguyễn Thành Thúc (Chánh cai tổng Hòa Quới giai đoạn 1840 - 1944), còn mẹ là bà Lê Thị Sen.

Người Nam bộ từ xưa đã có thói quen gọi con đầu là thứ hai. Do sinh ra trong một gia đình khá giả và quyền thế trong xã hội lúc bấy giờ nên Nguyễn Thành Nam được gọi là “cậu Hai”. Vì là con cả lại là con trai nên ông rất được cha mẹ cưng chiều. Chiều đến mức khi đi học gặp lúc trời mưa thì có người theo cõng nên từ nhỏ cậu Hai đã bộc lộ bản tính ham chơi, phóng túng, lúc chưa thành niên đã đàn đúm ăn nhậu, hút thuốc lá. Cậu Hai, người nhỏ con, đẹp trai, thông minh và nói chuyện có duyên.

Lúc nhỏ Hai Nam học ở trường làng, lên trung học thì được cha cho lên Sài Gòn vào học trường Tabert. Trong sáu năm ăn học chôn thị thành, Hai Nam được song thân cho biết có ý định cho xuất ngoại sang Pháp du học. Lúc bấy giờ là năm 1928, Hai Nam tròn 18 tuổi.

Khi đến Lyon (Pháp), ông học tại Trường trung học Pensi Nat Des Lazanstes, sau đó chuyển sang Rouen học 3 năm ở Trường cao đẳng hóa học Institut Chimique De Rouen. Trong những năm tháng du học tại đây, Hai Nam dường như không bỏ qua bất kỳ danh lam thắng cảnh nào trên đất Pháp. Không chỉ thế, Hai Nam lại vướng vào mối tình đơn phương với tiểu thư Paulette de C., con gái của Công tước Henri de C. thuộc dòng dõi vua Louis thứ XVI. Thất tình đành mượn rượu giải sầu, bao nhiêu tiền mà gia đình chu cấp ăn học, chàng sinh viên đều nung hết vào các hộp đêm, sòng bạc dẫn đến “cháy túi”.

Sau tám năm ở xứ người, năm 1935 Hai Nam hồi hương, với ngân ấy thời gian du học mặc nhiên được người thân truy tặng là “Bác vật” Nam, được rất nhiều tổ chức kinh tế trong nước đón nhận, song Hai Nam từ chối, ở nhà làm ăn riêng.

Với vốn kiến thức hóa học tiếp thu được khi ở Pháp, Hai Nam thử thời vận bằng cách mở hãng sản xuất xà bông và thu mua dừa khô bên bờ sông Ba Lai trù phú. Thời điểm này, nước ta đã có hãng của ông Trương Văn Bền ở quận 5, sản xuất loại xà bông thơm lừng danh thương

hiệu “Cô Ba”. Hăng của Hai Nam hoạt động được một thời gian thì đóng cửa, sau đó cậu Hai chuyển sang trông coi việc bán giấy cho nhà máy xay xát lúa gạo ở Gò Công.

Chí thú làm ăn được ít lâu, vốn tính phóng túng, cậu Hai đã tiếp tục trở thành khách “Vip” của sòng bạc Đại Thế Giới ở Chợ Lớn. Có lần bị ông bà Cai tổng la rầy, Hai Nam đã thề rằng: “Chừng nào Chánh phủ cấm chơi tài xỉu con sẽ đi tu”. Cũng trong thời gian này, Hai Nam cưới vợ. Người nâng khăn sửa túi cho ông là bà Lộ Thị Nga, con gái rượu của một nghiệp chủ có tiếng vùng đất Yên Luông, Gò Công (Tiền Giang). Về sau, vợ chồng Hai Nam có một người con gái tên là Nguyễn Thị Loan Anh (còn gọi là Khiêm), hiện đã ngoài 60 tuổi.

Cuộc sống gia đình đang đầm ấm, an yên thì đột nhiên Hai Nam đòi đi tu. Nếu xuất phát từ lời thề thì không hợp lý vì thời điểm đó chính quyền Pháp không cấm trò đỏ đen. Vậy thì việc xuất gia của cậu Hai có phải do căn số tu hành nhiều kiếp trước? Nhiều người cho rằng sau thời gian ăn chơi sa đọa, Hai Nam kịp nhận ra mình chỉ là kẻ thân bại danh liệt và muốn làm việc gì đó có ích cho đời, cho nhân dân lúc bấy giờ.

Về sau, trong lần giận dữ gia đình, Hai Nam bỏ ra tận Nha Trang nói là đi tìm minh sư để tu học, nhưng sau đó lại quay về. Ông đã bỏ ngoài tai mọi lời can ngăn xuất gia. Hai Nam nói dối vợ con là qua Mỹ Tho để lên Sài Gòn họp mặt bạn bè, nhưng thực chất là đi Châu Đốc (An Giang) vì nghe thiên hạ kháo nhau trên núi Tượng thuộc dãy Thất Sơn có một ngôi chùa rất linh ứng. Nhưng ông vẫn chưa tu tập được vì nợ duyên chưa mãn phần.

Tháng 9/1945 là lần thứ hai ông khăn gói lên núi Tượng, lúc này tình hình trong nước biến động khi Nhật đảo chính Pháp. Trong khi gia đình cậu Hai vốn thân Pháp, bản thân cũng từng du học bên ấy nên có lẽ sợ quân Nhật hãm hại mà buộc lòng cậu phải lên đó lánh nạn, mặt khác cũng tiện cho việc chuẩn bị hành trang để khuếch trương thanh thế.

Nương tựa An Sơn tự được ba năm, cậu Hai được tín đồ ca ngợi tu theo kiểu “Hạnh Đầu Đà” (ăn ngọ, ngủ ngòi, đi chân đất...) và đã khám phá hết dãy Thất Sơn, đồng thời “khải ngộ được nhiều điều bí ẩn”. Minh chứng là trong thời gian ở Thất Sơn, cậu Hai bị quỷ vương (satan) thử thách bằng 100 ngày không cho ăn uống và buộc chạy khắp nơi nhưng chẳng khuất phục được. Tức giận, quỷ vương bắt cậu Hai quỳ gối trên gạch từ sáng tới trưa.

Trong lúc chờ hành hình, cậu Hai vẫn đồng dạc trả lời: “Ta thà hy sinh để cứu loài người”. Cũng theo lời của các đệ tử, trước khi hạ sơn, trong lúc “sư phụ” đang tịnh thì Hòa thượng Thích Hồng Tô đến, khen rằng “tám gương khổ hạnh ấy đã đủ giác ngộ chúng sanh” và tặng cho chiếc bình bát. Từ đó, đi đâu cậu Hai cũng mang theo, cho là báu vật quý giá của đời tu sĩ.

Với tinh thần Hòa đồng tôn giáo, vào năm 1951 Hai Nam chính thức lập ra Đạo Dừa, lấy pháp danh là Thích Hòa Bình, lập ngôi chùa nhỏ trên đất gia tộc ở Tân Thạnh, lấy tên là Nam Quốc Phật. Có người nói là Đạo Vừa (tức vừa phải, trung dung) nhưng do phát âm của người Nam bộ, chữ “V” đọc thành “D”. Người khác lại bảo nguồn gốc Đạo Dừa là do “giáo chủ” làm đài bát quái (nơi Hai Nam ngồi cầu nguyện) trên ngọn dừa; thức ăn chủ yếu là dừa và luộc, rửa các loại củ, quả cũng bằng nước dừa.

## **2.2. Tinh thần hòa đồng tôn giáo của ông Đạo Dừa**

### **2.2.1. Tinh thần “hòa đồng tôn giáo”**

Hòa đồng tôn giáo được hiểu như là sự chan hòa, dung hợp các tôn giáo, các tư tưởng lớn của thế giới từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây tạo nên một tôn giáo phổ quát và đa dạng hơn, dành cho mọi người, không phân biệt tôn giáo của phương Đông hay của phương Tây, không phân biệt tôn giáo nội sinh hay du nhập. Đạo Dừa là một trong những tôn giáo nội sinh tại Việt Nam, ngay từ đầu nó đã hòa quyện vào dòng chảy văn hóa của dân tộc Việt. Hòa đồng tôn giáo như là một hình thức kết nối mọi người lại gần nhau mà không có sự phân biệt nào, tất cả đều được tôn trọng, đều được đối xử công bằng như nhau. Có thể nói “hòa đồng tôn giáo” ra đời như giúp cho các tôn giáo xích lại gần nhau hơn, đồng thời cũng làm giảm đi những mâu thuẫn, đối kháng giữa các dân tộc. Hòa đồng tôn giáo kêu gọi chấm dứt sự chia rẽ giữa các tôn giáo, kêu gọi mọi người chấp nhận lẫn nhau, tìm thấy cái hay, cái đẹp ở trong cái khác biệt. Xét trên góc độ đó, tinh thần hòa đồng tôn giáo của ông Đạo Dừa thực sự có những ý nghĩa lớn lao trong công cuộc đoàn kết tôn giáo.

### 2.2.2. Tinh thần “hòa đồng tôn giáo” được thể hiện trong Đạo Dừa

Với mong ước chấm dứt chiến tranh, đem lại hòa bình cho nhân loại, ông Đạo Dừa đã tạo ra một tôn giáo mới với tính chất kết nối các tôn giáo lại với nhau. Vì có thể giúp các tôn giáo dung hợp lại với nhau, sống chung với nhau một cách hòa bình, các tín đồ trong mỗi đạo cũng có thể học những cái hay của các đạo khác. Để thể hiện thực tế, sinh động tinh thần trên, ông Đạo Dừa đã thực hiện một số việc cụ thể. Đầu tiên, ông làm một cái lồng rồi nhốt chung mèo và chuột với nhau. Ông muốn chứng minh cho mọi người rằng mèo và chuột vốn được xem là khắc tinh của nhau, là “kẻ thù truyền kiếp” nhưng vẫn có thể sống chung với nhau một cách hòa bình, vậy tại sao người với người không thể hòa hợp, yêu thương lẫn nhau? Kế đến, ông cho họa hình Phật Thích Ca và chúa Jesus, hai người sống cách nhau hơn 500 năm, đề xướng hai nền tôn giáo khác nhau, ở hai nền văn minh khác nhau, đứng chung với nhau. Ông còn mời chức sắc của các tôn giáo khác đến giảng đạo cho tín đồ Đạo Dừa. Ông muốn mọi người hiểu rằng dù là tôn giáo phương Đông hay phương Tây, dù có những quan điểm khác biệt nhau nhưng đều có điểm chung, đều có thể kết hợp nhau để giáo hóa chúng sinh. Người sáng lập hai nền tôn giáo này có thể đứng cạnh nhau, đi chung với nhau như những người bạn bè thân thiết thì tại sao các môn đồ lại phân biệt, nghi kỵ? Ngoài ra, ông Đạo Dừa đã tự tay soạn một đoạn kinh cầu nguyện trích từ quyển Nam Quốc Phật: “Cầu xin Ngọc hoàng thượng đế, Phật Di Đà, Di Lặc, Vương Phật, Bồ sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Phật Địa Tạng, Đức mẹ Maria, Phật bà Quan Thế Âm Bồ Tát, Phật bà Nam Hải, Lão Bà, Lão Tử, Khổng Tử, Quan Thánh Đế Quân chứng minh, Amen...”.

Trong bối cảnh Mỹ và chế độ bù nhìn Ngô Đình Diệm dùng luật 10/59 lê máy chém gieo rắc thảm họa khắp làng mạc, thôn xóm thì hình ảnh ngày ngày nguyện cầu cho quốc thái dân an của ông Đạo Dừa dần đã chiếm được cảm tình của một bộ phận người dân, từ đó đệ tử đến phục vụ ngày một đông, có lúc lên đến 3.000 người.

Một lòng mong muốn đem lại hòa bình cho đất nước, nhân loại. Hai Nam đã quyết định thành lập liên doanh để ra tranh “ghế” bá chủ dinh Độc Lập với tên gọi “Liên doanh dân tộc hòa bình thống nhất”, biểu tượng là chiếc chìa khóa cắm trên thuyền Bát nhã.

Để chiếm được phiếu ủng hộ của cử tri, trong phần tiểu sử ông Đạo Dừa ghi “3 năm ngồi tại núi Tượng, gần 3 năm ngồi tại mé sông Cửu Long, 23 năm không ăn các thứ bột, không dùng cơm và các thứ bánh, 25 năm chỉ độ nhứt trái cây ngày một bữa gạo, 21 năm không ăn muối, đường, 24 năm không tắm, 14 năm tịnh khẩu, 24 năm bệnh không uống hay chích thuốc, 25 năm ngồi kiết già chứ không nằm, 26 năm chỉ có manh quần tấm áo che thân, 26 năm tự tay làm lấy thức uống...”.

Chuẩn bị ra tranh cử cùng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Hai Nam tìm mọi cách vận động và tung ra nhiều chiêu lạ lùng khiến thiên hạ kinh ngạc: làm “tổng thống” là để cứu độ chúng sanh chứ không phải giành ghế.

Tại đại bản doanh ở cồn Phụng, Hai Nam còn bày ra vở kịch: cho đệ tử một bên giả làm Việt cộng, còn bên kia là lính Việt Nam cộng hòa đánh nhau chí tử để mọi người xem, kéo dài từ sáng đến trưa. Lúc bấy giờ thấy ông Đạo Dừa từ trên Bát quái đài bước xuống làm sứ giả hòa bình, hai phe lâm chiến liền buông súng, cúi đầu ngưỡng mộ. Thế là hòa bình được lập lại. Hai phe bèn lột bỏ lớp vỏ ngoài của súng đạn, bên trong toàn là bánh tét, bánh ít... tha hồ ăn uống no nê.

Có người cho hành động của Hai Nam vô thường vô phạt, đánh thức sự tò mò của những người vô công rồi nghề, đồng thời trở thành đề tài cho những câu chuyện tiểu lâm trong sự nhiễu nhương của bối cảnh chính trị bất ổn ở miền Nam lúc bấy giờ.

Người khác lại cho rằng Hai Nam rất tự tin vào uy tín của mình, cả trong lẫn ngoài nước, nên nghĩ rằng sử dụng chiêu bài “hòa hiệp tôn giáo” chắc chắn sẽ trúng cử nếu được chính quyền chấp nhận cho ra tranh cử. Do vậy, quyết định này là có cơ sở, chứ không phải trò tiểu lâm chính trị.

### 3. Kết luận

Ngày nay, tuy Đạo Dừa không được thừa nhận là một tôn giáo chính thức nhưng cũng không thể phủ nhận được tính đáng quý của tinh thần hòa đồng tôn giáo và ước muốn hòa bình



mãnh liệt của ông Đạo Dừa. Có đôi lúc, ông Đạo Dừa có hơi phô trương nhưng cũng vì muốn Bắc – Nam thống nhất một nhà, chỉ là định hướng con đường đi sai lệch. Thực ra Đạo Dừa không có đức tin cụ thể, cũng không có kinh luật, giáo luật, giáo phẩm..., mà tạm bợ vào các tôn giáo khác. Mặt khác, không giống những người đứng đầu tôn giáo khác, giáo chủ Đạo Dừa không hề thuyết pháp, giảng đạo cho tín đồ của mình vì không có hệ thống giáo lý riêng. Ông cho rằng biện pháp giảng đạo của ông là “cầu nguyện vô vi”, nghĩa là giảng bằng sự yên lặng, tĩnh khẩu chứ không dùng lời... Mặc dù Đạo Dừa chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, thiếu tính khoa học cũng như căn cứ thần học để có thể xác lập là một tôn giáo chính thức nhưng những ý tưởng về một tinh thần hòa đồng tôn giáo của ông Đạo Dừa vẫn có những điểm tích cực và đáng trân trọng.

#### **Tài Liệu tham khảo**

[1]. Huỳnh Thanh Tuấn, Cao Nguyên (2015), *Đạo Dừa - huyền thoại và sự thật - Kì 1 : Hành trình tâm sự học đạo của cậu Hai Nam*, Báo Công An TP.HCM.

[2]. Huỳnh Thanh Tuấn, Cao Nguyên (2015), *Đạo Dừa - huyền thoại và sự thật - Kì 2 : Nặng ra Đạo Dừa*, Báo Công An TP.HCM.

[3]. Huỳnh Thanh Tuấn, Cao Nguyên (2015), *Đạo Dừa - huyền thoại và sự thật - Kì 3 : Đủ kiểu khuếch trương thân thế*, Báo Công An TP.HCM.

[4]. Huỳnh Thanh Tuấn, Cao Nguyên (2015), *Đạo Dừa - huyền thoại và sự thật - Kì 4 : Xuất chiêu bằng tiền ...âm phủ !*, Báo Công An TP.HCM.

[5]. Huỳnh Thanh Tuấn, Cao Nguyên (2015), *Đạo Dừa - huyền thoại và sự thật - Kì 5 : Âm ảnh “ Đạo bắt tạo con ”*, Báo Công An TP.HCM.

# THÍCH ỨNG COVID-19 CỦA VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM

SV: Đặng Công Minh – Lớp: ĐHVNH20A

GVHD: TS. Nguyễn Thị Song Thương

## Tóm tắt

Mặc dù du lịch sinh thái mới thật sự phát triển từ những năm cuối của thế kỉ XX nhưng đã và đang nhận được sự quan tâm đáng kể của toàn xã hội vì tính ưu việt của nó so với các loại hình du lịch khác về trách nhiệm đối với con người, thiên nhiên và môi trường. Nhưng do sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 đã tác động lớn nền kinh tế của ngành du lịch nước ta nói chung và vườn quốc gia Tràm Chim nói riêng.

Vườn quốc gia Tràm Chim ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp là một trong số các Vườn quốc gia ở Việt Nam có nhiều tiềm năng để phát triển loại hình du lịch sinh thái vì nó được xem như là “một phần thu nhỏ” của hệ sinh thái đất ngập nước vùng Đồng Tháp Mười cổ xưa. Du lịch sinh thái được khai thác ở Vườn quốc gia Tràm Chim từ năm 1999.

Nội dung bài viết khái quát các tiềm năng, hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển du lịch sinh thái sau Covid-19; trên cơ sở đó đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm cải thiện và thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Tràm Chim trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Vườn Quốc Gia Tràm Chim; Covid-19, Du lịch

## 1. Vườn quốc gia Tràm Chim

### 1.1. Giá trị tự nhiên

#### 1.1.1. Vị trí

Vườn quốc gia Tràm Chim nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Với tổng diện tích 7.313 ha nằm trong địa giới của 4 xã (Phú Đức, Phú Hiệp, Phú Thành B, Phú Thọ) và Thị trấn Tràm Chim, với số dân trong vùng là 30.000 người.

Cách thành phố Cao Lãnh 38km, cách sông Tiền khoảng 25km về phía tây, gần biên giới Campuchia. Dân số vùng đệm của Vườn Quốc Gia khoảng 42.000 người và chiếm hơn 40% dân số toàn huyện Tam Nông. Tràm Chim là tên của Vườn Quốc Gia, là địa danh từ trước đây của khu vực này và đồng thời cũng là tên của thị trấn huyện Tam Nông, nơi đặt trụ sở của Vườn Quốc Gia. Sở dĩ có địa danh này là vì xưa kia ở đây mênh mông cây Tràm và bát ngát các loài Chim.

#### 1.1.2. Lịch sử hình thành

Năm 1986, một đoàn các nhà khoa học Việt Nam đi điều tra hệ sinh thái chim nước đã phát hiện có Sếu đầu đỏ sinh sống tại khu vực Tràm Chim của Đồng Tháp Mười. Rất nhanh chóng, sự kiện này được thông báo cho các Tổ chức Bảo vệ Thiên nhiên Thế giới. Hội Bảo vệ Sếu Quốc tế đã cử ngay một phái đoàn đến Tràm Chim để khảo sát. Năm 1990, một Hội thảo quốc tế về bảo vệ Sếu và đất ngập nước được tổ chức tại tỉnh Đồng Tháp. Đại biểu của 14 nước và vùng lãnh thổ đã đến tham dự. Sau cuộc hội thảo đó, UBND tỉnh Đồng Tháp đã ra thông báo nghiêm cấm săn bắt Sếu và bắt đầu tuyên truyền giáo dục nhân dân trong tỉnh để mọi người nhận thức được Sếu là động vật rất quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng, cần phải bảo vệ. Năm 1991, UBND tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định thành lập Trung tâm bảo vệ Sếu và Môi trường thiên nhiên Tràm Chim huyện Tam Nông.

Năm 1994, Chính phủ ra Quyết định chuyển Trung tâm này thành Khu Bảo tồn Thiên nhiên Quốc gia Đất ngập nước Tràm Chim. Và đến 29 tháng 12 năm 1996, Khu Bảo tồn được chuyển hạng thành Vườn Quốc gia Tràm Chim. Tiếp đó, một dự án đầu tư phát triển Vườn Quốc gia Tràm Chim giai đoạn 1999 - 2003 được phê duyệt. Mục tiêu của VQG Tràm Chim là bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước điển hình của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, bảo tồn những giá trị độc đáo về văn hoá, lịch sử; nghiên cứu, khai thác hợp lí hệ sinh thái của vùng vì lợi ích quốc gia và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường sinh thái chung của vùng Đông Nam Á.

#### 1.1.3. Đặc điểm tự nhiên

Khí hậu ở Vườn Quốc Gia Tràm Chim có nhiệt độ cao quanh năm và ít biến động trong khoảng 27°C. Từ tháng 12 đến tháng 2 nhiệt độ sẽ thấp hơn khoảng 1-2°C vào cuối mùa khô và

tăng lên khoảng 1-2°C vào các tháng cuối mùa khô, đầu mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 6. Nhiệt độ cao nhất là 27°C vào tháng 4 và thấp nhất khoảng 22°C vào tháng giêng. Độ ẩm trung bình hằng năm duy trì khoảng 83% , lúc cao nhất có thể lên đến 100% và thấp nhất là 35-40%. Từ tháng 5 đến tháng 11, gió ở vùng này chủ yếu thổi từ hướng tây - nam, mang theo nhiều hơi nước và gây mưa. Từ tháng 12 đến tháng 4 có gió đông - bắc. Bão hầu như không ảnh hưởng đến Tràm Chim và vì thế, gió, lốc với tốc độ lớn trong những cơn dông chưa từng xảy ra. Lượng mưa phân bố theo mùa rõ rệt, trung bình khoảng 1.650mm/năm. Mùa mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 11, hơn 90% lượng mưa tập trung vào khoảng thời gian này. Trong khi đó, tháng 1, 2, 3 lại là những tháng khô hạn nhất, trời hầu như không có mưa. Số ngày mưa trung bình đo được tại Vườn Quốc gia Tràm Chim khoảng 110-160 ngày/năm. Tràm Chim chịu ảnh hưởng thủy văn của vùng châu thổ sông Cửu Long, nhận nguồn nước trực tiếp từ sông này thông qua hệ thống kênh thủy lợi, ngập nước từ tháng 8 đến tháng 12.

Vườn Quốc gia Tràm Chim được chia thành năm vùng quản lý khác nhau, mỗi khu vực được bao bọc xung quanh bởi hệ thống kênh và đê với tổng chiều dài lên đến 59km. Mực nước bên trong Vườn quốc gia được điều tiết thông qua hệ thống cống và cửa xả nằm ở các bờ bao xung quanh. Hiện nay, để giảm rủi ro hoả hoạn vào mùa khô, mực nước bên trong Vườn Quốc gia được giữ ở mức cao hơn thông thường. Thành phần sự phân bố và tốc độ sinh trưởng của thực vật đã chịu tác động của mực nước trái với tự nhiên này.

### **1.2. Điều kiện phát triển du lịch**

Đến Tràm Chim, du khách sẽ bắt gặp ấn hiện trước cảnh bao la của đất trời Đồng Tháp mênh mông đầy nước. Vào mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5 dương lịch, đây là nơi cư trú của khoảng 60% quần thể sếu đầu đỏ, là loài chim cao nhất trong các loại chim bay trên thế giới. Thời điểm thích hợp để tham quan vườn Quốc gia Tràm chim:

#### **- Vườn quốc gia Tràm Chim mùa nước nổi**

Mùa nước nổi diễn ra từ tháng 9 đến tháng 12 trong năm. Vườn quốc gia Tràm Chim được tô lên màu xanh, điểm xuyết sắc hồng của hoa sen, hoa súng bùng nở. Nguồn sản vật trở nên dồi dào và các loài chim như tụ họp về đây dự tiệc. Đây cũng là khoảng thời gian sinh sản của loài chim. Du khách sẽ có dịp chứng kiến cuộc sống sinh sôi, nảy nở của những loài chim quả là một điều thú vị. Đồng thời, du khách sẽ có dịp lưu giữ mãi hình ảnh đẹp về nơi đất lành chim đậu.

Ngoài ra, vào mùa nước nổi, cũng là dịp cho du khách tham gia các hoạt động thú vị như: chèo xuồng, thực hiện công việc của cư dân vùng lũ như giăng lưới, đặt lợp, đặt tróm hay thử tài với câu cá Tràm Chim Tam Nông,... Đặc biệt du khách được tham gia thu hoạch lúa trời hay còn gọi là lúa ma. Một loài lúa rất đặc biệt vì vào mùa nước nổi, các loài thực vật thân cỏ khác sẽ bị nước nhấn chìm. Đây sẽ là hồi ức về cuộc sống xa xưa của cư dân Đồng Tháp Mười. (xem tại hình 1-2)

#### **- Ngắm sếu đầu đỏ mùa khô – Tràm Chim Đồng Tháp**

Vào mùa khô diễn ra từ tháng 1 đến tháng 6 hằng năm. Thời gian này là mùa ngắm vũ điệu của sếu đầu đỏ ở vườn quốc gia Tràm Chim. Bởi khác với nhiều loài chim trong vùng, sếu đầu đỏ chỉ kiếm ăn trên mặt đất. Vì vậy, du khách chỉ có thể ngắm sếu đầu đỏ vào mùa khô, dễ trông thấy nhất là từ tháng 2 đến tháng 5 dương lịch hàng năm. (xem tại hình 5)

#### **- Mùa hoa Hoàng đầu ấn – Du lịch Tràm Chim**

Mùa hoa Hoàng đầu ấn được xem là “đặc sản” xứ này. Thường được bắt đầu khoe sắc từ tháng 12 đến tháng 2 hằng năm. Hoa nở đồng loạt từ 11 giờ đến 14 giờ trong ngày, tạo thành một thảm hoa vàng rực rỡ, nên thơ, khiến ai đến chiêm ngưỡng đều thích mê. Tại đây thường tổ chức đưa khách đến tham quan cả 2 khu vực hoa nở bằng xuồng máy và đi bộ băng đồng. Bạn có thể chiêm ngưỡng chúng khi đi Tắc Ráng hoặc tham quan xuyên qua những cánh đồng hoa bằng đường bộ.

#### **- Mùa hoa nhĩ cán – Khu du lịch Tràm Chim Đồng Tháp**

Hoa Nhĩ cán tím hay còn gọi là Rong ly tím, sống ở vùng đất ngập nước theo mùa tự nhiên. Hoa bắt đầu nở từ tháng 1 và kéo dài khoảng 30-40 ngày. Đây là loại thủy sinh chìm, sinh sống những nơi có địa hình thấp và đất ngập nước phèn chua, thường xuyên lặn trong quần

xã sen sùng. Đây là một trong những loài thực vật quý hiếm, rất quan trọng nhằm duy trì hệ sinh thái của vườn quốc gia Tràm Chim. Hoa có màu sắc đẹp, tạo cảnh quan kỳ thú cho du lịch.

## **2. Lợi ích của vườn quốc gia Tràm Chim đem lại**

### **2.1. Tiềm năng du lịch**

Tràm Chim có thể nói là đã được thiên nhiên ưu đãi rất nhiều khi mảnh đất vùng ngập nước là nơi thu hút nhiều loại động thực vật về cư ngụ, đặc biệt phải nói đến loài Sếu đầu đỏ, một loài chim quý hiếm nằm trong sách đỏ của Quốc gia hàng năm đã kéo về đây làm tổ và sinh sản. Nó đã đem đến sự hiếu kỳ cho nhiều khách du lịch muốn chứng kiến và chiêm ngưỡng vẻ đẹp về loài chim này, đây cũng là điểm nổi bật nhất tại nơi đây.

*Về tự nhiên:* Vườn quốc gia Tràm Chim là vùng có địa hình thấp trũng, độ cao trung bình từ 0,9 m đến 2,3 m so với mực nước biển. Khí hậu ổn định quanh năm, ít biến động lớn. Lượng mưa trung bình khoảng 1.650 mm/năm, tháng 1, 2, 3, 4 là những tháng khô hạn nhất. Số ngày mưa trung bình 110-160 ngày/năm. Tại đây rất đa dạng về thực vật và động vật có 231 loài chim (32 loài quý hiếm, trong đó có 16 loài nằm trong sách đỏ của IUCN ở các mức độ (EN, VU, R, T, V, E) và 14 loài nằm trong sách đỏ của Việt Nam như: Ngan cánh trắng, Ròng rọc vàng, Diều mào, Diều lửa, Cú lợn lưng nâu, Đại bàng đen, Chích chòe lửa. Thực vật, sống trên những điều kiện địa hình địa mạo và đất đai khác nhau với khoảng 198 loài. Chế độ thủy văn chịu sự chi phối của vùng châu thổ sông Mêkông. Mạng lưới sông rạch tự nhiên khá dày; thời kỳ ngập lũ vùng sâu từ 2,5 đến 3 m vào năm có lũ lớn ở những nơi bàu, trũng. Nguồn tài nguyên thủy sản với 131 loài cá có giá trị kinh tế cao, gần 40 loài lưỡng cư bò sát.

*Về nhân văn:* Hiện tại các vùng đệm có khoảng trên 41.000 dân đang sinh sống, kế cận với Vườn quốc gia Tràm Chim. Nguồn sống chủ yếu là canh tác lúa, tràm và đánh bắt thủy sản tự nhiên trên các kênh rạch. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống và phát triển kinh tế như đường xá, trường học, y tế, điện, nước sạch, thông tin liên lạc... còn rất hạn chế, việc nâng cao đời sống cộng đồng dân cư còn rất khó khăn. Dân tộc sinh sống phần lớn là người Kinh, tiếp đến là người Việt gốc Hoa và người Khmer. Nghề sống chính là trồng lúa trong mùa khô, săn bắt cá và động vật hoang dã trong mùa lũ (đánh cá, săn bắt động vật hoang dã, thu hái lâm sản ngoài gỗ). Tại đây du khách có thể thấy được cách mà người dân sinh sống bằng nghề săn bắt và học hỏi thêm được nhiều kinh nghiệm từ họ.

### **2.2. Cải thiện đời sống nhân dân**

Vườn quốc gia Tràm Chim đã thu hút được lượng lớn khách du lịch trong và cả ngoài nước đến tham quan và tận hưởng hương vị của miền Tây có đến 153.899 lượt khách tham quan từ tháng 6/2020. Mọi năm để mang lại cho du khách cảm giác chân thật về công việc sinh kế miền sông nước, Vườn quốc gia Tràm Chim đã chủ động liên kết, hợp tác với gần 30 hộ dân ở địa phương thực hiện tour tuyến trải nghiệm. Ngoài bơi xuồng đưa khách đi tham quan, người dân còn chuẩn bị một số ngư cụ quen thuộc, gắn liền với người miền Tây như lưới, lờ, lợp,... và đảm nhận vai trò hướng dẫn cách đánh bắt. Khách du lịch đến đây được trực tiếp trải nghiệm làm ngư dân mùa nước nổi, được tự tay thả lưới, giăng câu, đặt lờ, lợp, tróm... để bắt cua, ốc, lươn, cá các loại.

Qua phỏng vấn của đoàn với Chị Võ Thị Tuyết Mai, làm hướng dẫn viên du lịch tại VQG Tràm Chim vào ngày 15/11/2021 cho biết: “Trước đây, mình công tác tại Xã đoàn Tân Công Sinh, nhiều lần Huyện đoàn phối hợp với VQG kêu gọi đoàn viên tại các xã vùng đệm tham gia hướng dẫn khách du lịch nên mình thấy thích và xin về đây công tác từ đầu năm 2014. Tham gia làm hướng dẫn viên du lịch không chỉ giúp mình có thu nhập ổn định, củng cố kiến thức và kỹ năng sống mà còn là dịp để mình giới thiệu đến du khách về khu bảo tồn, tuyên truyền đến người dân, du khách về việc bảo vệ môi trường sinh thái tại Vườn.

Chị Võ Thị Tuyết Mai dẫn chúng tôi đi thăm các cánh rừng ngút ngàn thuộc VQG những cánh đồng cỏ xanh mát giữa mênh mông sông nước, anh Lê Hoàng Long - Giám đốc Trung tâm Du lịch và Giáo dục môi trường VQG Tràm Chim cho biết, VQG Tràm Chim có hơn 231 loài chim, đặc biệt là sếu đầu đỏ - một trong những loài chim quý hiếm được ghi vào sách đỏ Việt Nam. Ngoài ra, đây còn là nơi cư trú của khoảng 190 loài thực vật bậc cao với 6 kiểu quần xã đặc trưng: sen, lúa trôi, năn...

Với hình thức xã hội hóa, liên kết hợp tác các hộ dân đầu tư ngư cụ, thuyền, điếm ăn uống phục vụ du khách đã cho thấy hiệu quả thiết thực. Đến nay, tại VQG có 3 điếm dừng chân phục vụ du khách, một quầy lưu niệm và khoảng 10 hướng dẫn viên là đoàn viên các xã vùng đệm tham gia liên tục để phục vụ khách du lịch. Đặc biệt, vào mùa nước nổi VQG còn thực hiện mô hình du lịch trải nghiệm mùa nước nổi, bao gồm: trải nghiệm làm ngư dân, tham quan, trải nghiệm thu hoạch lúa trời, tham quan bãi chim sinh sản và bơi xuồng ngắm cảnh quan sinh thái... Các dịch vụ này đòi hỏi lực lượng đông, Vườn Quốc Gia Tràm Chim huy động thêm người dân địa phương tham gia. Đây cũng là cách hỗ trợ người dân có thêm thu nhập trong mùa nước nổi.

### **3. Tác động của dịch covid – 19 đến Vườn Quốc Gia Tràm Chim**

#### **3.1. Ảnh hưởng**

##### *3.1.1. Tích cực*

Khi chưa phát sinh dịch covid-19 thì vấn đề ô nhiễm môi trường đang là vấn đề nhức nhối trong xã hội nhiều giải pháp được đặt ra để giải quyết nhưng vẫn không giảm thiểu được nhiều. Nhưng sau khi bùng phát dịch covid thì môi trường đã hồi sinh một cách nhanh chóng do con người không thải ra khói bụi khí thải từ các nhà máy và môi trường nước đã giảm bớt ô nhiễm bởi lượng rác thải mà con người thải ra môi trường ít đi.

Đặc biệt phải kể đến đó là sự trở lại của những loài chim quý hiếm tại Vườn Quốc Gia Tràm Chim. Vào năm 2021 các loài chim quay về Vườn quốc gia làm này làm tổ rất nhiều do hậu Covid-19 bởi thiếu sự tác động của con người thường xuyên qua lại làm cho những loài chim cũng như là Sếu đầu đỏ trở về nơi được gọi là "nhà" của chúng. Hệ thực vật cũng phát triển nhanh chóng do môi trường đã giảm đi sự ô nhiễm mà con người đem đến. Những loài động vật sinh sống dưới nước như Tôm, tép, cá, ốc, rùa, ba ba,... Cũng vì thế mà sinh sản rất nhiều và không bị săn bắt trong thời gian dài, theo số liệu nghiên cứu được tại nơi đây số lượng động vật tăng 18% và thực vật phát triển dày đặc đến 21% so với mọi năm, chúng đã phát triển rất lớn, đây là dấu hiệu tốt đã đem đến sự phong phú của hệ sinh thái nơi đây. (xem tại hình 4-5)

Vườn Quốc gia Tràm Chim là nơi hằng năm được sếu đầu đỏ tìm về, nhưng do môi trường sinh thái dần thay đổi nên sếu về ngày càng ít. Theo thống kê của Vườn Quốc gia Tràm Chim, năm 1991 có hơn 1.000 cá thể sếu đầu đỏ về, nhưng sau đó sếu đầu đỏ về ngày càng giảm. Đến năm 2017 chỉ có 3 cá thể sếu đầu đỏ về, năm 2018 là 9 cá thể, năm 2019 là 11 cá thể. Riêng năm 2020 không có một cá thể sếu đầu đỏ nào về Vườn Quốc gia Tràm Chim.

##### *3.1.2. Tiêu cực*

Tràm Chim là một là phổi xanh của trái đất, cung cấp số lượng Oxi lớn góp phần bổ xung sự sống cho đất nước nhưng Covid-19 đã đem đến ảnh hưởng to lớn đến nền du lịch ở nhiều nơi trên thế giới và Việt Nam nói chung và Khu du lịch sinh thái Tràm Chim nói riêng. Tính cả năm 2020, tổng lượt khách du lịch toàn tỉnh chỉ đạt 2,7 triệu lượt, giảm 31,6%; tổng doanh thu du lịch đạt 840 tỷ đồng, giảm 20,05% so với cùng kỳ năm 2019.

#### **3.2 Giải pháp**

##### *3.2.1 Thực hiện các giải pháp du lịch an toàn*

Triển khai nghiêm túc, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch tại Vườn Quốc Gia Tràm Chim, đảm bảo an toàn phòng chống dịch cho người dân, du khách. Các đơn vị công tác tại Vườn Quốc Gia Tràm Chim cần phải nghiêm túc tuân thủ các biện pháp vệ sinh, khử khuẩn hằng ngày đảm bảo đúng quy trình; thực hiện đo thân nhiệt cho khách, bố trí nước sát khuẩn, lau rửa bề mặt các vật dụng thường xuyên tiếp xúc với khách; thực hiện đầy đủ các quy định về phòng, chống dịch Covid-19 của Bộ Y tế và của tỉnh.

Các dịch vụ ăn uống được phục vụ tại chỗ hạn chế tụ tập quá số người quy định trong mùa dịch. Đặc biệt, khai báo y tế được thực hiện đầy đủ, là cơ sở để truy vết, khi du khách có liên quan đến dịch bệnh. Phương án vừa kinh doanh, vừa đảm bảo phòng chống dịch đã được thực hiện nghiêm túc.

Ông Ngô Quang Tuyên - Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Tháp cho biết: “Thời gian tới, quan điểm của tỉnh là các doanh nghiệp du lịch, lữ hành, vận chuyển, khu di tích, điếm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được tổ chức lại các hoạt

động đón tiếp và phục vụ khách du lịch, phải đảm bảo các điều kiện an toàn phòng, chống dịch Covid - 19 theo quy định, với phương châm “An toàn mới mở cửa - Mở cửa phải an toàn”.[6]

### 3.2.2 Khai thác tối đa giải pháp du lịch

Cần áp dụng thế mạnh của thời đại 4.0 tăng cường quảng bá các hoạt động du lịch từ truyền thông và mạng xã hội, phổ cập thêm nhiều thông tin bổ ích cho khách du lịch. Trong đó, tận dụng có định hướng thế mạnh về du lịch văn hóa - lịch sử; trải nghiệm du lịch xanh; hướng dẫn tạm thời về du lịch thích ứng với Covid-19 nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị khôi phục lại du lịch.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn tới, du lịch được xem là một trong những chiến lược phát triển quan trọng. Vườn quốc gia Tràm Chim cần phải thay đổi sáng tạo hơn trong khai thác, phát triển theo chiều sâu, nâng chất lượng phục vụ. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh tuyên truyền, truyền thông để du khách cập nhật và mong rằng, với kinh nghiệm ứng phó với dịch bệnh trong thời gian qua cùng với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, vườn quốc gia Tràm Chim sẽ sớm hồi phục và trở lại mạnh mẽ.

### 3. Kết luận

VQG Tràm Chim là khu bảo tồn có hệ sinh thái đa dạng, thuận lợi cho việc phát triển trong du lịch. Đặc biệt trong đó là loài Sếu đầu đỏ, có thể được coi là biểu tượng của VQG Tràm Chim. Tuy nhiên do tình hình dịch Covid-19 bùng phát đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến nền du lịch của VQG Tràm Chim, nhưng cũng đã có các biện pháp thích hợp để đưa ngành du lịch tại đây quay trở lại và khai thác tối đa các giải pháp du lịch từ các cổng thông tin điện tử và dịch vụ mạng xã hội. Vườn Quốc Gia Tràm Chim sẽ trở thành điểm tham qua du lịch sinh thái lý tưởng nếu như các giải pháp được triển khai hợp lý và nhanh chóng, mang đến cho du khách sự an tâm và những trải nghiệm thích thú khi đến tham quan tại Vườn Quốc Gia Tràm Chim.



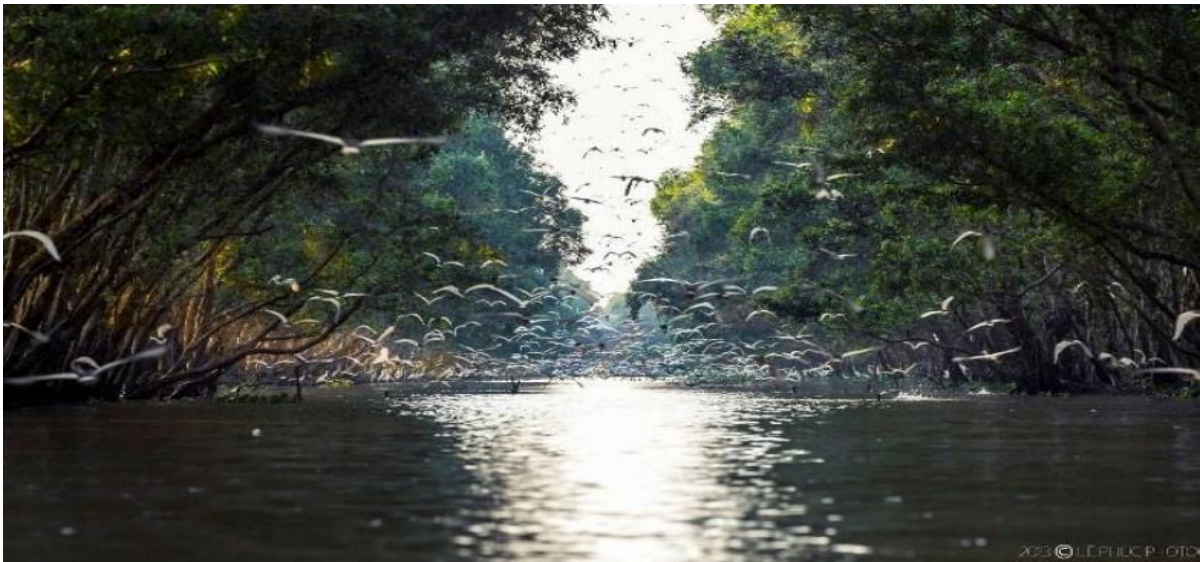
Hình 1: Tràm Chim mùa nước nổi - Ảnh: Linh Ly Thanh



*Hình 2: Tràm Chim mùa nước nổi như một ốc đảo xanh tươi giữa bao la biển trời – Ảnh: Suu tâm*



*Hình 3: Những cánh cò trắng nổi bật giữa rừng tràm xanh mướt - Ảnh: Linh Ly Thanh*



Hình 4: Tràm Chim có vô số các loài chim cư trú - Ảnh: Phuc Le



Hình 5: Sếu đầu đỏ ở Tràm Chim - Ảnh: tapchithoitranatre.com.vn

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Vườn quốc gia Tràm Chim - tài liệu thư viện Đồng Tháp
- [2]. Giải pháp tăng cường thu hút khách cho điểm đến du lịch khu Ramsar Tràm Chim (Tam Nông, Đồng Tháp) - thanhdiavietnamhoc.com
- [3]. Đoàn viên, thanh niên chung tay làm du lịch ở Vườn Quốc Gia Tràm Chim - baodongthap.vn
- [4]. Ngành Du lịch chủ động vượt khó trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 - phutho.gov.vn
- [5]. Đồng Tháp và TP Hồ Chí Minh liên kết phát triển du lịch an toàn, hấp dẫn - baodongthap.vn
- [6]. <https://www.baodongthap.vn/du-lich/dong-thap-va-tp-ho-chi-minh-lien-ket-phat-trien-du-lich-an-toan-hap-dan-101924.aspx>



# PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH TẠI LỄ HỘI GÒ THÁP

SV: Trịnh Văn Vĩnh - Lớp ĐHVNH20A

GVHD: TS. Nguyễn Thị Song Thương

## Tóm tắt

Lễ hội Gò Tháp là di sản văn hóa quý giá của vùng Đồng Tháp Mười nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Lễ hội Gò Tháp mang nhiều giá trị văn hóa, là một hình thức mang tính xã hội cao. Lễ hội Gò Tháp không chỉ phản ánh nền văn hóa cổ mà còn là nền văn hóa đương đại. Dù được thể hiện dưới hình thức nào đi nữa Lễ hội Gò Tháp đều thể hiện truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” và lòng biết ơn của người dân với các vị anh hùng dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Lễ hội Gò Tháp góp phần phát triển du lịch tâm linh tại nơi đây.

**Từ khóa:** Lễ hội Gò Tháp, di tích, du lịch tâm linh

### 1. Đặt vấn đề

Phát triển du lịch tâm linh tại lễ hội Gò Tháp nhằm phục hồi, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa của quê hương cũng như của dân tộc. Điều đó có ý nghĩa to lớn trong thời buổi hiện đại, khi mà một bộ phận giới trẻ chạy theo những nét văn hóa của nước ngoài mà đánh mất những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Với thực tiễn như vậy việc nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể lễ hội Gò Tháp là vô cùng cần thiết, để có thể tìm được những mặt tích cực, tiêu cực, những cơ hội và thách thức. Từ đó có những kế hoạch phát triển du lịch tâm linh cho phù hợp.

### 2. Hình thức tổ chức của lễ hội Gò Tháp hiện nay

Lễ hội Gò Tháp là một lễ hội lớn tiêu biểu nhất trong năm của tỉnh Đồng Tháp. Vì thế, hình thức tổ chức cũng được ban quản lý Khu di tích Gò Tháp đặc biệt chú ý. Hằng năm, lễ hội Gò Tháp được tổ chức hai lần vào tháng 3 và tháng 11 âm lịch.

Lễ hội Gò Tháp gồm hai phần: phần nghi thức cúng lễ và phần hội hè. Từ trước đến nay nhìn chung các nghi thức thờ cúng đều giống nhau. Nghi lễ cúng bao gồm: lễ cúng Bà Chúa Xứ, Lễ cúng hai vị anh hùng dân tộc Thiên hộ Dương và Đốc Binh Kiều, lễ cúng Thần Nông, lễ cầu an, lễ thỉnh sinh... Các nghi lễ được thực hiện đều có nhạc lễ và đội học trò dâng hương, dâng hoa, dâng trà. Về bài văn tế trong giỗ ông và vía bà đều chung một bài; chỉ khác ở chỗ nếu giỗ ông thì chủ nhân là “Đại Dương Thần Đồng Tháp” còn trong vía bà sẽ là “Bà Chúa Xứ Nguyễn Nhung”. Nội dung các bài văn tế thường ca ngợi các công ơn của các bậc đã khai hoang mở cõi, cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Bên cạnh đó, cũng có một vài nghi thức, nghi lễ mang đặc trưng của nhân vật thờ cúng như: lễ tắm bà chỉ có trong lễ vía Bà Chúa Xứ, còn lễ rước sắc thần chỉ có ở giỗ ông. Phần hội sẽ là những trò chơi dân gian, biểu diễn nghệ thuật, giao lưu ca hát, đờn ca tài tử.

Lễ hội Gò Tháp đã trở thành một nét sinh hoạt văn hóa lâu đời của người dân Nam Bộ nói chung và người dân bản địa nói riêng. Lễ hội ngoài là không gian sinh hoạt văn hóa còn chứa đựng ý nghĩa về truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

### 3. Những cơ hội trong việc phát triển du lịch tâm linh thông qua lễ hội Gò Tháp.

Khu di tích Quốc gia đặc biệt Gò Tháp tiềm năng để phát triển du lịch tâm linh. Những thế kỷ đầu Công nguyên, nơi từng là trung tâm tôn giáo lớn của vương quốc Phù Nam. Ngày nay, trong bối cảnh xã hội hiện đại, nhịp sống bận rộn, các thành phố luôn trong tình trạng sôi động, ồn ào, đông đúc. Việc duy trì một không gian xanh, yên tĩnh, tiềm ẩn nhiều giá trị quý báu của lịch sử và thiên nhiên sẽ mang lại nhiều lợi ích lâu dài, là nơi gửi gắm mong ước của con người và là nơi thư giãn cả về thể chất, tinh thần, trí tuệ cho người dân nơi đây.

Gò Tháp không chỉ là địa chỉ du lịch văn hóa tâm linh, mà thông qua đó du khách có thể biết thêm những truyền thuyết, về quá trình khai hoang, mở cõi của người dân Đồng Tháp Mười và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta, là địa điểm du lịch về nguồn hấp dẫn của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, Đồng Tháp nói riêng.

Lễ hội Gò Tháp là không gian sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng không chỉ của người dân địa phương mà còn của người dân Nam Bộ nói chung và khách du lịch. Lễ hội Gò Tháp thể hiện những tín ngưỡng truyền thống của người Việt như tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ anh

hùng dân tộc. Lễ hội Gò Tháp hằng năm thu hút đông đảo người dân thập phương về viếng thăm, thưởng thức văn hóa,...

Lễ hội Gò Tháp là một lễ hội lớn của người dân Đồng Tháp Mười nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Lễ hội Gò Tháp có nhiều hoạt động thú vị: trò chơi dân gian, múa hát, nhạc hội,... Có thể thấy lễ hội Gò Tháp đã đóng góp rất nhiều vào phát triển du lịch tâm linh của tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên do còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác nên việc phát triển du lịch tâm linh từ lễ hội này còn hạn chế.

#### **4. Những thách thức trong việc phát triển du lịch tâm linh thông qua lễ hội Gò Tháp**

Bên cạnh những cơ hội thì cũng có những thách thức cho việc phát triển du lịch tâm linh thông qua lễ hội Gò Tháp.

Thứ nhất về cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Đường di chuyển vào khu di tích Gò Tháp còn khó khăn, mặt đường bị xuống cấp khá nhiều. Gây khó khăn cho du khách khi đến tham quan lễ hội Gò Tháp. Về các điểm tham quan, hành hương khi đến với lễ hội Gò Tháp cần được chỉnh trang, tôn tạo để phục vụ nhu cầu văn hóa, lịch sử của người dân để du khách có những trải nghiệm khi tham gia lễ hội.

Thứ hai, việc giữ gìn cảnh quan khu di tích sau mỗi dịp lễ hội diễn ra. Thời gian qua, ban quản lý khu di tích đã tăng cường xây dựng hệ thống vệ sinh. Tuy nhiên cứ mỗi dịp lễ hội diễn ra thì tình trạng quá tải nhà vệ sinh và khách tham quan xả rác bừa bãi quanh khu di tích,... Vấn đề thiếu ý thức trong việc giữ gìn cảnh quan sạch sẽ, trang nghiêm ở những nơi thờ tự không chỉ làm xấu đi hình ảnh, gây phản cảm mà còn ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy giá trị của khu di tích.

Thứ ba, trình độ chuyên môn của đội ngũ lao động du lịch còn chưa đáp ứng yêu cầu. Đội ngũ hướng dẫn, thuyết minh chưa được đào tạo theo tiêu chuẩn kiến thức, sự am hiểu giá trị, văn hóa của khu di tích, lễ hội chưa sâu sắc.

Thứ tư, hoạt động quảng bá du lịch tâm linh chưa tạo được ấn tượng với du khách. Chưa có nhiều liên kết với các vùng lân cận để thu hút khách du lịch về nơi đây.

Thứ năm, bên cạnh đó điểm du lịch tâm linh này có thiếu các dịch vụ hỗ trợ như không gian nghỉ ngơi, giải trí, ẩm thực để giữ chân du khách. Khiến cho du khách cảm thấy chưa hài lòng về dịch vụ, ảnh hưởng đến chất lượng du lịch.

Cuối cùng, dịch bệnh Covid-19 không chỉ là thách thức lớn cho việc phát triển du lịch tâm linh mà nó còn là thách thức của cả hệ thống du lịch. Thách thức này đặt ra những yêu cầu và định hướng mới cho việc phát triển du lịch tâm linh. Và xu hướng trong tương lai sau khi đại dịch qua đi thì du lịch sẽ có sự thay đổi.

#### **5. Đề xuất giải pháp cho hướng phát triển du lịch tâm linh thông qua lễ hội Gò Tháp**

Để có thể phát huy những tiềm năng trong phát triển du lịch tâm linh từ lễ hội Gò Tháp, chúng ta cần có những giải pháp như sau:

Thứ nhất, cần nâng cấp hệ thống giao thông di chuyển vào khu di tích để du khách có thể dễ dàng khi đến tham gia lễ hội. Bên cạnh đó huy động nguồn xã hội hóa cho việc khai thác những giá trị hiện có của khu di tích. Ngoài ra, cần đầu tư làm mới biển chỉ dẫn, giới thiệu cho du khách trong và ngoài nước tìm hiểu và nghiên cứu.

Thứ hai, cần nâng cao trình độ của người làm du lịch, tạo điều kiện cho người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch: cung cấp thức ăn, hướng dẫn du khách tham quan di tích, lễ hội,... Bên cạnh đó, cần mở lớp dạy nghiệp vụ ngắn hạn cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người dân trong việc giới thiệu và phát triển du lịch,...

Thứ ba, Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ, giữ gìn cảnh quan du lịch của du khách và người dân địa phương. Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh khu di tích bằng các hình thức: bảng quy định về quy tắc hành xử tại khu du tích, tuyên truyền qua loa; xây dựng môi trường du lịch an toàn, thân thiện đảm bảo vệ sinh, an ninh và an toàn cho du khách.

Thứ tư, Tăng cường quảng bá du lịch tâm linh trên các trang báo, mạng xã hội,... Ngoài ra tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích cho các công ty du lịch khai thác du lịch tâm linh tại khu di tích. Cuối cùng, tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao hiểu biết về lịch sử, văn hóa tâm linh tại khu di tích cho đội ngũ nhân lực phục vụ tại khu di tích.

Với những giải pháp trên, hi vọng trong tương lai việc phát triển du lịch tâm linh từ lễ hội Gò Tháp sẽ có những bước chuyển mới. Đặc biệt, sẽ có được chỗ đứng trong lòng du khách trong và ngoài nước.

## **6. Kết luận**

Lễ hội Gò Tháp là một lễ hội truyền thống của người dân vùng Đồng Tháp Mười nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Thông qua lễ hội, phản ánh những tín ngưỡng của người dân bản địa như tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc. Lễ hội không chỉ là không gian sinh hoạt văn hóa mà còn nơi vui chơi giải trí của người dân và du khách. Bên cạnh, vai trò là một hình thức tín ngưỡng của người dân bản địa, lễ hội Gò Tháp còn đóng góp không nhỏ trong việc phát triển du lịch tâm linh của tỉnh Đồng Tháp.

### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Ban quản lý khu di tích Gò Tháp, *Tài liệu giới thiệu về các điểm di tích tại khu di tích Gò Tháp*

[2]. Lê Thị Liên (2006), *Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở Đồng bằng sông Cửu Long trước thế kỷ 10*, NXB Thế giới, Hà Nội.

[3]. Hồ Kỳ Minh (2015) *Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển loại hình du lịch văn hoá tâm linh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*, Báo cáo tóm tắt Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh. Trần

[4]. Văn Thành, 2018. *Lễ hội Gò Tháp trong đời sống tinh thần của người dân tỉnh Đồng Tháp* (luận án tiến sĩ).

[5]. Lê Văn Thắng, Trần Anh Tuấn và Bùi Thị Thu (2008) *Giáo trình Du lịch và Môi trường*, Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

# LỄ HỘI VÍA BÀ CHÚA XỨ NÚI SAM THÍCH ỨNG TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

SV: Ngô Thị Kim Ngân – Lớp ĐHVNH20A

GVHD: TS. Nguyễn Thị Song Thương

## Tóm Tắt

Hoạt động tâm linh ở Việt Nam thể hiện rõ nét văn hóa, truyền thống qua đời sống thường ngày và các lễ hội của cộng đồng. Việc khai thác các hoạt động tâm linh phục vụ du lịch đã diễn ra từ lâu, song vẫn còn nhiều vấn đề cần quan tâm. Bài viết trình bày kết quả khảo sát ý kiến du khách về các hoạt động tâm linh ở miếu Bà Chúa Xứ (An Giang) và những giải pháp bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa trong hoạt động tâm linh phục vụ phát triển du lịch.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động tâm linh tại Miếu Bà Chúa Xứ còn cần được đầu tư hơn nữa, đồng thời phải bảo quản, tu bổ cơ sở vật chất mới có thể duy trì hoạt động và thu hút du khách. Để bảo tồn giá trị văn hóa trong hoạt động tâm linh nơi đây, bài viết đề xuất một số biện pháp như: nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao nhận thức của người dân, nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý, thiết kế xây dựng và quảng bá du lịch [1].

**Từ khóa:** du lịch An Giang; du lịch tâm linh; miếu Bà Chúa Xứ.

## 1. Đặt vấn đề

Trong văn hóa lễ hội của vùng Tây Nam Bộ thì hầu hết người dân đều biết đến Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam cùng với ngôi Miếu chính thờ Bà Chúa Xứ, tọa lạc ở chân núi Sam, trước thuộc xã Vĩnh Tế, nay thuộc phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam là một trong những lễ hội có vai trò quan trọng đối với đức tin của nhiều người dân nơi đây, một lễ hội mang đậm sắc thái văn hóa của con người vùng Tây Nam Bộ. Lễ hội thể hiện đậm nét các giá trị giao thoa văn hóa của tộc người Kinh, Chăm, Hoa và Khmer. Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam diễn ra thường lệ từ ngày 22/4 đến ngày 27/4 âm lịch hằng năm, đây là dịp để người dân ở khắp nơi tụ họp về dâng hương cúng bái và cầu mong Bà phù hộ, độ trì đem lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no cho bản thân và gia đình [2].

## 2. Quá trình hình thành Miếu Bà và các giai thoại dân gian về tượng Bà

### 2.1. Quá trình hình thành Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam (Châu Đốc, An Giang)

#### Quá trình hình thành ngôi Miếu

Miếu Bà Chúa Xứ có rất nhiều truyền thuyết huyền bí xung quanh hoàn cảnh ra đời của ngôi miếu, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Theo nhiều nguồn thông tin thì tượng Bà được tìm thấy với nhiều truyền thuyết, một số người dân địa phương cho biết vào những năm 1820-1825, quân Xiêm thường xuyên qua nước ta cướp bóc, bóc lột tài sản của người dân trong làng. Làm họ phải bỏ chạy lên đỉnh núi Sam để lánh nạn. Quân Xiêm đuổi theo lên đến đỉnh núi thì phát hiện pho tượng cổ rất đẹp, chúng nổi lòng tham, tìm đủ mọi cách xeo nạy, nhấc bổng để đem xuống nhưng pho tượng không dịch chuyển. Sau vài giờ cố gắng miệt mài vẫn không được chúng tức giận, cáu gắt và trong sự nóng giận nhất thời, chúng đánh gãy cánh tay trái của pho tượng ngay lập tức tên giặc đó bị trừng phạt hăng đi vài bước thì học máu chết tươi. Đến cuối cùng tượng Bà vẫn nằm yên trên đỉnh núi do không một ai có thể di chuyển được. Vài ngày sau ở trong làng mọi người hay tin biết Bà linh thiên và có ý mang Bà xuống lập Miếu thờ. Các bô lão gọi những thanh niên trai tráng khỏe trong làng khiêng tượng Bà xuống nhưng không cách nào nhấc lên được. Tưởng như còn việc gì khiến Bà chưa hài lòng, bô lão liền sai người cầu khẩn và lời cầu đã linh nghiệm khi Bà nhập vào một bé gái đang chơi gần đó và bảo ” Hãy chọn chín cô gái đồng trinh để đem ta xuống núi “. Đúng như lời Bà bảo, bô lão liền chọn chín cô gái đồng trinh mang tượng Bà xuống núi nhưng không ngờ khi họ nâng tượng Bà thì pho tượng lại vô cùng nhẹ. Khi xuống chân núi thì pho tượng bỗng nặng trĩch. Người dân hiểu được ý của Bà liền cho người xây một miếu để thờ Bà, mong Bà phù hộ cho mưa thuận gió hòa, người dân nơi đây làm ăn thuận lợi. có cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Có một truyền thuyết khác cũng liên quan đến ngôi miếu này, đó là nói về công lao ông Thoại Ngọc Hầu. Khi ông đi dẹp giặc ngoại xâm ở biên giới, bà Châu Thị Tế đã khăn vái Bà Chúa Xứ phù hộ ông dẹp yên giặc, giữ gìn làng xóm yên bình. Để tạ ơn những điều linh nghiệm,

ông Thoại Ngọc Hầu cho thỉnh bà từ trên đỉnh núi Sam về xây một ngôi miếu khang trang dưới chân núi để thờ Bà và chọn ngày 24/04 là ngày lễ Bà [3].

#### *Kiến trúc ngôi Miếu*

Lúc đầu, miếu Bà Chúa Xứ được xây dựng bằng tre lá đơn sơ, nằm trên một mảnh đất trũng quay về hướng Tây – Bắc, phần lưng hướng về vách núi còn chảnh điện thì hướng về nơi cánh đồng xanh ngát. Đến năm 1870, miếu được người dân xây dựng lại bằng gạch hồ ô dước và lợp ngói. Miếu lại được trùng tu, xây dựng mới hơn theo lối phương đông cổ kính với dãy đông lang, tây lang, chánh điện và nhà khách nhưng nữa chừng thì bị dang dở, mãi đến năm 1995 mới được xây dựng phần còn lại. Ngày nay, miếu Bà được xây dựng khang trang, uy nghiêm hơn với hình dạng chữ Quốc được xây bằng gạch có bốn ngói hình vuông, hình khối tháp dạng hoa sen nở với mái tam cấp ba tầng lầu. Nóc miếu được lợp bằng ống ngói màu xanh, bên trong còn giữ lại tấm vách đá dài khoảng mười mét. Nóc mái vượt cao, hai bên vách được xây bằng đá cẩm thạch có nguồn gốc từ Ý, Nhật, Đài Loan. Phía trên cao, các tượng thần khỏe mạnh, đẹp đẽ giăng tay đỡ những đầu kèo. Các khung bao, cánh cửa đều được chạm trổ, khắc, lộng tinh xảo và nhiều liên đới, hoành phi lộng lẫy. Đặc biệt, bức tượng phía sau tượng Bà, bốn cây cột cổ lâu trước chánh điện gần như được giữ nguyên như cũ. Nhìn từ xa, miếu Bà Chúa Xứ núi Sam như một cung điện nguy nga, tráng lệ nhưng vẫn hiện lên nét trang trọng, tôn nghiêm của nơi thờ thần, thờ phật [3].

#### *Đối tượng thờ trong Miếu*

Tượng Bà được người dân đặt ở giữa chánh điện với áo bào thêu rồng phụng lấp lánh và chiếc mào sắc sỡ, xung quanh đó còn có bàn thờ Hội đồng ở phía trước, Tiền hiền và Hậu hiền thì đặt hai bên. Bàn thờ Cậu đặt ở bên trái, có thờ một Linga bằng đá rất to, cao khoảng 1,2m, còn bàn thờ Cô thì ở bên phải thờ một tượng nữ thần nhỏ bằng gỗ [3].

#### *Cơ cấu thành viên ban quản lý*

Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam, tỉnh An Giang là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trực tiếp quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Sam; có chức năng phục vụ quản lý Nhà nước và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, du lịch trong Khu du lịch quốc gia Núi Sam theo Quyết định số 2098/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Núi Sam, tỉnh An Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Sam, tỉnh An Giang có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật. Thủ tướng Chính phủ giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Sam, tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có trách nhiệm rà soát, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc (trong đó có Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Sam, tỉnh An Giang) theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả [4].

#### **2.2. Giai thoại dân gian về tượng thờ Bà tại ngôi Miếu**

Theo truyền thuyết, tượng phật bà Chúa Xứ là một pho tượng cổ rất thiêng nằm trên đỉnh núi Sam từ rất lâu. Lịch sử về nguồn gốc pho tượng bà Chúa Xứ có nhiều giả thuyết chứa đựng nhiều điều bí ẩn còn lưu truyền đến ngày nay.

*Giả thuyết 1:* Vào năm 1941, nhà khảo cổ người Pháp đã đến miếu bà chúa Xứ Núi Sam khảo sát rất tỉ mỉ và kết luận tượng bà thuộc loại tượng thần Vishnu, nguồn gốc từ Ấn Độ. Tượng bà chúa làm bằng chất liệu đá Sa Thạch có giá trị nghệ thuật cao, ra đời vào khoảng cuối thế kỷ thứ 6.

*Giả thuyết 2:* Trong chương trình khảo cổ học nét xưa, cô nhà văn Sơn Nam lại đưa ra khẳng định, tượng Bà là pho tượng phật đàn ông của người Khơ Me bị bỏ quên lâu đời trên đỉnh núi Sam. Sau này, người Việt đưa tượng vào miếu điểm tô lại với nước sơn mới trở thành tượng phật đàn bà mặc áo lụa, đeo dây chuyền.

Ông Trần Văn Dũng tác giả của công trình khoa học “Khai phá vùng đất Châu Đốc” cũng khẳng định, tượng bà Chúa Xứ thật ra là tượng nam ngồi ở tư thế vương giả, phần đầu của tượng hiện thờ tại miếu không phải là nguyên gốc được chế tác sau làm bằng chất liệu khác với phần thân tượng [5].

Theo nhân gian truyền miệng thì vị trí đặc tượng Bà hiện nay cũng là do Bà chọn. Khoảng 200 trăm năm trước Bà thường hiện về và xưng là Bà Chúa Xứ, dạy dân làng khiêng xuống núi lập Miếu thờ cúng. Bà sẽ phù hộ cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, tránh được giặc cướp quấy phá, thoát khỏi dịch bệnh hoành hành. Thấy vậy dân làng họp nhau lên núi khiêng tượng về thờ cúng. Nhưng lạ thay, dù mấy chục thanh niên trai tráng gắng sức vẫn không lay nổi tượng Bà. Trong lúc mọi người đang rất thất vọng, có ý định bỏ dở thì một cô gái trong làng bỗng đứng lên đồng cho biết: “Bà chỉ cần 9 cô gái đồng trình lên khiêng”. Dân làng làm theo lời dạy ấy và quả đúng thật 9 cô gái đồng trình khiêng tượng Bà đi xuống một cách nhẹ nhàng. Theo như nguồn kiến thức được biết từ những người dân trong làng thì vị trí đặc tượng Bà từ xưa đến nay vẫn không có gì thay đổi [6].

### **3. Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam trong bối cảnh đại dịch covid-19**

#### **3.1. Hoạt động truyền thống của lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam**

Miếu Bà (sau này được người dân gọi là Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam) không những thu hút nhiều khách du lịch đến tham quan bởi công trình kiến trúc, truyền thuyết hình thành nên miếu Bà mà còn là bởi những lễ hội đặc sắc, náo nhiệt nơi đây được diễn ra từ 23 – 27 tháng tư âm lịch hằng năm.

Hoạt động truyền thống của lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam được tổ chức gồm hai phần là phần lễ và phần hội, trong đó phần lễ gồm: sáu lễ chính : Lễ phục hiện rước tượng Bà, Lễ tắm Bà, Lễ thỉnh sắc Thoại Ngọc Hầu, Lễ Túc Yết, Lễ xây chầu, Lễ Chánh tế.

Lễ phục hiện rước tượng Bà từ bệ đá ngự trên đỉnh núi Sam về dưới chân núi diễn ra lúc 15h ngày 22/4 âm lịch. Đầu tiên thì trường làng sẽ thông báo cho mọi người biết hôm nay là lễ rước Bà, mọi người chuẩn bị lễ vật cùng các bô lão ở trong làng đi lên đỉnh núi sam làm lễ rước Bà xuống núi, khi xuống thì đi đầu là đội lân sư rồng tiếp theo là các bô lão và cuối cùng là những người dân quanh vùng và khách hành hương.

Lễ tắm Bà được cử hành vào lúc 0 giờ đêm 23 rạng 24/4 âm lịch nói là tắm bà nhưng thực tế là lau bụi bặm trên tượng Bà và thay áo mới cho Bà. Nước tắm tượng là nước thơm, bộ y phục cũ của Bà được cắt nhỏ ra phân phát cho khách đi hội và được coi như lá bùa hộ mệnh giúp cho người nhận khoẻ mạnh và trừ ma quỷ. Nghi thức đầu tiên là thắp sáng hai cây đèn cây to trước tượng Bà. Ông chánh bái và hai vị bô lão dâng hương, dâng rượu, trà, kế đến là Ban quản trị lần lượt dâng hương cầu nguyện. Bức màn vải có viền ren thêu chữ, hoa nhiều màu sắc sẽ được kéo ngang bệ thờ, che khuất khu vực đặt tượng. Một nhóm từ 4-5 phục nữ đã được chọn lựa, phân công từ trước vén màn bước vào trong chuẩn bị tắm Bà. Đầu tiên là cởi mào, khăn đội trên tượng, rồi lần lượt đến đai áo, áo ngoài, áo trong, để lộ toàn thân pho tượng bằng đá sa thạch ở tư thế ngồi. Dưới chân tượng Bà được đặt một chậu nước nhỏ đựng nước hoa xông lên thơm ngát, hàng chục chiếc khăn được nhúng vào chậu, vắt khô rồi lau lên pho tượng. Sau đó một mâm đầy lọ nước hoa loại đắt tiền được dâng lên, mỗi lọ đều được xịt một ít vào tượng, xong trả lại cho chủ. Kế đến, một bộ áo đẹp nhất dâng cúng trong kỳ lễ hội được khoác lên tượng, thắt dây đai áo rộng và các bộ phận khác, cuối cùng đội mào lên tượng. Lễ tắm Bà xong, bức màn được kéo qua một bên, mọi người chen nhau đến gần để chiêm ngưỡng, khăn vải, ai cũng cố đến sát bên bệ thờ để xin lộc bà là một vài cành hoa, một vài trái cây để trên bàn. Lễ tắm Bà thường kéo dài khoảng một giờ, sau đó mọi người được tự do lễ bái.

Lễ thỉnh sắc Thoại Ngọc Hầu tức rước sắc và bài vị Thoại Ngọc Hầu cùng hai phu nhân từ Sơn lăng về miếu bà, Lễ này được tiến hành vào lúc 15 giờ ngày 24/4 âm lịch. Các bô lão trong làng và Ban quản trị lăng miếu mặc lễ phục chính tề sang lăng Thoại Ngọc Hầu nằm đối diện với miếu Bà làm lễ Thỉnh Sắc rước bài vị của Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại, bà nhị phẩm Trương Thị Miệt, và bài vị Hội đồng. Khi vào đến Miếu Bà, các bài vị trên được an vị ngôi chính điện, Ban quản trị dâng hương thỉnh an, lễ thỉnh sắc kết thúc. Tục lệ thỉnh sắc Thoại Ngọc hầu đã có từ lâu để tỏ lòng biết ơn ông là người có công khai phá vùng đất hoang vu này.

Lễ túc yết được tổ chức lúc 0 giờ khuya đêm ngày 25 rạng ngày 26/4 âm lịch. Tất cả các bô lão trong làng và Ban quản trị lăng miếu ăn mặt chỉnh tề, đứng xếp hàng hai bên trước tượng Bà. Vật cúng gồm có: một con heo trắng đã được màn sạch sẽ, chưa nấu chín, một đĩa đựng huyết có ít lòng heo được gọi là “mao huyết”, một mâm xôi, một mâm trái cây, một mâm trà cau, một đĩa gạo muối. Ông chánh bái làm lễ dâng hương, dâng rượu, dâng trà, dâng vật cúng sau đó thì đốt một ít giấy tiền vàng bạc.

Ngay sau đó là Lễ xây châu, mở đầu cho việc hát bội (còn gọi là hát tuồng). Để chuẩn bị cho lễ này, người ta kiêng bàn tổ ra ngoài và thay vào đó một cái trống châu. Vào lễ người xướng nội hô to "ca công tựu vị", ông chánh bái ca công liền bước tới bàn thờ đặt giữa võ ca, hai tay cầm dùi trống nâng ngang trán khăn vải. Phía bên trái bàn thờ có một tô nước và một nhánh dương liễu. Ông chánh bái ca công cầm nhánh dương nhúng vào tô nước rồi vẩy nước ra xung quanh, vừa đọc to những lời cầu nguyện:

"Nhất xá thiên thanh" - Trời luôn thanh bình.

"Nhị xá địa linh" - Đất thêm tươi tốt.

"Tam xá nhơn trường" - Người sống muôn tuổi.

"Tứ xá quý diệt hình" - Quý dữ bị tiêu diệt.

Đọc xong, ông chánh bái ca công đặt tô nước, cành dương trở lại bàn thờ, ông đánh ba hồi trống và xướng "ca công tiếp giá", lập tức đoàn hát bộ nổi chiêng trống rộ lên và chương trình hát bộ bắt đầu. Các tuồng hát bộ sau đây thường được diễn tại miếu bà: Trần Bình Trọng, Sát Thát, Lưu Kim Đính, Trưng Nữ Vương, v.v...

Lễ chánh tế được cử hành vào 4 giờ sáng ngày 26 nghi thức giống như cúng “túc yết”. Lễ hồi sắc được cử hành lúc 16 giờ chiều ngày 27, đây là lễ đem sắc và bài vị Thoại Ngọc Hầu cùng hai phu nhân về lại Sơn lăng.

Phần hội: phần hội diễn ra rất sôi nổi chủ yếu vào buổi tối, các hoạt động văn hoá nghệ thuật dân gian được biểu diễn như múa lân, múa mâm thao, múa đĩa chén, biểu diễn văn nghệ liên quan đến bốn dân tộc, các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí, triển lãm tranh nghệ thuật, các cuộc thi về ẩm thực,...thu hút nhiều du khách tham gia vào hàng năm.

Đến với miếu Bà Chúa Xứ, khách du lịch trong quá trình tham gia lễ hội sẽ được hòa nhập vào cuộc sống và con người nơi đây, thưởng thức một lễ hội vui vẻ, độc đáo, náo nhiệt và cũng không kém phần trang nghiêm ở nơi chốn tâm linh này. Năm 2001, lễ hội này đã được Bộ Văn hóa Thông tin và Tổng cục Du lịch Việt Nam công nhận là lễ hội cấp Quốc gia và cũng bởi lẽ đó, hằng năm, nơi đây hội tụ khoảng hơn hai triệu lượt khách từ gần đến xa, từ trong nước đến ngoài nước viếng thăm [7].

### **3.2. Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam thích ứng an toàn trong bối cảnh đại dịch Covid-19**

Do tình hình dịch covid diễn biến phức tạp nên UBND tỉnh An Giang quyết định chỉ tổ chức phần lễ không tổ chức phần hội. UBND Thành Phố Châu Đốc đã lên phương án không tổ chức Lễ khai hội như mọi năm, các nghi thức Lễ hội truyền thống vẫn sẽ được cử hành. Mọi năm số lượng người tham gia lễ hội vượt ngưỡng con số 4 triệu người nhưng năm nay do tình hình dịch nên sẽ giảm về số lượng người tham gia và tất cả những người đến tham đều phải đeo khẩu trang để bảo vệ bản thân mình và mọi người.

Hiện nay, với xu hướng mở cửa phát triển kinh tế của cả nước nói chung, việc khôi phục và phát triển hoạt động du lịch được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. An Giang là tỉnh có thế mạnh về du lịch tâm linh nên du khách đến tỉnh để tham quan, chiêm bái là rất lớn. Tuy nhiên tình hình dịch COVID-19 trong cả nước vẫn còn diễn biến phức tạp, nhất là dịch bệnh COVID-19 với biến chủng Omicron đang bùng phát, do đó, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm giải pháp 5K “Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế” theo khuyến cáo của Bộ Y tế, đặc biệt bắt buộc đeo khẩu trang nơi công cộng.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn, không được lơ là, chủ quan, chủ động xây dựng phương án mở cửa trở lại hoạt động du lịch trên tinh thần thích ứng, an toàn, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, gắn với từng

bước phục hồi kinh tế - xã hội của địa phương; chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể phối hợp ngành Y tế địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát và tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố yêu cầu các Ban Quản lý di tích, Bảo tàng, Ban Tổ chức lễ hội, đơn vị kinh doanh du lịch, khu, điểm du lịch xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án đảm bảo an ninh, an toàn phòng, chống dịch cho du khách, chỉ tổ chức đón khách khi đảm bảo các biện pháp phòng, chống dịch theo hướng dẫn của ngành Y tế [8].

UBND thành phố đã triển khai kế hoạch, kịch bản tổ chức trong trạng thái “bình thường mới” để vừa đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, vừa tổ chức các nghi thức lễ hội truyền thống đúng kịch bản đã được phê duyệt, xây dựng môi trường lễ hội văn hóa, an toàn, văn minh.

Từ đầu năm 2021 cho đến thời điểm hiện tại, dù dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp trong và ngoài nước, nhưng nhờ thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh nên lượng du khách đến hành hương, vui chơi tại TP Châu Đốc khá nhộn nhịp, nhất là vào cuối tuần.

Theo Phó Chủ tịch UBND TP. Châu Đốc Trần Quốc Tuấn, thành phố đã lên 3 phương án tổ chức Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam năm 2021 để đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Cụ thể

Phương án 1, tổ chức nghi thức lễ hội và các hoạt động khác phục vụ lễ hội trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh. Thời gian tổ chức từ ngày 2 đến 7-6-2021 (nhằm 22 đến 27-4 âm lịch). Quy mô tổ chức theo thông lệ hàng năm, không tổ chức lễ khai hội.

Phần nghi thức truyền thống: lễ phục hiện tổ chức lúc 15 giờ, ngày 2-6-2021 (nhằm 22-4 âm lịch). Lễ tắm bà tổ chức vào ngày 3-6-2021 (nhằm 23-4 âm lịch), tất cả đều phải nghiêm túc thực hiện giải pháp "5K" (khẩu trang, khử khuẩn, khoảng cách, không tập trung, khai báo y tế). Lễ Thánh sắc thân; lễ Túc yết và Xây chầu; Lễ Chánh tế; Lễ hồi sắc vẫn giữ theo nghi thức truyền thống hàng năm, tổ chức trong nội bộ Ban Quản trị Lăng miếu núi Sam và thực hiện các biện pháp phòng dịch theo quy định. Song song đó, tổ chức phân hội với các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, thả đèn hoa đăng, các hoạt động tuyên truyền... và phải đảm bảo giải pháp "5K" theo quy định phòng, chống dịch bệnh.

Phương án 2, tổ chức nghi thức lễ hội và các hoạt động khác phục vụ lễ hội quy mô không quá 200 người. Theo đó, không tổ chức lễ khai hội. Phần nghi thức truyền thống: lễ phục hiện lúc 16 giờ, ngày 2-6-2021 xuất phát từ miếu bà, đoàn bắt đầu di chuyển bằng xe lên đỉnh núi thực hiện nghi thức truyền thống theo thông lệ hàng năm và sau đó di chuyển về miếu bà.

Tại miếu bà sẽ biểu diễn lân sư rồng và chương trình sân khấu hóa (20 phút); di kiệu vào chánh điện và thực hiện nghi thức nhập miếu. Các nghi lễ: tắm bà, Thánh sắc thân, Túc yết và Xây chầu, Chánh tế, Hồi sắc vẫn giữ theo nghi thức truyền thống hàng năm, tổ chức trong nội bộ Ban Quản trị Lăng miếu núi Sam và thực hiện các biện pháp phòng dịch theo quy định.

Phương án 3, tổ chức nghi thức truyền thống lễ hội và các hoạt động khác phục vụ lễ hội quy mô dưới 100 người, không tổ chức lễ khai hội. Phần nghi thức truyền thống: lễ Phục hiện lúc 16 giờ, ngày 2-6-2021 sẽ giảm bớt về quy mô và số lượng người tham gia, không thực hiện chương trình sân khấu hóa; di chuyển bằng xe lên đỉnh núi thực hiện nghi thức theo thông lệ hàng năm, sau đó đoàn sẽ di chuyển về miếu bà, di kiệu vào chánh điện và thực hiện nghi thức nhập miếu. Các nghi lễ truyền thống thực hiện theo thông lệ hàng năm, tổ chức trong nội bộ Ban Quản trị Lăng miếu núi Sam và thực hiện các biện pháp phòng dịch theo quy định. Đối với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, thả đèn hoa đăng... tập trung đông người thì tạm dừng, không thực hiện.

Nhìn chung, việc tổ chức thực hành các nghi thức lễ hội truyền thống, các hoạt động hỗ trợ, phục vụ phải đảm bảo an ninh trật tự, vui tươi, lành mạnh, tuân thủ pháp luật, thực hiện nghiêm giải pháp “5K”. Đồng thời, yêu cầu các phòng, ban, ngành y tế cập nhật thường xuyên, theo dõi tình hình dịch bệnh, để kịp thời thông tin đầy đủ, chính xác đến người dân và du khách. Tăng cường tuyên truyền đến nhân dân, du khách thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; các điểm du lịch đều có bảo vệ kiểm tra chặt chẽ việc đeo khẩu trang, xịt sát khuẩn tay cho du khách”- ông Trần Quốc Tuấn cho biết, cho đến thời điểm này, TP Châu Đốc vẫn chưa phát hiện người dân hay du khách bị nhiễm Covid-19 nhưng Châu Đốc không chủ quan lơ là, vẫn yêu cầu các phòng ban, ngành y tế cập



nhật thường xuyên, theo dõi tình hình dịch bệnh, để kịp thời thông tin đầy đủ, chính xác đến người dân và du khách [9].

#### **4. Kết luận**

Lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam là một lễ hội mang bản sắc dân tộc đậm nét, nhưng cũng chứa đựng nhiều màu sắc địa phương Nam Bộ. Đây thực sự là một lễ hội văn hoá dân gian đáp ứng nhu cầu văn hoá xã hội, đời sống tinh thần của nhân dân. Ở đồng bằng sông cửu long đờn ca tài tử là di sản văn hóa phi vật thể được công nhận đầu tiên, cùng với sự cố gắng nỗ lực của ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và bộ văn hóa thể thao và du lịch hy vọng lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam sẽ trở thành di sản văn hóa phi vật thể của nam bộ. Đây chính là thời cơ, là thế mạnh nhưng đi cùng với đó cũng có không ít những thách thức đang tồn tại, cần phải được nhìn nhận rõ để có những biện pháp phát huy, khắc phục và điều chỉnh đúng hướng, nhằm góp phần cùng địa phương và ngành văn hóa triển khai đồng bộ các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của di sản này ngày một hiệu quả hơn.

Hơn thế nữa, những yêu cầu từ các hoạt động tâm linh này đòi hỏi phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp quản lí; của cộng đồng dân cư địa phương; các doanh nghiệp du lịch và du khách trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Những ý kiến đánh giá của du khách khi tham gia hoạt động tâm linh tại miếu Bà Chúa Xứ cho thấy điểm hoạt động tâm linh này còn nhiều vấn đề cần phải được tập trung đầu tư giữ gìn, tu bổ, bảo tồn mới có thể duy trì được lòng tin và sự ngưỡng mộ với du khách khi có ý định tiếp tục tham gia hoạt động này. Vì vậy, việc thực hiện tốt các giải pháp đề xuất nêu trên sẽ góp phần đáng kể đảm bảo duy trì, phát triển bền vững nền văn hóa truyền thống của dân tộc ở điểm tâm linh này nói riêng và cả nước nói chung, phục vụ phát triển du lịch trong hiện tại và tương lai [1].

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. [hanhdiavietnamhoc.com/hoat-dong-tam-linh-o-mieu-ba-chua-xu-nui-sam-an-giang-va-viec-khai-thac-phuc-vu-du-lich](http://hanhdiavietnamhoc.com/hoat-dong-tam-linh-o-mieu-ba-chua-xu-nui-sam-an-giang-va-viec-khai-thac-phuc-vu-du-lich)

[2]. <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/gia-tri-cua-le-hoi-via-ba-chua-xu-nui-sam-phu-hop-cac-tieu-chi-tro-thanh-di-san-van-hoa-phi-vat-the-1491885939>

[3]. <https://verbalearn.com/ngu-van-8/thuyet-minh-ve-mieu-ba-chua-xu-nui-sam/>  
(<https://thamhiemmekong.com/thong-tin-du-lich-mien-tay/mieu-ba-chua-xu-nui-sam-chau-doc-an-giang.html>)

[4]. <https://baotintuc.vn/van-hoa/thanh-lap-ban-quan-ly-khu-du-lich-quoc-gia-nui-sam-20201228181800436.htm>

[5]. <https://www.vietfuntravel.com.vn/blog/ly-ky-su-tich-ve-ba-chua-xu-nui-sam-o-vung-chau-doc-an-giang.html>

[6]. <https://tcdulichtpHCM.vn/le-hoi/nhung-giai-thoai-bi-an-ve-mieu-ba-chua-xu-o-vung-that-son-linh-thieng-c9a16168.html>

[7]. <http://dulichbinhduong.org.vn/du-lich/an-giang-le-hoi-ba-chua-xu/ct>

[8]. <https://angiang.gov.vn/wps/portal/Home/du-lich/chi-tiet-du-lich/!ut/p/z1/tVPJbsIwEL3zFeHA0Ro7NiQcg1SxSIVC2kJ8QYPD4oo4gRq6fH2TiEpFYhES9WHs8>

[9]. <https://angiang.gov.vn/wps/portal/Home/chi-tiet-tin-tuc/le-hoi-via-ba-chua-xu-nui-sam-2021-chi-to-chuc-phan-le-voi-qui-mo-gon-nhe-dam-bao-cong-tac-phong-chong-dich>

# GIẢI PHÁP KHÔI PHỤC NGÀNH NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN HẬU COVID-19

SV: Hà Minh Nhật – Lớp ĐHVNH18A

GVHD: ThS. Trần Thanh Thảo Uyên

## Tóm tắt

Đại dịch Covid-19 đã tác động đến nhiều mặt kinh tế - xã hội trong đó có du lịch trên phạm vi toàn thế giới. Tổ chức Du lịch thế giới (WTTC) đã đưa ra cảnh báo, nếu đại dịch tiếp tục kéo dài thêm vài tháng nữa ngành du lịch sẽ chịu tổn thất rất lớn khi sẽ bị mất tới 100 triệu việc làm và doanh thu bị giảm tới khoảng 2,7 nghìn tỷ USD. Việt Nam là quốc gia cũng chịu ảnh hưởng lớn từ dịch Covid-19, nếu như năm 2019 là năm thành công của du lịch Việt Nam, không chỉ thể hiện ở các con số thống kê về lượng khách, doanh thu mà còn là các danh hiệu mà du lịch Việt Nam đã đạt được. Trong bối cảnh ngành du lịch nói chung và ngành nhà hàng khách sạn nói riêng đã và đang phải đối diện với nhiều khó khăn và thách thức, bài viết tác động của dịch Covid-19 đến ngành nhà hàng khách sạn và đề xuất một số giải pháp để vượt qua khó khăn hiện nay.

**Từ khóa:** dịch Covid-19, tác động của dịch đến du lịch, giải pháp phát triển du lịch sau dịch.

### 1. Đặt vấn đề

Năm 2020 là một năm đầy biến động do dịch Covid-19 đã tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội, trong đó đã tác động mạnh mẽ đến các hoạt động của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VH-TT&DL). Những doanh nghiệp khách sạn nhà hàng cũng đang lo lắng do dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng rất nhiều giảm số lượng khách, việc đóng cửa quá lâu đã làm cơ sở vật chất xuống cấp, công ăn việc làm của nhân viên, đối với các nhà hàng khách sạn thuê mặt bằng thì họ không còn khả năng chi trả họ phải rao bán. Tình hình kinh tế Việt Nam đang khởi sắc trong năm 2021 Việt Nam triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 đã giúp giảm nhanh số ca lây nhiễm và tử vong, đây cũng là tin mừng cho các chủ nhà hàng khách sạn có thể hoạt động trở lại trong thời gian dài phải đóng cửa. Nhưng họ cũng phải suy nghĩ các chiến lược phòng chống dịch theo quy định, vệ sinh lại nhà hàng khách sạn, đào tạo lại các nhân viên và cho nhân viên học tập những kỹ năng phòng chống dịch, áp dụng công nghệ 4.0 trong việc phục vụ khách hàng vừa làm hài lòng khách vừa bảo vệ cho khách hàng.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Tác động của dịch Covid-19 đến ngành nhà hàng, khách sạn

Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã tác động lên ngành du lịch Việt Nam và thế giới trong đó có lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn. Dịch Covid-19 diễn ra vào đúng mùa cao điểm du lịch của khách quốc tế và cũng là mùa du lịch lễ hội, tâm linh của khách nội địa sau dịp nghỉ lễ Tết Nguyên Đán. Vì vậy, du lịch là ngành chịu tác động đầu tiên, kéo dài và chịu thiệt hại nặng nề. Bên cạnh du lịch thì các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú, ăn uống ở Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng, do các tour đi du lịch gần như bị hủy, tỷ lệ đặt phòng ngày một giảm, các dịch vụ đặt chỗ tại nhà hàng cũng bị hủy, hầu như các nhà hàng chỉ bán mang về hoặc đóng cửa. Ngành kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch Covid-19. Trong đó, ngành khách sạn, nhà hàng chính là ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Các lệnh cấm bay, hạn chế đi lại và sự e ngại của du khách do lo sợ ảnh hưởng của đại dịch là những nguyên nhân khiến nhiều khách sạn, nhà hàng tại các điểm du lịch trên phạm vi cả nước trở nên vắng khách. Chính thực trạng này đã đặt ra những thách thức rất lớn làm sao để tìm kiếm cơ hội vực dậy ngành này.

Theo Tổng cục Du lịch, Covid-19 khiến cả năm 2020, du lịch Việt Nam chỉ đón khoảng 3,7 triệu lượt khách quốc tế, giảm hơn 80% so với năm trước, khách nội địa giảm 50%, ngành du lịch thất thu khoảng 23 tỷ USD. Đến nay, 95% doanh nghiệp lữ hành quốc tế đã ngưng hoạt động, công suất sử dụng phòng của nhiều khách sạn ở các thành phố lớn, các khu du lịch chỉ đạt 10-15%, nhiều khách sạn phải đóng cửa. Điều này gây ra cú sốc chưa từng có đối với nhân sự ngành kinh tế xanh, theo các chuyên gia, Việt Nam có khoảng 4,9 triệu lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch, chưa kể các mảng công việc có liên quan. Đến nay, Covid-19 khiến 18%

doanh nghiệp phải cho toàn bộ nhân viên nghỉ việc, 48% công ty cho từ 50 - 80% nhân viên nghỉ việc.

Khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 3/2020 ước tính đạt 449,9 nghìn lượt người - giảm 63,8% so với tháng trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không giảm 62,3%; bằng đường bộ giảm 65,9%; bằng đường biển giảm 83,6%. So với cùng kỳ năm trước, khách quốc tế đến nước ta trong tháng 3 giảm 68,1%, trong đó khách đến bằng đường hàng không giảm 65,7%; bằng đường bộ giảm 77,9% và bằng đường biển giảm 55,2%; khách đến từ châu Á giảm 77,2%; từ châu Âu giảm 27,5%; từ châu Úc giảm 49,9%; từ châu Mỹ giảm 67,9% và từ châu Phi giảm 37,8%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống quý I/2020 ước tính đạt 126,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 11,3%). Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhiều cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn không hoạt động, dẫn đến sụt giảm doanh thu ở các địa phương, trong đó Khánh Hòa giảm 38,2%; TP. Hồ Chí Minh giảm 30,3%; Đà Nẵng giảm 23,7%; Thanh Hóa giảm 20,4%; Hà Nội giảm 20,2%; Cần Thơ giảm 17%; Lâm Đồng giảm 16,8%; Quảng Bình giảm 14,5%; Quảng Ninh giảm 12,4%; Hải Phòng giảm 8,9%.

Theo CBRE (Công ty dịch vụ bất động sản thương mại lớn nhất thế giới) Việt Nam, dịch bệnh bùng phát khiến nhiều kế hoạch du lịch bị trì hoãn và ngành kinh doanh khách sạn vì thế gặp nhiều khó khăn hơn. Doanh thu trên mỗi phòng trong nửa đầu năm tại thị trường Hà Nội và TP. HCM lần lượt giảm khoảng 56% và 64% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu trên mỗi phòng cho cả Việt Nam trong cùng kỳ cũng ghi nhận mức giảm tương tự khoảng 55%. Công suất phòng giảm sút nghiêm trọng trong tháng 4, giai đoạn diễn ra cách ly toàn xã hội, và bắt đầu được cải thiện trong tháng 5 và tháng 6 nhờ vào lượng khách nội địa bắt đầu du lịch trở lại. Theo CBRE nhận định: “Tuy nhiên, đối với thị trường khách sạn cao cấp tại Hà Nội và TP.HCM, do có sự phụ thuộc đáng kể vào nguồn khách quốc tế nên công suất phòng tại hai thị trường này chỉ tăng nhẹ trong khoảng từ 1-1,5 điểm phần trăm mỗi tháng. Sự hồi phục hoàn toàn của ngành dịch vụ lưu trú sẽ còn phải đối mặt với nhiều biến động khó lường và phụ thuộc rất nhiều vào tình hình kiểm soát dịch của thế giới. Du khách nội địa được kỳ vọng sẽ dẫn dắt sự phục hồi của thị trường và bù đắp phần nào sự sụt giảm lượng khách quốc tế trong năm 2020”.

Dịch Covid-19 khiến rất nhiều nhà hàng, khách sạn tại TPHCM kể cả ở Quận 1 đóng cửa không còn hoạt động. Đặc biệt, các khách sạn hạng sang từ 3-4 sao đã khóa cửa, dán thông báo ngưng hoạt động vì ê khách. Trong số những khách sạn đang đóng cửa, ngưng hoạt động thì có nhiều khách sạn phải rao bán do không thể trụ nổi.

Hàng loạt khách sạn đóng cửa ngưng hoạt động, có chỗ thì đang rao bán khiến cho đời sống của người dân gần đó cũng âm ỉ, buồn thiu. Những khách sạn sang trọng giờ đây trở thành nơi buôn bán hàng rong, quán nước vỉa hè, chỗ nghỉ trưa của những người mưu sinh ngoài đường,... Còn đối với những khách sạn còn có thể hoạt động nhưng nhiều nơi chưa thể đạt được công suất 15%, giá cho thuê phòng cũng giảm xuống mức thấp. Thậm chí có khách sạn chỉ mở cửa để đón qua ngày, cố cầm cự cho đến khi khách quốc tế trở lại chứ cả ngày chẳng có khách.

Năm 2022 sẽ là năm thử thách đối với ngành Nhà hàng-Khách sạn-Du lịch. Covid-19 thực sự là “thách thức” của nhân sự ngành khách sạn, làm thay đổi toàn bộ đời sống vật chất tinh thần và cơ hội việc làm của nhiều người.

## **2.2. Đề xuất giải pháp khắc phục những ảnh hưởng dịch bệnh đến ngành nhà hàng, khách sạn hậu Covid – 19**

### **2.2.1. Tuân thủ nghiêm hướng dẫn của cơ quan y tế**

Việc phải hiểu và phải tuân thủ được các quy định có liên quan đến phòng chống dịch Covid-19 thể hiện sự đồng lòng của cơ sở kinh doanh với các chính sách nhà nước, đồng thời thể hiện sự tôn trọng đối với sức khỏe của con người, có được trải nghiệm an toàn của khách hàng.

Đề cập nhật các quy định về phòng chống Covid-19 của chính phủ, các cơ sở kinh doanh du lịch, nhà hàng khách sạn hãy tham khảo những thông tin chính thức tại Trang tin về dịch bệnh viêm đường hô hấp Covid-19 Bộ Y Tế.

### 2.2.2. Duy trì các biện pháp phòng chống dịch trong nhà hàng, khách sạn

Tuy được mở cửa hoạt động trở lại nhưng nhà hàng cần tập trung các biện pháp phòng dịch như:

- Hướng dẫn du khách sử dụng dịch vụ an toàn bằng cách tuân thủ các biện pháp như xịt khử khuẩn trước khi vào nhà hàng, không đi ăn với số lượng người quá đông, không nói chuyện quá gần với mọi người xung quanh và nhân viên nhà hàng.

- Yêu cầu nhân viên nghiêm túc thực hiện phòng dịch như không tụ tập trong khi làm việc, thường xuyên vệ sinh, khử khuẩn, sử dụng các thiết bị phòng dịch do nhà hàng trang bị như kính chắn giọt bắn, khẩu trang, găng tay, côn sát trùng...

- Nhà hàng cần bố trí các bàn ăn xa nhau hơn, quy trình phục vụ cũng cần thay đổi để tránh tiếp xúc nhiều nhất có thể. Bên cạnh đó các dụng cụ ăn uống cũng cần được rửa sạch bằng máy rửa chén công nghiệp và sấy khô để khử khuẩn tốt nhất. Các dụng cụ khách hàng sử dụng cũng cần được lau bằng côn ngay khi khách hàng rời đi, và trước khi tiếp khách mới.

- Đối với khu vực chung của khách sạn

- + Khu vực rửa tay sát khuẩn được thiết lập

- + Quầy rửa tay sát khuẩn được lắp đặt tại cửa ra vào khách sạn, cửa ra vào nhà hàng, cửa ra vào phòng tiệc và nhà vệ sinh

- + Khử khuẩn trong khách sạn

- + Các tay nắm, cánh cửa, nút bấm thang máy, cửa nhà vệ sinh... đều được thường xuyên khử khuẩn trong ngày.

- + Dịch khử khuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế có tác dụng trong vòng 1 giờ.

- + Máy đo thân nhiệt được thiết lập tại cửa ra vào

- + Chúng tôi kiểm tra thân nhiệt của du khách trước khi vào khách sạn và các khu vực như phòng tiệc, nhà hàng.

- + Hệ thống thông gió tại phòng tiệc

- + Hệ thống thông gió được kích hoạt tại phòng tiệc sau mỗi sự kiện của Quý khách

Riêng đối với nhà hàng trong khách sạn được phép hoạt động để phục vụ cho khách đang lưu trú tại khách sạn. Đồng thời, phải bố trí chỗ ngồi thông thoáng, bảo đảm khoảng cách giữa 2 người từ 2m trở lên, không phục vụ quá 10 người cùng một thời điểm và thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định của cơ quan y tế.

### 2.2.3. Thay đổi đồng phục khách sạn, nhà hàng

Mặc dù Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển của ngành kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng. Covid-19 cũng là một thời điểm thích hợp để các doanh nghiệp có thể nhìn nhận lại mô hình kinh doanh của mình,... Hay nói cách khác đây là lúc mà họ có thời gian để tái cơ cấu kinh doanh, cải cách bộ máy nhân viên, xem xét tình hình hoạt động trong thời gian vừa qua. Trong đó, việc thay đổi về hình ảnh thương hiệu bên ngoài bằng cách chuẩn bị cho đội ngũ nhân viên của mình những bộ đồng phục khách sạn với kiểu dáng thiết kế mới mẽ đảm bảo an toàn của dịch covid-19 là cách làm thiết thực. Có thể thấy đây là một cách thức để các doanh nghiệp thể hiện sự chuyên nghiệp của mình, đổi mới hình ảnh, cách thức phục vụ cũng là một cách để thu hút du khách.

### 2.2.4. Chuyển đổi hóa số công nghệ “hậu Covid-19” học tập, áp dụng các công nghệ.

Giao dịch thương mại điện tử trở nên phổ biến hơn do ảnh hưởng của giãn cách xã hội và hạn chế tiếp xúc. Khách hàng dần quen với mua sắm trực tuyến và gọi món về dùng bữa tại nhà. Các doanh nghiệp nhà hàng khách sạn cần đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số, áp dụng các phần mềm quản lý và bán hàng từ xa để luôn sẵn sàng cho hoạt động đặt món đặt phòng online của khách hàng. Khuyến khích khách hàng thanh toán online thay vì tiền mặt để hạn chế tiếp xúc người với người.

Công tác đào tạo nhân viên làm quen và thích nghi với các công cụ, phần mềm, quy trình bán hàng từ xa là vô cùng thiết yếu và cấp bách để duy trì chất lượng phục vụ với khách hàng ngay khi quán hoạt động trở lại. Ngoài ra việc áp dụng công nghệ bằng điện thoại hoặc là iPad trong phục vụ như nhân viên phục vụ menu từ khách đến nhân viên phục vụ đến nhà bếp điều

được giữ khoảng cách và cũng như không tiếp xúc gần, nhằm đảm bảo được chất lượng dịch vụ phục vụ của nhân viên đến khách và đảm bảo được trong việc phòng chống dịch.

Đối với khách sạn, nhiều cơ sở lưu trú thực hiện "self check-in" hay check-in không tiếp xúc, nhằm bảo đảm an toàn cho cả khách hàng lẫn nhân viên. Tuy nhiên, việc mang lại một trải nghiệm gần gũi và ấm áp với khách lưu trú vẫn hết sức quan trọng, giúp họ có cảm giác được quan tâm, chăm sóc và có kỳ nghỉ thoải mái như ở nhà. Tuy mong muốn duy trì các biện pháp đảm bảo an toàn, song du khách không muốn chịu cảm giác như người lạ hay không được chào đón.

Để tiếp tục đề cao sự an toàn nhưng vẫn chủ động trợ giúp du khách, các điểm lưu trú có thể gửi tới khách những lá thư viết tay, những món quà nho nhỏ hoặc hoa quả chào đón. Những kiến thức hữu ích về địa phương hay lời thăm hỏi ân cần bằng thư viết tay và được gửi riêng đến từng vị khách, chắc chắn sẽ để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp.

#### 2.2.5. *Lên kế hoạch, đưa các chương trình thu hút khách hàng sau dịch*

Sau những ảnh hưởng mà dịch Covid-19 gây ra, các doanh nghiệp cần xem xét vị trí cơ sở của mình; đa dạng hoá các hoạt động marketing để thu hút khách hàng. Cung cấp nhiều sự lựa chọn như các dịch vụ đi kèm, gói ưu đãi cho những khách hàng cũ khi họ đặt phòng. Các tập đoàn lớn cũng cần xem xét thị trường nguồn khách, cũng như tình hình kinh doanh. Tổ chức các cuộc khảo sát trên thị trường để nắm bắt thị hiếu của khách hàng, nhất là ở thời điểm sau dịch. Dịch bệnh qua đi nhưng những thiệt hại vẫn sẽ còn. Đây có lẽ sẽ là tình hình khó khăn cho các chủ khách sạn, vì điều kiện về kinh tế và cơ sở vật chất vẫn chưa thực sự hồi phục. Tuy nhiên, biết nắm bắt thời cơ, xây dựng kế hoạch, đường đi cụ thể trong mùa dịch sẽ giúp việc kinh doanh nhà hàng- khách sạn nói chung và tại Việt Nam nói riêng, sau dịch sẽ thuận lợi và tiến triển nhanh hơn, tránh được những rủi ro sau này.

Để khắc phục, trong những năm tới, hoạt động kích cầu cần bảo đảm thời gian đủ dài và quy mô đủ lớn. Cần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, bổ sung thêm những giá trị mới nhằm kích thích nhu cầu ngoài yếu tố giảm giá. Cần có sự liên kết chặt chẽ của tất cả các bên, từ cơ quan quản lý tại địa phương, cơ sở cung cấp dịch vụ tại điểm đến, phương tiện vận chuyển cho đến công ty lữ hành, cơ quan thông tấn báo chí.

#### 2.2.6. *Đầu tư, đổi mới phát triển cơ sở vật chất*

- Các doanh nghiệp cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, đổi mới sáng tạo các sản phẩm dịch vụ mới mẻ của doanh nghiệp, nhằm để thu hút khách hàng quay trở lại sau dịch, khiến khách có được sự trải nghiệm thoải mái tối đa nhất.

- Bổ sung, phát triển, nâng cấp trang thiết bị, đa dạng hóa sản phẩm du lịch đồng thời có chính sách khuyến mãi, giảm giá, phí dịch vụ xuống từ 30-40% để có thể thu hút khách hiệu quả hơn.

- Thay đổi cơ cấu mô hình doanh nghiệp. Chính trang, sửa chữa sáng tạo những không gian phòng ốc mới mẻ, hấp dẫn, khác lạ để thu hút nhiều đối tượng khách hàng.

#### 2.2.7. *Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước*

- Nhà nước cần có những chính sách miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp trong ngành du lịch như miễn thuế giá trị gia tăng cho tiêu dùng du lịch và các doanh nghiệp dịch vụ cơ sở lưu trú, giảm chi phí môi trường cho các doanh nghiệp, giảm thuế khoán đối với các hộ kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn cá thể, áp dụng mức giá điện theo đơn giá điện sản xuất cho các cơ sở kinh doanh nhà hàng, dịch vụ lưu trú du lịch thay vì áp dụng mức giá dịch vụ.

- Đề xuất ban hành và triển khai kịp thời các giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính, tín dụng (hỗ trợ tài chính, cho vay ưu đãi, giãn nợ, khoan nợ...), chính sách hỗ trợ việc làm và đào tạo nhân lực để hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh du lịch, những khó khăn, bất lợi đã được đưa ra để từ đó nhằm tìm giải pháp "phục hồi" cho ngành dịch vụ

- Nhà nước cần quan tâm miễn, giảm về các loại thuế, phí thuế mặt bằng, tiền đóng bảo hiểm xã hội, phí công đoàn, bến bãi đến khi hết dịch Covid-19. Đồng thời, chính quyền địa phương cần triển khai nhanh các gói hỗ trợ của Chính phủ, các gói tín dụng ưu đãi và hỗ trợ cho hàng nghìn nhân viên trực tiếp hoạt động ngành du lịch nhà hàng khách sạn bị thất nghiệp.

- Nhà nước giãn nợ vay cho doanh nghiệp sang năm 2022, miễn, hoãn nộp thuế VAT, thuế nhập khẩu đối với thiết bị máy móc chế biến nông sản, kho lạnh trữ nông sản, miễn thuế tiền mặt bằng ít nhất 6 tháng.

### **3. Kết luận**

Đây là lần đầu tiên chúng ta thấy đại dịch toàn cầu với quy mô chưa từng có như Covid-19. Tuy nhiên, đây không phải là dấu chấm hết cho các ngành bị ảnh hưởng. Thế giới sẽ phục hồi sau đại dịch Covid-19 như sau mỗi thảm họa lớn bằng sự chung tay góp sức của cộng đồng. Tuân thủ các giải pháp và các chỉ đạo của nhà nước là điều cần thiết và cấp bách cho các doanh nghiệp trong ngành du lịch trong giai đoạn hiện nay, ngoài ra việc áp dụng các tiến bộ của cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0 cũng là giải pháp cần được áp dụng triệt để, bên cạnh đó toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghệ 4.0 đòi hỏi phải ứng dụng nhiều giải pháp mới và cần có sự nghiên cứu, chuẩn bị kỹ càng.

Duy trì tốt công tác phòng, chống dịch để giữ gìn điểm đến an toàn, triển khai giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, khôi phục hoạt động kinh doanh, chuẩn bị sẵn kế hoạch kích cầu du lịch theo từng giai đoạn, tổ chức các sự kiện kích cầu du lịch, sự kiện văn hóa du lịch quy mô lớn, tổ chức thí điểm hoạt động phục vụ phát triển kinh tế ban đêm thu hút khách, chuẩn bị các sản phẩm du lịch mới, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động du lịch, đổi mới công tác xúc tiến, quảng bá, mở rộng liên kết, hợp tác phát triển. Nếu áp dụng tốt các giải pháp trên cùng với nhà nước phối hợp chặt chẽ, thì tôi tin chắc rằng ngành nhà hàng-khách sạn không bao lâu sẽ vực dậy, phát triển mạnh mẽ./.

### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Công thông tin điện tử Bộ Y tế, 2020. Trang tin về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19, <https://ncov.moh.gov.vn/>

[2]. Công thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 2020. Tác động của dịch bệnh covid-19 đối với một số lĩnh vực xã hội, <http://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx>

[3]. Công ty BEAN Survey, 2020. Báo cáo về dịch bệnh COVID-19, <https://beansurvey.vn/Docebo>

[4]. Khách sạn sẽ ra sao hậu Covid-19, <https://vnexpress.net/khach-san-se-ra-sao-hau-covid-19/>

[5]. Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2020. Ứng phó COVID-19 và phục hồi hoạt động du lịch, <http://vietnamtourism.gov.vn>

[6]. Tổng Cục thống kê Việt Nam, 2020. Thông cáo báo chí tình hình kinh tế – xã hội quý III và 9 tháng năm 2020 , <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/09/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2020/>

[7]. Tóm tắt báo cáo Khảo sát ngành Dịch vụ Khách sạn năm 2018 , [https://www.grantthornton.com.vn/globalassets/1.-member-firms/vietnam/media/hotel-survey-2018-executive-summary\\_vie.pdf](https://www.grantthornton.com.vn/globalassets/1.-member-firms/vietnam/media/hotel-survey-2018-executive-summary_vie.pdf)

# PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ DỆT CHIẾU ĐỊNH YÊN

SV: Nguyễn Thị Cẩm Hương – Lớp ĐHVNH20A

GVHD: ThS. Lê Thị Thanh Yến

## Tóm tắt

Làng nghề dệt chiếu Định Yên không chỉ tạo ra được nhiều sản phẩm chiếu đa dạng phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong tỉnh và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần mang lại thu nhập ổn định cho người dân ở hai xã Định An và Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp mà còn có nhiều điều kiện và các tiềm năng để phát triển du lịch. Tuy nhiên, làng nghề hiện nay lại chưa phát huy hết tiềm năng vốn có, việc gắn kết để phát triển du lịch và quảng bá hình ảnh của làng nghề lại chưa được khai thác hiệu quả. Phạm vi bài viết phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển du lịch tại làng nghề dệt chiếu Định Yên.

**Từ khóa:** Định Yên, dệt chiếu, chợ ma, làng nghề dệt chiếu, du lịch làng chiếu Định Yên.

## 1. Đặt vấn đề

Đồng Tháp vốn hấp dẫn du khách bởi cảnh vật hữu tình nên thơ, cùng với phẩm chất của con người ở đây, đó là nét bình dị mà thật thà chất phác, yêu thương mọi người với nhau. Khi đến với Đồng Tháp, ngoài việc đến tham quan, chiêm ngưỡng những nét đẹp của làng nghề, cảm nhận nét đẹp tâm hồn của con người nơi đây, du khách còn có thể mua sắm tại các làng nghề truyền thống như làng dệt chiếu Định Yên, làng nem Lai Vung,... Làng nghề không chỉ là nơi sản xuất ra sản phẩm mà còn là nơi lưu giữ những nét đẹp tinh hoa văn hóa bản địa từ đời này sang đời khác. Những sản phẩm của làng nghề không chỉ được phục vụ cho cuộc sống hằng ngày của người dân mà còn góp phần phục vụ phát triển du lịch hiệu quả.

Làng chiếu Định Yên nằm ở xã Định Yên, thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, nằm nép mình bên bờ sông Hậu êm ả, ngăn cách đôi bờ Đồng Tháp – Cần Thơ. Làng nghề đã có hơn 100 năm tuổi, hiện nay không còn buôn bán ở các buổi “chợ ma” như trước nữa, mà chủ yếu bán cho các chợ ban ngày và bán cho khách tới tham quan. Trong quá trình phát triển xã hội làng dệt chiếu Định Yên đã trở thành một điểm du lịch thu hút được nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan, học hỏi. Tuy nhiên trong thời gian qua, làng nghề phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng phát triển của làng nghề, đưa ra các định hướng và giải pháp phát triển làng nghề sao cho làng chiếu Định Yên thực sự là điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước, để du lịch làng nghề thực sự phát huy tiềm năng và hiệu quả, đóng góp ngày một bền vững hơn cho mục tiêu phát triển du lịch cũng như phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn các giá trị văn hóa, góp phần khẳng định vai trò trong phát triển du lịch là một nghiên cứu thiết thực.

## 2. Nội dung

### 2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của làng nghề

Làng dệt chiếu Định Yên là làng nghề thủ công truyền thống có từ rất lâu đời. Những người dân làng nghề ở đây cũng không biết làng nghề được hình thành từ thời điểm nào và cũng không biết cụ thể của nghề là ai, chỉ biết rằng nguồn gốc của làng nghề là từ Bắc Bộ du nhập vào miền Nam. Khi xưa, vùng đất này có nhiều cồn, bãi bồi phát triển tốt cho cây lác và cây bô, loại nguyên liệu chính dùng cho nghề dệt chiếu. Chiếu Định Yên có chất lượng tốt, giá thành lại vừa phải nên đã được nhiều thương nhân mua và đem bán ở khắp nơi. Thời kỳ mà làng chiếu phát triển hưng thịnh nhất là vào khoảng những năm 80 của thế kỉ XX. Thời đó chiếu Định Yên được xuất khẩu sang các nước Đông Âu, Campuchia, Thái Lan, Liên Xô... được người tiêu dùng nước ngoài ưa chuộng. Chính nhờ sự hưng thịnh đó mà các phiên chợ mua bán chiếu đã xuất hiện và chiếu được tồn tại đến ngày nay.

Trước đây, làng chiếu Định Yên diễn ra các phiên chợ bên bến sông, bởi chỉ họp vào ban đêm nên người dân nơi đây gọi là “chợ ma” hay “chợ âm phủ”. Trong ánh sáng lung linh, mờ ảo của những ngọn đèn chong leo lét, thuyền ghe thương hồ cắm sào đậu san sát dưới bến sông. Sở dĩ chợ chiếu thường nhóm họp vào ban đêm là do ban ngày bà con bận việc đồng áng hoặc miệt mài dệt chiếu nên đến tối mới rảnh rỗi và có chiếu bán. Thương thuyền ghe lái cũng ban ngày buôn bán nơi khác, tối về buông sào neo lại để mua. Thời gian hoạt động của chợ chủ

yếu là những người buôn bán chiếu hện nhau vào lúc 24h hay trễ nhất là tầm 4h sáng để diễn ra phiên chợ. Ngày nay, thương lái không lấy hàng vào ban đêm nữa, do đường đi thuận lợi, phương tiện vận chuyển cũng hiện đại hơn. Nhưng những ký ức đẹp về cuộc sống của phiên chợ đêm này vẫn được kể cho thế hệ con cháu về sau.

Trải qua nhiều thăng trầm biến đổi hơn một trăm năm truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho đến ngày nay nghề dệt chiếu đã trở thành một làng nghề truyền thống tại làng Định Yên và làng chiếu Định Yên cũng đã được định danh trên bản đồ văn hóa miền châu thổ Cửu Long. Đến năm 2013, làng chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Làng nghề dệt chiếu Định Yên nằm chủ yếu ở hai xã Định An và Định Yên, các hộ dệt tập trung nhiều nhất ở xã Định Yên với hơn 70% số dân, được tập trung ở các ấp: An Khương, An Lợi A, An Lợi B, An Bình. Ngày trước, người dân thường dệt chiếu bằng tay, thì ngày nay cùng với sự phát triển của xã hội và để làm tăng năng suất sản phẩm, từ đó công cụ dệt chiếu thủ công, thô sơ đã được thay bằng những chiếc máy dệt công nghiệp hiện đại giúp tiết kiệm được thời công sức của người dệt đem lại hiệu quả cao hơn. Sản lượng của nghề làm ra với mỗi năm khoảng chín trăm đến một triệu chiếc.

Không chỉ đơn thuần là một làng nghề đem lại công ăn việc làm cho người dân để mưu sinh cuộc sống hằng ngày và còn là nơi để mọi người đến để học hỏi những điều hay lẽ phải. Mà đối với con người ở Định Yên đây là một cái gì đó nó đã ăn sâu vào trong con người của họ, là một giá trị không thể phai mờ theo thời gian cần gìn giữ suốt bao thế hệ sau.

## **2.2. Thực trạng phát triển du lịch của làng nghề**

### **2.2.1. Tình hình phát triển sản xuất của làng nghề dệt chiếu Định Yên**

Làng nghề dệt chiếu Định Yên đã giải quyết được lượng lao động nhàn rỗi ở địa phương, tăng thu nhập cho gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo cho địa phương. Ngày nay, bên cạnh những khung dệt thủ công, làng chiếu còn đầu tư thêm máy móc hiện đại giúp tăng năng suất làm ra sản phẩm. Khi được phỏng vấn, bà Trần Thị Cẩm, Phó trưởng phòng Kinh tế hạ tầng huyện Lập Vò cho biết: “*làng chiếu hiện nay có khoảng 620 máy dệt chiếu, 62 máy may bìa chiếu, 2 máy xe chỉ và 2 máy làm bóng sản phẩm với hơn bốn trăm hộ gia đình sinh sống bằng nghề dệt chiếu*” [4]. Hằng năm số lượng chiếu cung cấp ra thị trường khá lớn và thu về tổng doanh thu hơn 80 tỉ, tạo điều kiện phát triển ổn định lâu dài cho các hộ dân sản xuất, buôn bán, cũng như phục vụ cho việc tham quan du lịch [4]. Ngoài việc sản xuất theo hộ gia đình thì làng chiếu Định Yên còn thành lập hợp tác xã để tiêu thụ sản phẩm đồng thời giúp cho những lao động nhàn rỗi tại địa phương và những nơi lân cận có phần thu nhập ổn định hơn.

Nghề làm chiếu không quá khó nhưng lại khá là vất vả vì phải trải qua nhiều công đoạn. Đầu tiên là việc cắt lát người thợ sẽ chọn những cây lát thật già, lựa chọn những cây lát có chiều dài phù hợp với tấm chiếu. Tiếp theo là nấu nước nhuộm từ phẩm màu, sau đó cho lát vào nhuộm, màu nhuộm không được quá đậm hay quá nhạt. Sau đó là công đoạn phơi lát cho khô rồi mới đưa vào dệt. Hồi trước, sử dụng máy dệt bằng tay thì cần đến tận hai người làm, một người cầm cây dệt để dệt và một người cầm cây chùi để cho lát vào khung. Động tác khi dệt phải chắc tay, dứt khoát, đủ lực để đẩy cọng lát vào đúng hàng tránh để chúng chồng lên nhau. Được biết chiếu Định Yên nổi tiếng là nhờ vào độ dày, độ bền, nằm vừa êm mà lại còn thoáng mát, giá thành lại phải chăng không quá mắc nên được nhiều người đến mua. Một ngày làm chăm chỉ thợ chiếu có thể dệt được từ 2 – 3 đôi, tùy theo loại chiếu, chiếu trắng hay chiếu màu và độ dày hay mỏng, giá bán từ 120.000 – 180.000 đồng/đôi, mỗi tháng một người thu nhập từ 2,2 – 2,5 triệu đồng.

Giờ đây, làng chiếu Định Yên, cảnh người ngồi đan chiếu không còn nhiều, thay vào đó là máy móc, công nghệ tiên tiến. Số lượng chiếu làm ra ngày một nhiều, sản phẩm mẫu mã đẹp, chất lượng so với dệt truyền thống không thua kém là mấy. Nhờ cơ giới hóa nên thu nhập của người dệt chiếu tăng lên đáng kể. Trung bình 1 người làm được 10 chiếc chiếu/ngày, thu nhập từ 130.000 – 150.000 đồng/ngày, mỗi tháng một người thu nhập từ 4 – 4,5 triệu đồng. Ngày thường là thế nhưng đến độ dịp Tết thì những người thợ phải tất bật làm từ sáng sớm đến tận tối khuya để có đủ lượng hàng giao cho khách bán vào dịp Tết, vào những ngày này thì một



ngày họ dệt lên đến tận 20 chiếc mỗi ngày đó là số lượng gấp đôi so với ngày thường. Giá của những chiếc chiếu cũng tăng theo giá của quần áo, bánh kẹo ngày Tết, tầm khoảng 150.000 – 200.000 đồng/ đôi, đem lại thu nhập khá khá cho người dân có chi phí để lo cho Tết được tươm tất hơn.

Theo thống kê thì có đến 2/3 gia đình ở làng chiếu Định Yên theo nghề làm chiếu. Mỗi gia đình ít nhất có một máy làm chiếu, nhà nào sản xuất lớn thì có tới mười mấy máy. Ngoài những hộ dệt truyền thống bằng khung dệt, tại làng chiếu Định Yên đã thành lập được một hợp tác xã và ba tổ hợp sản xuất, tiêu thụ chiếu, thu hút gần chục nghìn lao động nhân rỗi ở địa phương và những vùng lân cận có việc làm cho thu nhập ổn định [5].

### *2.2.2. Thực trạng phát triển du lịch tại làng nghề dệt chiếu Định Yên*

Hiện nay, ngôi “chợ ma” không còn tồn tại nữa, nhưng tỉnh Đồng Tháp đã có chủ trương tái hiện lại “chợ ma” như một cách lưu giữ và quảng bá đến du khách tham quan một nét văn hóa đặc trưng của địa phương. Bên cạnh đến thăm làng chiếu, du khách sẽ được đến với đình Định Yên để tham quan. Đình được xây dựng vào năm 1909 tại ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò để ghi nhớ công ơn ông Phạm Văn An, người đầu tiên khai hoang lập ấp nơi đây. Đình được lợp ngói đại ống, các kỳ, kèo, cột được chạm trổ hoa văn đầu rồng, lân lộng lẫy, bắt mắt. Đến đây, du khách sẽ rất ngạc nhiên khi được chiêm ngưỡng các câu đối, cân liễn, bao lam sơn son thếp vàng rực rỡ, cẩn ốc xà cừ, chạm hoá long, lưỡng sen, mẫu đơn và các bức tranh sơn thủy ca ngợi đất nước và con người, tất cả đều được làm rất cầu kì, tinh xảo. Mỗi năm hai lần vào các ngày 16, 17 tháng 4 và 15, 16 tháng 11 âm lịch, tại Đình diễn ra lễ cúng đình rất long trọng để tưởng nhớ ông Phạm Văn An và những người có công khai hoang, lập nên làng xã. Nếu đến thăm đình Định Yên vào đúng dịp này, du khách sẽ được chứng kiến đầy đủ những nghi thức truyền thống của một hội cúng đình như: Đội kỵ mã, đội lân, đội lính hầu, học trò lễ, chiêng, trống, nhạc, lễ ... rất đặc trưng của người dân miền sông nước bao đời nay.

Du lịch làng chiếu Định Yên, du khách sẽ thấy ai ai cũng đều thuận thực công việc dệt chiếu, từ người già đến những em nhỏ. Mặc dù đã trải qua nhiều thăng trầm, nhưng những con người làng Định Yên, trên nét mặt lao động của họ vẫn luôn tự hào về nghề truyền thống của cha ông. Đến nơi đây du khách không chỉ tận mắt chiêm ngưỡng được công đoạn nhuộm lác, phơi lác cho khô, công đoạn dệt chiếu, mà du khách có thể tham gia vào những công đoạn làm chiếu, để có thể hiểu thêm về cách làm ra một chiếc chiếu của người dân bản địa. Đó cũng chính là hình thức quảng bá về chiếc chiếu đến với mỗi du khách. Nhằm tạo điều kiện để du khách có thể lưu trú và có thể hiểu hơn về làng nghề dệt chiếu Định Yên thì ông Huỳnh Phú Dũng, ấp An Cư, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã thành lập du lịch homestay tại gia đình. Ngôi nhà gỗ được xây dựng 100 năm vẫn còn lưu giữ được nét độc đáo riêng của ngôi nhà Nam Bộ xưa. Ông đã mở rộng diện tích ở phía sau nhà mình để đặt thêm giường ngủ, xây dựng nhà vệ sinh, đồng thời ông còn cải tạo vườn xoài để du khách có thể trải nghiệm. Nơi đây có thể phục vụ tận 30 khách lưu trú, ông còn bố trí hai khung dệt chiếu bằng tay cùng với các nguyên liệu để cho du khách có thể tham quan và trải nghiệm ở homestay gia đình. Bên cạnh đó xã Định Yên còn trang bị những chiếc xe điện để cho du khách có thể dễ dàng di chuyển từ nơi này sang nơi khác để tham quan làng chiếu. Cùng với đó là việc xây dựng những nhà hàng, khách sạn để cho những du khách có thể ở lại để tham quan cảnh tái hiện chợ chiếu lúc đêm tối. Du khách khi đến đây sẽ thưởng thức những món ăn ngon như lẩu cá lau kiếng hay món gỏi lá sen, cá lóc nướng...

### *2.3. Giải pháp phát triển hoạt động du lịch tại làng nghề dệt chiếu Định Yên*

#### *2.3.1. Nhóm giải pháp phát triển làng nghề*

Hiện nay, làng nghề đang đối mặt với việc cạnh tranh sản phẩm trên thị trường, hầu như các cơ sở sản xuất trong làng là các hộ gia đình, quy mô nhỏ lẻ, ít kinh nghiệm về quản lý sản xuất. Mặt khác, còn một số vấn đề như ô nhiễm môi trường, thiếu lao động.... Bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất chưa có sự liên kết với các nơi mình cần bán sản phẩm hay đến các khu du lịch nổi tiếng. Cùng với đó là cách quảng bá chưa hấp dẫn, mẫu mã không đa dạng, làm cho các hộ sản xuất khó tiếp cận với đầu ra của sản phẩm. Để phát triển làng nghề một cách bền vững, lâu dài thì cần có biện pháp kịp thời như:

- Nhà nước cần thực hiện công tác thông tin kịp thời đến người dân về các chính sách hỗ trợ cho dân, sử dụng tốt việc lồng ghép các nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp một cách tốt nhất cho việc phát triển làng nghề. Các xã phường liên kết với nhau trong việc trao đổi buôn bán sản phẩm, đẩy mạnh việc áp dụng các trang thương mại điện tử để quảng bá sản phẩm của làng nghề.

- Tuyên truyền, giáo dục cho người dân biết được tầm quan trọng của việc kế thừa và phát triển nghề truyền thống, đó là nhiệm vụ cốt lõi nhất trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống của ông cha ta. Đồng thời, các thanh thiếu niên hiện nay không còn hứng thú với những nghề lao động chân tay thô sơ mà chỉ muốn làm công việc nhẹ nhàng, lương cao thì cần phải cho họ hiểu biết nhiều hơn về ý nghĩa cũng như nét đẹp riêng của làng nghề.

- Mở ra các lớp dạy các công đoạn căn bản của nghề cũng như những công đoạn phức tạp của nghề, chia sẻ những kinh nghiệm về cách làm ra sản phẩm. Lao động ở các làng nghề đa phần truyền từ các nghệ nhân lớn tuổi nên chưa có sự hội nhập cao, thế nên càng phải mở thật nhiều lớp dạy về thiết kế, sử dụng công nghệ hiện đại, kĩ năng bán hàng chuyên nghiệp.

- Đa dạng các sản phẩm với mẫu mã trên những sản phẩm khác nhau để thu hút được nhiều khách. Để làm ra những sản phẩm đa dạng đó thì các nghệ nhân phải thường xuyên học hỏi, trao đổi kinh nghiệm thêm, đổi mới quá trình sản xuất, sáng tạo ra nhiều mẫu mã đẹp có ý nghĩa mang đến sự may mắn, hạnh phúc.

- Hoạt động sản xuất phát triển làng nghề thì cần phải đi đôi với việc bảo vệ môi trường xung quanh làng nghề. Không gian thoáng đãng, môi trường trong lành sẽ làm cho con người thoải mái, dễ chịu, phục hồi sức khỏe, từ đó giúp tăng năng suất lao động, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

### 2.3.2. Nhóm giải pháp phát triển du lịch làng nghề

Ngày nay kinh tế phát triển đã dẫn đến sự đòi hỏi cao về nhu cầu về chất lượng, giá trị, tính bền, chắc của sản phẩm. Bên cạnh đó nhu cầu về du lịch để tham quan tìm hiểu những làng nghề thủ công cũng đang dần phát triển, mang lại nguồn lợi kinh tế cao cho người dân nói riêng và cho đất nước nói chung. Để phát triển bền vững một làng nghề thủ công nào đó thì chúng ta cần phải xác định được mối quan hệ của chúng với đầu ra của thị trường, bảo tồn khu du lịch, quảng bá như thế nào cho khách nước ngoài biết đến, gìn giữ và phát triển văn hóa truyền thống. Vì vậy cần phải có những giải pháp kịp thời để phát triển. Tôi xin đề xuất các giải pháp sau:

- Nhà nước cần tăng cường quản lí các hoạt động kinh doanh tại làng nghề. Đồng thời cũng phải kiểm tra chất lượng của sản phẩm định kì để không có những sản phẩm kém chất lượng bán ra thị trường, quảng bá cho nhiều người biết về làng nghề bởi những tính độc đáo của sản phẩm cũng như việc khẳng định giá trị của sản phẩm trên thị trường một cách tốt nhất.

- Du lịch tại làng nghề cần tổ chức các hoạt động thực tế cho du khách trải nghiệm khi đến tham quan làng nghề. Tổ chức cho du khách nhuộm màu lác, dệt chiếu, phơi chiếu hay tạo ra các cuộc thi giải trí, dựng lại các phiên chợ ma ngày xưa để cho du khách ấn tượng hơn khi về họ sẽ nhớ mãi những kỉ niệm khó quên ấy. Ngoài ra cần phải kết nối với các công ty du lịch thực hiện các tour du lịch với thời gian phù hợp để cho du khách đủ thời gian học hỏi.

- Cần có những quy định nghiêm về vấn đề vứt rác bừa bãi tại các làng nghề sau những chuyến vui chơi tìm hiểu nghề kết thúc, cùng với đó là xây dựng hệ thống xử lí rác đúng quy định tránh ô nhiễm môi trường.

- Cần có sự công bằng về quyền lợi của các bên như người dân sản xuất sản phẩm, hướng dẫn viên, chủ các nhà hàng khách sạn, phương tiện đi lại...trong quá trình phát triển du lịch làng nghề. Người dân địa phương sẽ được hưởng những quyền lợi chính đáng mà họ đương nhiên có được, vì họ là người lưu giữ làng nghề qua bao đời nay. Đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và đào tạo cho các lớp trẻ biết được về làng nghề mà họ đã tôn trọng, trân quý, gìn giữ qua bao năm, đó là một di sản phi vật thể của quốc gia nói chung và giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc nói riêng.

### 3. Kết luận

Làng chiếu Định Yên đã và đang trong giai đoạn phát triển mới trong nền kinh tế thị trường phát triển một cách chóng mặt như ngày nay. Du lịch tại làng nghề đã gặt hái được thành quả

kinh tế khá tốt, không chỉ tạo ra công ăn việc làm cho những người dân nhàn rỗi mà còn làm tăng thu nhập cho người dân tại làng nghề. Tuy có những lúc thăng trầm, vất vả, khó khăn trăm bề nhưng trong lòng của người dân tại đây với truyền thống cha truyền con nối vẫn một lòng sắt son với nghề dệt chiếu tại Đình Yên trở thành một làng nghề truyền thống tồn tại và phát triển ngày nay. Vì vậy để phát triển du lịch làng nghề thì đòi hỏi phải có sự hiểu biết sâu rộng của dân địa phương về làng nghề và đồng thời phải kết hợp với các cơ quan cũng như công ty lữ hành để có những buổi trải nghiệm, buôn bán sản phẩm du lịch một cách bền vững hơn./.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Bùi Văn Vượng (2002), *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa – thông tin.

[2]. Lê Anh (2017), *Làng chiếu Đình Yên Đông Tháp*, tạp chí Heritage.

[3]. Phạm Côn Sơn (2004), *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Thị Bình An, *Về Đông Tháp ghé làng chiếu Đình Yên*, Tạp chí điện tử, Tạp chí Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh, <https://tcdulichthphcm.vn/du-khao/ve-dong-thap-ghe-lang-chieu-dinh-yen-c14a7150.html>.

[5]. Hoàng Thám, *Về thăm làng chiếu Đình Yên*, Báo Đắk Lắk điện tử. Truy cập từ <http://www.baodaklak.vn/channel/9803/201904/ve-tham-lang-chieu-dinh-yen-5629749/>.

# VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA NHÂN VIÊN LỄ TÂN KHÁCH SẠN HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

SV: Huỳnh Ngọc Thủy Tiên,

SV: Trần Nhật Trường – Lớp ĐHVNH18A

GVHD: ThS. Trần Thanh Thảo Uyên

## Tóm tắt

*Trong lĩnh vực kinh doanh nói chung và kinh doanh khách sạn nói riêng được xem là chiều khách, làm hài lòng khách hàng, trong đó yếu tố văn hóa giao tiếp là yêu cầu tối thiểu và cần thiết nhất là đối với nhân viên lễ tân, ngoài các kỹ năng như sử dụng phần mềm quản lý khách sạn, kỹ năng linh hoạt và bình tĩnh trong mọi tình huống, lễ tân sẽ phải thường xuyên giao tiếp với khách hàng ngay từ khi khách đến lưu trú tại khách sạn đến khi họ ra về. Vì vậy lễ tân cần có văn hóa giao tiếp đúng đắn, mỗi nhân viên lễ tân được xem như là “bộ mặt” là hình ảnh của mỗi khách sạn. Văn hóa giao tiếp của nhân viên lễ tân rất quan trọng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của khách sạn, để lại ấn tượng đẹp trong mắt du khách.*

**Từ khóa:** giao tiếp, văn hóa giao tiếp, nhân viên lễ tân khách sạn

### 1. Mở đầu

Văn hóa thể hiện các hoạt động của con người để xây dựng môi trường sống nhân văn đối với cuộc sống bên ngoài đồng thời biểu hiện các hoạt động của con người để xây dựng chính nó. Có thể nói rằng văn hóa là sự rèn luyện con người để biến những cái xấu thành cái đẹp, cái chưa tốt thành cái tốt hơn, những điểm yếu trở thành điểm mạnh, biến con người trở nên thanh lịch và hoàn hảo hơn.

Giao tiếp là sự tương tác tiếp nhận và xử lý thông tin giữa người với người. Thông qua giao tiếp biểu hiện được văn hóa của mỗi người và mức độ văn minh của xã hội. Suy cho cùng văn hóa giao tiếp là làm cho quá trình giao tiếp trở nên đẹp đẽ, văn minh. Văn hóa giao tiếp mang tính xã hội bao gồm các thành tố lời nói, cử chỉ, hành vi, thái độ, ứng xử và cả trang phục phù hợp của con người.

Giao tiếp ứng xử của con người gắn liền với sự ra đời và phát triển của xã hội loài người. Giao tiếp là nhu cầu tự thân của con người và xã hội loài người. Bước vào thế kỷ mới, quan hệ giao tiếp trong hoạt động kinh doanh càng được các nhà quản lý đặt đúng tầm quan trọng của nó. Có giao tiếp ứng xử tốt, doanh nghiệp mới có thể tồn tại và phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt này. Trong cuộc sống hiện nay, giao tiếp là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng cần có giao tiếp, đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn, giao tiếp là một trong những kỹ năng vô cùng quan trọng của công việc.

Ngành du lịch Việt Nam ngày càng phát triển kéo theo các hệ thống khách sạn tiếp nối phát triển theo. Văn hóa giao tiếp là sự cần thiết của ngành dịch vụ, chính vì thế các khách sạn phải nâng cao chất lượng phục vụ xây dựng uy tín không những về cơ sở vật chất mà còn thông qua các biểu hiện văn hóa giao tiếp của nhân viên. Tôi nghĩ rằng các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ cần quan tâm hơn về văn hóa giao tiếp ứng xử vì có văn hóa là yếu tố mang đến sự thành công trong công việc sau này. Đặc biệt, hơn hết giao tiếp ngày càng không thể tách rời trong cuộc sống nhân loại, hướng chỉ là trong hoạt động kinh doanh dịch vụ. Tất cả những lý do trên nên chúng tôi đã chọn đề tài “Văn hóa giao tiếp của nhân viên lễ tân khách sạn hiện nay – thực trạng và giải pháp”. Bài viết đề xuất những giải pháp giúp một số khách sạn có thể áp dụng nhằm cải thiện nâng cao văn hóa giao tiếp cho nhân viên lễ tân giúp cho khách sạn ngày càng phát triển tốt hơn.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Tổng quan về giao tiếp

##### 2.1.1. Khái niệm văn hóa giao tiếp

Từ khi loài người hình thành, hoạt động giao tiếp đã gắn liền với họ. Do những nhu cầu của cuộc sống hàng ngày con người phải trao đổi, bàn bạc, liên kết với nhau trong săn bắn, ăn

ở và chống lại thiên tai, thú dữ...Trải qua hàng vạn năm, ngày nay hoạt động giao tiếp đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu của mỗi con người.

Nghiên cứu về hoạt động này, đã có không ít những khái niệm về giao tiếp được ra đời. Theo Watson và Skinner – những nhà nghiên cứu dựa trên quan điểm của thuyết hành vi đã cho rằng: “Con người là một thực thể liên hệ, tức là con người không sống độc lập mà sống trong mối liên hệ với môi trường và người khác. Các mối liên hệ này nói lên bản chất xã hội của cá nhân nó biểu hiện khả năng sống của mỗi cá nhân”.

Giao tiếp được xem như là một phương tiện thiết lập các mối quan hệ. Trong mỗi liên hệ đó, con người được đưa vào cấu trúc xã hội phức tạp. Cấu trúc này bao bọc lấy con người, định hướng cho hoạt động của con người.

Ông cha ta từ xưa đã hiểu rất rõ tầm quan trọng của giao tiếp và nói nó “*cao hơn mâm cỗ*”, quan niệm rằng “*nói ngọt thì lọt tới xương*”, và dặn dò con cháu phải “*học ăn học nói*”. Qua nhiều thế hệ, tới nay những nhà nghiên cứu về giao tiếp tại Việt Nam đã có những khái niệm cụ thể về hoạt động này.

Theo tác giả Vũ Thị Phương và Dương Quang Huy (2006), trong cuốn “*Giao tiếp trong kinh doanh*” cho rằng “Giao tiếp là một quá trình trao đổi thông tin giữa các cá nhân thông qua một hệ thống bao gồm các ký hiệu, dấu hiệu và hành vi. Giao tiếp cũng có thể hiểu là cách hành thức biểu hiện tình cảm, trò chuyện, diễn thuyết, trao đổi tư tín thông tin”.

Theo tác giả Phạm Vũ Dũng, trong cuốn “*Văn hóa giao tiếp*.” “Giao tiếp là một quá trình trao đổi và tiếp xúc với nhau giữa con người với bản thân, với xã hội, với thiên nhiên, với gia đình...trực tiếp và gián tiếp thông qua các công cụ như tiếng nói, ngôn ngữ, hành vi, tâm lý...nhằm tạo nên những quan hệ, những tri thức, những hiểu biết trong lĩnh vực khác nhau của đời sống loài người, của cộng đồng, nhóm xã hội và cá nhân con người”.

Như vậy, theo quan niệm của phương Tây và quan niệm của Việt Nam, ta có thể đi đến một kết luận chung về khái niệm giao tiếp như sau: “Giao tiếp là hoạt động của con người trong quá trình trao đổi tiếp xúc với xã hội thông qua các công cụ giao tiếp để thực hiện mục đích giao tiếp của mình”.

Qua thời gian, những cái hay cái đẹp trong quá trình giao tiếp được đúc kết lại tạo thành văn hóa giao tiếp – một kiến thức mà bất kỳ người nào dù là ai cũng phải tự học hỏi để trở thành con người văn minh - lịch sự.

### 2.1.2. Nguyên tắc giao tiếp hiệu quả

Nguyên tắc giao tiếp và ứng xử thành công: đây là nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Trong giao tiếp, ai cũng muốn được một hay vài lợi ích khác nhau. Lợi ích có thể là vật chất, có thể là tinh thần. Khi lợi ích không đạt được thì người ta không muốn giao tiếp nữa. Khi không đạt được những điều mong muốn, người ta sẽ có những phản ứng khác nhau như buồn bã, chán nản, mất lòng tin... Những phản ứng này không có lợi cho cả hai phía. Chính vì vậy, một nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp là phải cố gắng đảm bảo sự hài hòa về lợi ích của cả hai bên tham gia giao tiếp.

Nguyên tắc bình đẳng trong giao tiếp: để giải quyết tốt nguyên tắc này cần thực hiện nguyên tắc mọi người đều quan trọng, nghĩa là mọi đối tượng giao tiếp đều phải được tôn trọng và đối xử tốt.

Nguyên tắc tôn trọng các giá trị văn hóa: giá trị văn hóa là một phạm trù rộng lớn. Ở góc độ nguyên tắc giao tiếp, phải tôn trọng giá trị văn hóa. Chúng ta giao tiếp ứng xử phải mang tính dân tộc và phản ánh truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam như tác phong, thái độ cởi mở, tế nhị và chu đáo, lịch sự và nghiêm túc, không kỳ thị vùng miền, tôn giáo, dân tộc, tránh chạm vào vấn đề nhạy cảm của người đang tham gia giao tiếp.

### 2.2. Thực trạng văn hoá giao tiếp của nhân viên lễ tân trong lĩnh vực khách sạn hiện nay

Ngày nay, công tác lễ tân trong lĩnh vực khách sạn rất phổ biến trong xã hội. Phần lớn công việc hàng ngày của lễ tân là giao tiếp với khách hàng, nhận các cuộc điện thoại đến từ khách hàng. Nhân viên lễ tân không chỉ có tầm quan trọng nhất định trong bộ máy của mỗi khách sạn mà còn có tác động không nhỏ trong sự nghiệp, cũng như việc tạo nên tinh thần làm

việc chuyên nghiệp của mỗi người như tính tự giác cao, quản lý thời gian tốt, hòa nhã, chịu đựng áp lực lớn và luôn biết hòa giải mâu thuẫn với khách hàng,...

Nói đến giao tiếp là nhắc đến những hành vi, ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ, cung cách phục vụ khách của những nhân viên lễ tân. Ngoài những am hiểu về kiến thức nghề nghiệp, một nhân viên lễ tân chuyên nghiệp rất cần thêm những hiểu biết về văn hóa ứng xử giao tiếp, biết ngoại ngữ, biết sử dụng công nghệ thông tin... Cơ hội phát triển nghề nghiệp sẽ rất lớn đối với những lễ tân làm việc chuyên nghiệp này.

Nhân viên lễ tân là những người rất niềm nở, nhiệt tình với khách hàng, tư vấn hỗ trợ giúp đỡ khách hàng hiệu quả. Có đôi khi chỉ cần một vài lời giới thiệu về các món ăn hoặc các dịch vụ tại khách sạn cũng đã khiến khách cảm thấy thích thú. Tuy nhiên vẫn còn một số nhân viên ít nói, chưa giao tiếp nhiều hay bắt chuyện nhiều với khách và đồng nghiệp, chỉ luôn luôn chú tâm làm công việc của mình.

Ngoài việc giao tiếp với khách hàng, nhân viên lễ tân còn có mối quan hệ tốt đẹp với những đồng nghiệp của mình, sự quan tâm, chia sẻ hỏi thăm, trao đổi công việc giữa nhân viên lễ tân với các bộ phận khác trong khách sạn như nhân viên buồng phòng, nhân viên bảo vệ, nhân viên kỹ thuật...

### **2.3. Đánh giá văn hóa giao tiếp của nhân viên lễ tân khách sạn**

#### **2.3.1. Ưu điểm:**

Biết sử dụng nụ cười thân thiện niềm nở để chào đón giao tiếp với khách hàn

Mối quan hệ đồng nghiệp tốt đẹp, đoàn kết.

Nhiệt tình, ân cần trong việc hỗ trợ, tư vấn khách hàng về các dịch vụ của cơ sở, hướng dẫn khách sử dụng các dịch vụ của cơ sở

Luôn biết quan tâm, hỏi thăm chào hỏi khách khi khách đến lưu trú dài hạn với thái độ thân thiện.

Biết lắng nghe thấu hiểu sự góp ý của khách, thành thật, chân thành nói lời xin lỗi và cảm ơn.

#### **2.3.2. Nhược điểm:**

Đôi lúc nhân viên lễ tân bị đánh giá là những nụ cười, sự thân thiện, nhiệt tình vui vẻ đó chưa thật sự là tự nhiên.

Vốn ngoại ngữ còn hạn chế, đặc biệt đối với nhân viên lễ tân là người đầu tiên gặp gỡ tư vấn khách, kiến thức ngoại ngữ còn yếu sẽ ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp, sẽ không được diễn ra suôn sẻ.

Sự giao tiếp với khách có lúc chưa linh hoạt, năng động chỉ theo một khuôn khổ nhất định chưa tương tác nhiều với khách hàng.

### **2.4. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả về văn hóa giao tiếp của nhân viên lễ tân trong khách sạn**

Văn hóa giao tiếp góp phần thể hiện văn hóa doanh nghiệp, quảng bá hình ảnh khách sạn. Giao tiếp là một trong những yếu tố cấu thành mặt nội dung của văn hóa doanh nghiệp. Thái độ phục vụ cùng với văn hóa giao tiếp của nhân viên là một công cụ quảng bá hữu hiệu cho hình ảnh khách sạn.

Để không bị nhầm lẫn giữa hàng nghìn người đang làm việc trong môi trường dịch vụ này thì các nhân viên tại các khách sạn cần hình thành cho mình những nét riêng trong văn hóa giao tiếp. Để du khách dù có đi đâu cũng sẽ luôn quay trở lại khách sạn, đem đến sự hài lòng tuyệt đối cho du khách.

Để lại ấn tượng ban đầu thật tốt trong mắt khách. Ấn tượng ban đầu giúp ích rất nhiều trong giao tiếp. Ngoại hình, cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ, giọng nói,... sẽ là những dấu ấn khiến đối tượng giao tiếp hay khách hàng nhớ về người nhân viên mà họ tiếp xúc lần đầu.

Không quá cứng nhắc và cần có sự khôi hài đúng lúc. Không ai mặc định rằng nhân viên dịch vụ không cần dí dỏm mà phải phục vụ theo bài bản, trình tự giao tiếp một cách cứng nhắc. Nên có óc khôi hài trong giao tiếp để tạo sự gần gũi, tự nhiên với khách, cho họ thoải mái và vui vẻ khi gặp người nhân viên đó.

Có phong cách giao tiếp chuyên nghiệp và cuốn hút. Xây dựng cho mình phong cách giao tiếp chuyên nghiệp, gây cuốn hút để nhân viên không bị lúng túng, có bản lĩnh xử lý những

tình huống xấu. Chẳng hạn như luôn giữ nụ cười tươi; chú ý lắng nghe khách; tạo dáng vẻ thân thiện; quan tâm đến sở thích, sinh nhật của khách; tạo cơ hội khen ngợi khi cần thiết; không tỏ ra giận dữ, cau có; luôn biết nói lời xin lỗi và cảm ơn,...

Nhân viên đặc biệt chú ý trong cách dùng từ, không dùng tiếng lóng, từ địa phương, khẩu ngữ hay ngôn ngữ teen, ngôn ngữ mạng; từ chuyên ngành, từ cổ hay ngôn từ quá hoa mỹ khiến người nghe khó hiểu, ít biết hoặc hiểu nhầm ý

Trong quá trình giao tiếp qua điện thoại, đây là hình thức giao tiếp gián tiếp có sử dụng lời nói, nhân viên sẽ không nhìn thấy được phản ứng của khách hàng nhưng có thể đoán được cảm xúc của họ thông qua lời nói – hãy nói rõ, âm lượng vừa nghe, nghe rõ, đúng – đủ các thông tin từ khách hàng.

Nhân viên lễ tân cần đảm bảo tuân thủ trong mỗi ca làm việc từ tác phong, thái độ đến tiêu chuẩn nghiệp vụ chi tiết cho từng quy trình công việc, kèm thang điểm đánh giá tương ứng thể hiện mức độ cần thiết và quan trọng của từng tiêu chuẩn giúp nhà quản lý đánh giá chính xác năng lực và hiệu suất công việc của từng nhân viên, làm căn cứ đánh giá năng lực cuối tháng/ quý/ năm, xét duyệt khen thưởng, tăng lương, thăng chức cho nhân viên xứng đáng...

Đối với khách sạn nên mở các lớp dạy về kỹ năng giao tiếp để nhân viên có thể tự tin hơn trong giao tiếp. Trình độ chuyên môn cao cộng với kỹ năng giao tiếp tốt thì họ chắc chắn sẽ tự tin trong công việc và làm hài lòng khách hàng.

Quan tâm đến chế độ tiền lương, ưu đãi cho nhân viên, chẳng hạn như về khoản bảo hiểm, khách sạn có thể hỗ trợ bảo hiểm cho nhân viên. Cần tránh việc trì hoãn lương, điều này tạo nên tâm lý chờ đợi, chán nản dẫn đến lười làm việc, lười giao tiếp. Vì thế khách sạn nên thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân viên. Có như vậy nhân viên được cải thiện kinh tế gia đình, bớt nỗi lo và tập trung vào công việc, muốn gắn bó lâu dài với khách sạn hơn.

### **3. Kết luận**

Văn hóa là nội lực để trường tồn, giao tiếp là cánh cửa của nhiều cơ hội. Văn hóa giao tiếp chính là bước thang đi đến sự thành công cho nhiều người đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, ngành phải nói là có nhiều sự gặp gỡ, tiếp xúc với đa dạng người, vì thế mỗi nhân viên, nhất là nhân viên lễ tân rất cần có sự giao tiếp tinh tế văn minh, gây được thiện cảm với khách hàng, xây dựng hình ảnh của cơ sở doanh nghiệp nói chung, và hình ảnh bản thân nói riêng, đem lại sự hài lòng cho du khách. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có một số hạn chế nhất định trong giao tiếp như trình độ ngoại ngữ vẫn còn yếu cho nên chúng ta cần phải rèn luyện và cố gắng khắc phục nhanh chóng. Chính vì vậy, trong văn hóa giao tiếp khá là quan trọng trong các lĩnh vực đặc biệt là khách sạn, nó là một phần giúp cho phát triển công việc của ta còn làm khách sạn nhà hàng phát triển hơn vững mạnh hơn và học hỏi nhiều kiến thức.

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Phạm Thị Cúc (2005), *Giáo trình lý thuyết Nghiệp vụ lễ tân*, NXB Hà Nội
- [2]. Chu Văn Đức (2005), *Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.
- [3]. Phạm Vũ Dũng (1996), *Văn hóa giao tiếp*, NXB Văn hóa, Thông tin
- [4]. Nguyễn Văn Đỉnh, Nguyễn Văn Mạnh (1995), *Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê. Hà Nội.
- [5]. Vũ Thị Phượng và Dương Quang Huy (2006), *Giao tiếp trong kinh doanh*, NXB Tài Chính

Các website:

<https://www.hoteljob.vn/tin-tuc/bo-tieu-chuan-chi-tiet-trong-giao-tiep-voi-khach-hang-cho-le-tan-khach-san>

<http://www.vietnamtourism.gov.vn>

<https://text.123docz.net/document/2728131-ung-dung-cac-ky-nang-giao-tiep-kinh-doanh-cho-bo-phan-le-tan-khach-san.htm><http://www.vietnamtourism.gov.vn>

# **BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ ĐÓNG GHE, XUÔNG TRUYỀN THỐNG Ở XÃ LONG HẬU, HUYỆN LAI VUNG**

*SV: Trần Ngọc Bích Ngân – Lớp DHVNH20A  
GVHD: ThS. Lê Thị Thanh Yên*

## **Tóm tắt**

*Ghe, xuông không chỉ là phương tiện mà còn là một nét văn hóa độc đáo của người dân vùng sông nước, giữ gìn và phát huy làng nghề truyền thống - là bảo tồn nét văn hóa độc đáo của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong giai đoạn kinh tế đất nước đang phát triển, điều kiện và phương tiện giao thông thuận lợi dẫn đến các làng nghề đóng ghe, xuông gặp nhiều khó khăn và có nguy cơ bị mai một. Phạm vi bài viết này phân tích và đề cập đến việc bảo tồn và phát triển làng nghề đóng ghe, xuông truyền thống ở xã Long Hậu, huyện Lai Vung trong giai đoạn hiện nay.*

**Từ khóa:** xuông ghe rạch Bà Đài, làng nghề truyền thống Long Hậu, làng nghề đóng xuông rạch Bà Đài.

### **1. Đặt vấn đề**

Xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nổi tiếng khắp vùng sông nước Nam Bộ với nghề đóng ghe, xuông. Vào mùa lũ, ghe xuông là phương tiện đi lại, chuyên chở hàng hóa rất thông dụng của người dân lao động miền sông nước Nam Bộ. Đây cũng là phương tiện dùng để đánh bắt thủy sản mùa lũ, thế nên nhu cầu về ghe xuông rất lớn. Điều đó đã khiến cho nghề đóng ghe xuông ở Long Hậu có điều kiện phát triển mạnh và trở thành một địa chỉ uy tín, tin cậy hơn trăm năm qua đối với thương lái khắp các tỉnh như Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long.... Trong đó, tiêu biểu là làng nghề đóng xuông ghe tại rạch Bà Đài (thuộc xã Long Hậu, huyện Lai Vung) với chiếc xuông cui Bà Đài gắn liền với tên tuổi của “ông Sáu Xuông Cui” đã tồn tại hơn 100 năm nay.

Trong quá trình hình thành và phát triển làng nghề đóng xuông, ghe Bà Đài đã nghiên cứu và tạo ra nhiều sản phẩm xuông, ghe khác nhau, từ xuông cui Bà Đài đến ghe cui Bà Đài, tặc ráng Bà Đài,... Cùng với những sản phẩm làng nghề đặc trưng, làng nghề đóng xuông, ghe Bà Đài còn lưu giữ những nét văn hóa, tín ngưỡng dân gian trong nghề đóng xuông, ghe như lễ cúng tổ, lễ ghim lô, lễ hạ thủy, lễ khai tâm điểm nhãn, một số luật lệ khi đi ghe, xuông,...

Trải qua hơn một thế kỷ với nhiều biến cố, thăng trầm, đã có những lúc làng nghề xuông cui nơi đây tưởng chừng bị mai một. Số hộ đóng xuông ngày một giảm theo thời gian, từ 150 hộ vào năm 2005 đến 2018 chỉ còn 50 hộ có thể bám trụ với nghề. Nhiều thợ đóng ghe xuông nay phải rời địa phương sang Cái Bè (Tiền Giang) hay Cần Đước (Long An) hành nghề. Bởi lẽ, nhu cầu xuông cui hiện tại đã không còn nhiều như trước chủ yếu chỉ phục vụ cho du lịch.

Những năm gần đây, do mực nước lưu vực sông Mekong có những diễn biến vô cùng thất thường và chính sách đê bao, những mùa nước lũ đã về muộn và ít hơn trước. Hơn thế, xu hướng các loại hình vận tải đường bộ được đầu tư, phát triển cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho người dân không còn mặn mà với xuông cui.

Chính vì lẽ đó, bên cạnh những tiềm năng phát triển, những khó khăn hiện hữu thì việc bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề đóng ghe xuông Bà Đài trong giai đoạn hiện nay là một vấn đề quan trọng, không chỉ là sự lo lắng của người dân địa phương mà còn là sự quan tâm, là nhiệm vụ chính trị của chính quyền bản địa trong việc phát triển làng nghề gắn với phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Lịch sử hình thành của làng nghề đóng ghe, xuông Bà Đài**

Từ trung tâm TP. Cao Lãnh, xuôi theo Tỉnh lộ 849, đi khoảng 25km là đến rạch Bà Đài (ấp Long Hòa, xã Long Hậu, huyện Lai Vung). Từ đầu rạch, đã âm vang những âm thanh chát chúa tiếng búa, máy cưa, máy bào... phát ra từ những trại đóng ghe, xuông nằm san sát hai bên bờ rạch. Từng tốp thợ, đang tất bật với công việc của mình để “xuất xuông” những chiếc xuông mới, phục vụ người dân.



Người dân làng Bà Đài cho biết, ông tổ khai sinh ra nghề đóng xuống, ghe là cụ Phạm Văn Thuông hay còn được dân trong vùng gọi với cái tên thân mật Sáu Thuông (1875 - 1945). Chính ông là người đã tự tay đóng được một chiếc xuống cui, loại xuống nhỏ dùng để đi giăng câu, thả lưới trên kênh rạch, trước sự thán phục của cư dân trong làng. Tương truyền, cụ Thuông là thợ mộc nay đây mai đó, đi cát nhà mướn cho cư dân khắp xứ. Vào khoảng đầu những năm 1900, cụ về làm mướn ở làng Long Hòa. Vốn bản tính hiền lành, chăm chỉ lại giỏi nghề nên cụ Sáu Thuông được dân làng yêu mến.

Thuở đó, trong làng có bà góa phụ Lê Thị Nhân với mong muốn cho con theo nghề nên bà nhân mời thầy Sáu Thuông dạy nghề cho con trai mình là Hai Hy. Lâu dần, thầy Sáu Thuông và bà Nhân nảy sinh tình cảm và hai người lấy nhau sinh được một cô con gái. Sau đó, tiếng lành đồn xa, trại mộc của thầy Sáu Thuông càng ngày càng đông trai làng đến xin học nghề.

Vốn là một người kỹ tính nên thầy Sáu Thuông cũng đặt ra nhiều yêu cầu vô cùng khắt khe đối với học trò. Trong quá trình học nghề cụ yêu cầu học trò phải thông thạo từng thao tác cơ bản của nghề mộc: học cưa, xẻ, búng mực, bào, đục, khoan, lạo... Rồi học các kỹ thuật chính của việc đóng xuống: ghim lô - liệt nê, ghim tiếp, uốn be, vô vô dừa, ngáng và câu đầu, lọng cong... Người chăm chỉ cũng phải mất 3 năm mới thành thợ giỏi. Lớp thợ đầu tiên của thầy Sáu Thuông chừng 5 - 7 người nhưng ai cũng giỏi, được thầy truyền dạy hết bí quyết của nghề. Lớp thợ này về mở trại làm ăn và tiếp nối việc truyền nghề.

Trải qua thời gian, thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước, vừa nắm vững bí quyết nghề vừa kết hợp tính sáng tạo, học hỏi kinh nghiệm của các làng nghề khác, nghề đóng xuống, ghe ở rạch Bà Đài đã phát triển thành làng nghề nổi tiếng với những sản phẩm xuống, ghe đẹp và bền chắc. Người dân trong vùng nghe tiếng tìm đến đặt đóng xuống ghe ngày càng đông, sản phẩm làng nghề cũng ngày càng đa dạng, từ chiếc xuống cui, ghe cui Bà Đài, xuống Cần Thơ, xuống ba lá, ghe bầu Phụng Hiệp - Cái Răng, ghe Cần Đước - Long An, ghe Cà Vom An Giang đến chiếc tắc ráng Rạch Sỏi (Kiên Giang). Thời hưng thịnh của làng nghề, sản phẩm xuống, ghe Bà Đài bán rộng rãi qua các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Cũng từ rạch Bà Đài thuộc ấp Long Hòa, làng nghề đã mở rộng sang các địa phương khác thuộc ấp Long Hưng và Long Thuận.

Đã tồn tại, phát triển hơn 100 năm, năm 2005, làng nghề đóng xuống, ghe Bà Đài - Long Hậu được công nhận là làng nghề truyền thống của tỉnh. Tháng 4/2015, làng nghề đóng xuống, ghe Bà Đài được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

## **2.2. Thực trạng phát triển của làng nghề đóng ghe, xuống Bà Đài**

### **2.2.1. Thực trạng về thu nhập kinh tế tại làng nghề**

Từ khi được công nhận là làng nghề truyền thống, nghề đóng ghe, xuống ở Long Hậu không ngừng phát triển về số lượng lẫn chất lượng. Vào mùa nước nổi người dân tập trung đóng xuống nhỏ, các mùa khác đóng vô lái, trệt, ghe hàng có trọng tải lớn... Chỉ tính riêng ấp Long Hòa, xã Long Hậu, có trên 550 hộ dân, thì hầu hết đều có tham gia vào nghề đóng ghe, xuống tại địa phương. Nghề đóng xuống, ghe tạo ra nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình nơi đây, giúp ổn định về kinh tế, góp phần nâng cao đời sống và giải quyết việc làm của địa phương.

Nghề đóng ghe, xuống truyền thống ở đây được sản xuất quanh năm với nhiều chủng loại, nhưng đến mùa nước lũ đổ về thì không khí làm việc tại đây càng khẩn trương hơn, cao điểm nhất là từ đầu tháng 4 Âm lịch cho đến cuối tháng 8 Âm lịch. Nếu gặp năm lũ lớn, nhu cầu tăng cao thì mùa cao điểm kéo dài cho đến tận tháng 10. Xuông được đóng thành nhiều kiểu dáng như: Xuông cui, xuống vỏ gạo, xuống mũi bằng, xuống ba lá... Trong đó, các loại xuống được người dân trong và ngoài tỉnh ưa chuộng, như: xuống gỗ sao, gỗ sến, với kích cỡ 4,5m - 6,5m (giá dao động từ 1,2 triệu đồng đến 1,5 triệu đồng/chiếc. Còn xuống lớn, gỗ tốt bán hơn 2 triệu đồng/chiếc). Loại ghe có trọng tải lớn từ 40 đến 50 tấn thì phải đóng đến 40 ngày mới xong và giá dao động từ 180 triệu đến 300 triệu đồng. Vào mùa nước lũ, không chỉ người dân ở Đồng Tháp, mà các tỉnh An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long... đều đến đặt mua xuống ở Long Hậu. Nhiều thương lái, mỗi lần đặt hàng trăm chiếc xuống, để bỏ mối và bán lẻ cho người dân ở vùng lũ và biên giới Campuchia. Hiện nay, xã Long Hậu có khoảng 150 cơ sở đóng ghe xuống, thu hút hơn 1.200 lao động làm việc. Bình quân, một thợ đóng ghe xuống thu nhập khoảng 3,5 triệu

đồng/tháng. Mỗi người thợ một ngày có thể đóng được một chiếc. Mỗi năm, xã Long Hậu xuất đi khắp nơi gần 4.000 chiếc ghe, xuồng các loại phục vụ người dân miền Tây Nam Bộ [3].

Hiện nay, thợ giỏi với tay nghề cao có thể đóng mỗi ngày hai chiếc xuồng loại nhỏ, xuồng trung bình làm 3 chiếc mất 2 ngày. Tiền công mỗi chiếc khoảng 100.000 đồng, trẻ em 14 - 15 tuổi mới vào học nghề mỗi ngày đóng một chiếc (chủ trại trả tiền công 70.000 - 80.000 đồng/ngày). Những người đàn ông phải rèn luyện, học hỏi để trở thành những thợ cưa xẻ gỗ chuyên nghiệp, thành thạo trong việc chọn lựa gỗ, bỏ mực, uốn be, cưa, rọc, bào... Phụ nữ lo việc com nước, trét chai, lắp vò; trẻ em nhỏ đính, gom dăm bào, mặt cưa, củi vụn, vò cây (vỏ sao, vỏ gạo)..., bán cho khách hàng mua về làm nhang (mặt cưa), nhúm lửa (mặt cưa, dăm bào), chất đốt (củi vụn, vỏ cây) [4].

### 2.2.2. Những khó khăn của làng nghề đóng ghe xuồng trong xã hội ngày nay

Qua mỗi thời đại điều có sự chuyển biến từ kinh tế, văn hóa, xã hội... thời đại công nghệ ngày càng phát triển. Ngành giao thông cũng theo đó phát triển hơn, những miền sông nước trước đây phương tiện di chuyển chủ yếu là ghe, xuồng thì giờ đây được thay thế bằng những tuyến đường những cây cầu liên tỉnh. Những làng nghề đóng ghe xuồng một thời ăn nên làm ra, phát triển rộng rãi khắp của xã, huyện thì giờ đây thu nhập trở nên bấp bênh, chật vật với nghề.

Ngày nay cùng với sự phát triển của đời sống xã hội, hầu hết các làng nghề đóng ghe gỗ đều mai một, chỉ còn một số ít chủ trại vẫn đeo đuổi với nghề này. Thu nhập bấp bênh nên số thợ lành nghề cho nghề đóng ghe tàu không còn nhiều nữa. Nghề đóng ghe xuồng đòi hỏi người thợ phải là người am hiểu cân chỉnh tỉ mỉ những đường bào, những chi tiết rất nhỏ của chiếc ghe, chiếc xuồng thì mới nó mới nổi và di chuyển an toàn được.

Nguyên liệu chủ yếu để đóng ghe xuồng là những cây gỗ, những loại gỗ tốt có thể chống chịu được với sông nước, mưa bão. Nhưng diện tích rừng ngày càng khan hiếm, cây gỗ cũng không còn nhiều vì thế giá gỗ tăng cao nhưng ghe thuyền bán ra giá thành lại thấp làm người thợ bị lỗ nặng.

Thời gian làm ra sản phẩm rất tốn thời gian từ 1 tháng đến 3 tháng tùy vào kích cỡ của chiếc ghe, xuồng mà người đặt yêu cầu. Nghề này đòi hỏi phải có thợ phụ một người làm sẽ khó hoàn thành nên chi phí rất cao.

Ghe, xuồng là phương tiện đánh bắt kiếm thêm thu nhập của người dân nhưng hiện nay nguồn thủy hải sản gần bờ không còn nhiều nữa, chủ yếu là đánh bắt xa bờ. Là nguồn thu nhập chính của cả vùng biển nhưng thủy hải sản ven bờ cũng có giới hạn nhiều hộ gia đình đánh bắt nên số lượng suy giảm đi nhiều. Những chiếc ghe, xuồng nhỏ không chịu được những con sóng lớn nên không thể sử dụng chúng để đánh bắt xa bờ được phải sử dụng đến tàu thuyền với tải trọng lớn hơn. Những hộ đóng ghe xuồng chủ yếu ở những con rạch nước cạn, bờ sông nhỏ nên nếu đóng ghe tàu lớn sẽ khó di chuyển ra ngoài.

Khí hậu thay đổi những năm gần đây những cơn bão, lũ lụt xuất hiện ngày càng nhiều ảnh hưởng lớn đến việc đánh bắt của người dân. Nghề đánh bắt thủy hải sản được xem là một trong những nghề nguy hiểm hiện nay, được chính quyền địa phương quan tâm đặc biệt.

Đối với những hộ gia đình còn giữ nghề đóng ghe xuồng hiện nay thì đa phần những hộ này có thâm niên làm ghe xuồng từ 2 - 3 đời. Anh Nguyễn Nhựt Linh (43 tuổi), chủ một xưởng chuyên đóng xuồng, ghe ở rạch Bà Đaitự giới thiệu: “Gia đình tôi đóng ghe đã mấy đời rồi, tôi là đời thứ tư”. Có thể nói, từ nhỏ những thành viên trong gia đình này đã gắn liền với những miếng gỗ, những cái đục, quen thuộc với những tiếng lạch cạch, lộp cộp, nên khi nghề ghe xuồng mai một họ vẫn cố gắng trụ vững làm ghe xuồng cộng thêm những nghề khác để kiếm thêm thu nhập.

Trải qua hơn một thế kỷ với nhiều biến cố, thăng trầm, đã có những lúc làng nghề xuồng cúi nơi đây tưởng chừng bị mai một. Số hộ đóng xuồng ngày một giảm theo thời gian, từ 150 hộ vào năm 2005 thì đến 2018 chỉ còn 50 hộ có thể bám trụ với nghề. Nhiều thợ đóng ghe xuồng nay phải rời địa phương sang Cái Bè (Tiền Giang) hay Cần Đước (Long An) hành nghề. Bởi lẽ, nhu cầu xuồng cui hiện tại đã không còn nhiều như trước chủ yếu chỉ phục vụ cho du lịch. Ông Trần Văn Hùng - Chủ tịch UBND xã Long Hậu cho biết: “làng đóng xuồng, ghe ở xã

*có từ cả trăm năm nay. Trước đây, thời điểm ăn nên làm ra nhất có 142 hộ làm nghề này, nhưng hiện tại chỉ còn khoảng 50 hộ. Những hộ còn trụ lại chủ yếu đóng ghe nhỏ, bởi ghe có tải trọng lớn hiện thường được làm bằng sắt vì chi phí rẻ và thời gian sử dụng lâu hơn ghe gỗ”.*

Những năm gần đây, do mực nước lưu vực sông Mekong có những diễn biến vô cùng thất thường và chính sách đê bao, những mùa nước lũ đã về muộn và ít hơn trước. Hơn thế, xu hướng các loại hình vận tải đường bộ được đầu tư, phát triển cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho người dân không còn mặn mà với xuồng cui.

### *2.2.3. Hướng đi mới cho làng nghề đóng ghe xuồng trong xã hội ngày nay*

Từ việc thoái trào của nghề đóng ghe xuồng, người dân làng nghề nảy sinh ý tưởng làm ghe xuồng mô hình thu nhỏ để bán cho khách hàng làm quà lưu niệm, trưng bày tại các khu du lịch, từ đó những chiếc xuồng, ghe Bà Đài thu nhỏ đã có mặt trên thị trường. Nguyên liệu để làm xuồng, ghe thu nhỏ là cây sao vườn. Nhưng đóng ghe xuồng mô hình cũng rất công phu. Để có sản phẩm thu nhỏ hoàn thiện, đẹp mắt phải trải qua các công đoạn cưa ván, bõ mực, rọc dụn, vô vỏ, ráp cong, dằn và chà nhám rồi sơn dầu để hoàn tất sản phẩm. Có khi phải vẽ thêm mấy chữ chúc tụng như “Thuận buồm xuôi gió”... Điều quan trọng là vừa đảm bảo được các chi tiết sắc sảo, đồng thời vẫn giữ được nét đặc trưng của xuồng ghe miền Tây Nam bộ.

Ngoài khách hàng ở các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long và hai thành phố Cần Thơ, Hồ Chí Minh, sản phẩm còn bán cho Việt kiều và du khách nước ngoài yêu thích chiếc xuồng, ghe của miền sông nước Tây Nam bộ. Những điểm du lịch, nhà hàng... cũng đặt các loại xuồng vừa và lớn dùng để trưng bày trái cây, rộng cá để hấp dẫn khách. Giá cả sản phẩm xuồng, ghe thu nhỏ cũng tùy vào chủng loại và kích cỡ, chiếc đơn giản thì khoảng vài trăm ngàn đồng, chiếc làm mui câu kỳ thì giá cao hơn, khoảng vài triệu đồng.

Việc làm các sản phẩm xuồng, ghe Bà Đài thu nhỏ đã mở ra một hướng đi mới cho làng nghề, đáp ứng nhu cầu thị trường, đem lại nguồn thu nhập khá, ổn định cho người thợ làng nghề, cũng là góp phần lưu giữ, phát triển làng nghề truyền thống của quê hương. Từ lợi ích có giá trị về vật chất và tinh thần mang lại cho người dân địa phương, chính quyền và nhân dân xã Long Hậu cam kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

## **2.3. Đề xuất các giải pháp phát triển làng nghề đóng ghe xuồng Bà Đài**

### *2.3.1. Nhóm giải pháp bảo tồn giá trị văn hóa của làng nghề*

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa quốc gia.

- Tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống.

- Tổ chức các lớp tập huấn, truyền nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là lao động trên địa bàn làng nghề; Tổ chức các đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghề, làng nghề truyền thống.

- Đánh giá thực trạng, bổ sung hồ sơ khoa học di sản văn hóa làm cơ sở định hướng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia

- Tổ chức tôn vinh nghề nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản làng nghề.

### *2.3.2. Nhóm giải pháp phát triển làng nghề*

- Tỉnh Đồng Tháp và Huyện Lai Vung cần có những chủ trương khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng, làng nghề... đồng thời có kế hoạch xây dựng tuyến du lịch “nem Lai Vung - quýt hồng - làng ghe, xuồng” để mở ra một hướng đi mới cho làng nghề, đáp ứng nhu cầu thị trường, vừa đem lại nguồn thu nhập khá ổn định cho người thợ làng nghề, vừa góp phần lưu giữ, phát triển làng nghề truyền thống của quê hương.

- Tăng cường công tác quảng bá hoạt động và sản phẩm làng nghề đến thị trường trong và ngoài nước. Tổ chức xuất bản các ấn phẩm sách, ảnh giới thiệu, quảng bá về làng nghề. Ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong hoạt động quảng bá giá trị làng nghề trên các nền tảng mạng xã hội như: Zalo, Facebook, Youtube,...

- Tập trung đổi mới công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật theo hướng chính là hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong sản xuất sản phẩm tại làng nghề.

- Nâng cấp hạ tầng giao thông nội bộ làng nghề và kết nối giao thông giữa làng nghề với các trung tâm đô thị, kết nối tour – tuyến, đưa khách du lịch tham quan làng nghề. Xây dựng khu trưng bày sản phẩm và bán sản phẩm lưu niệm, kết hợp phục vụ du khách trong các tour du lịch văn hóa làng nghề và du lịch mua sắm.

- Nhân rộng các mô hình sản phẩm làng nghề phục vụ đời sống đương đại, mô hình phát triển làng nghề gắn kết với hoạt động du lịch.

### 2.3.3. Nhóm giải pháp về chính sách quản lý làng nghề

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị – xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền về yêu cầu, ý nghĩa của việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong các tầng lớp nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hành, sáng tạo các sản phẩm làng nghề, đồng thời thúc đẩy phát triển hoạt động du lịch.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ cho các nghệ nhân có công đóng góp xây dựng và phát triển làng nghề. Nghiên cứu, đề xuất các cấp thẩm quyền có chính sách về đất đai, tín dụng, thuế, giới thiệu sản phẩm, xúc tiến mua bán mở rộng thị trường tiêu thụ... đối với hoạt động của làng nghề đóng xuống, ghe Bà Đài cũng như nhiều làng nghề khác của Đồng Tháp.

- Ưu tiên phát triển, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn nguyên liệu thế mạnh của địa phương trong sản xuất tại làng nghề.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia các hội chợ triển lãm, quảng bá sản phẩm, đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp trong và nước ngoài. Đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho cơ sở xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh để nâng cao tính cạnh tranh, mở rộng thị trường.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ đầu tư sản xuất, xúc tiến, phân phối sản phẩm của “Nghề đóng xuống, ghe”; liên kết các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất trong làng nghề tham hội nghị, hội chợ kết nối cung cầu giữa các tỉnh thành trong cả nước.

- Tăng cường hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch Covid-19, phòng cháy chữa cháy tại làng nghề.

### 3. Kết luận

Làng nghề đóng ghe xuống Bà Đài không chỉ mang lại nguồn kinh tế chính cho người dân địa phương mà còn chứa đựng những giá trị văn hóa tinh thần bản địa độc đáo. Do vậy, bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề là vấn đề cấp bách nhất, đặc biệt là trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Đây không chỉ là nhiệm vụ của người dân làng nghề mà còn là nhiệm vụ chung của chính quyền địa phương. Địa phương cần có kế hoạch cụ thể, thiết thực về bảo tồn và phát triển làng nghề, có thể gắn kết với hoạt động du lịch để phát huy giá trị của làng nghề một cách tốt nhất.

Bảo tồn, phát huy giá trị làng nghề sẽ góp phần tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức sáng tạo của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung. Đồng thời, giúp nhằm quảng bá, nâng cao hình ảnh của tỉnh Đồng Tháp, nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của hệ thống chính trị và cộng đồng về nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị của di sản nghề thủ công truyền thống, đặc biệt đối với thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay./.

### Tài liệu tham khảo

[1]. Mai Văn Nam (2009), “Giải pháp phát triển mô hình làng nghề kết hợp du lịch Tỉnh Bạc Liêu”, Đề tài cấp Tỉnh Bạc Liêu.

[2]. Nguyễn Hữu Đăng (2005), “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển 19 làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn ĐBSCL”.

[3]. Bùi Minh Tiên, *Tiềm năng du lịch làng nghề đóng xuống, ghe tại rạch Bà Đài*, Báo Đồng Tháp, <https://www.baodongthap.vn/du-lich/tiem-nang-du-lich-lang-nghe-dong-xuong-ghe-tai-rach-ba-dai-50639.aspx>

[4]. Tiểu Vũ - Tuệ Lâm, *Hướng đi mới ở làng nghề đóng xuống Bà Đài*, Báo pháp luật Việt Nam, <https://baophapluat.vn/huong-di-moi-o-lang-nghe-dong-xuong-ba-dai-post399180.html>.

# CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM TRẺ EM BỊ XÂM HẠI TÌNH DỤC

SV: Nguyễn Thị Phương Vi – Lớp ĐHCCTXH19A

GVHD: ThS. Dương Văn Khánh

## Tóm tắt

Hiện nay, thực trạng xâm hại tình dục trẻ em diễn ra phức tạp, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng và có chiều hướng gia tăng, gây bức xúc trong dư luận và để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Trẻ em là những người đang trong độ tuổi phát triển, chưa hoàn thiện về mặt tâm sinh lý, vì vậy khi trẻ bị xâm hại tình dục sẽ dẫn đến những hậu quả lâu dài không chỉ cho trẻ em là nạn nhân trực tiếp mà còn gây ra những ảnh hưởng tiêu cực cho gia đình trẻ bị xâm hại và cộng đồng xã hội. Bài viết chú trọng đến giải pháp can thiệp, hỗ trợ bằng phương pháp công tác xã hội với nhóm trẻ em bị xâm hại tình dục mà trong đó nhân viên công tác xã hội đóng vai trò thiết yếu trong tiến trình trợ giúp của mình.

**Từ khóa:** Nhân viên công tác xã hội; Công tác xã hội với nhóm; Trẻ em; Trẻ em bị xâm hại tình dục.

### 1. Đặt vấn đề

Việt Nam là nước đầu tiên ở Châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em. Nhà nước cũng đã ban hành nhiều Bộ Luật, nghị định, chính sách cho trẻ em để tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ phát triển, được thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản của trẻ và ngăn chặn được các nguy cơ xâm hại trẻ, bởi các em chính là nguồn lực tương lai để phát triển đất nước. Việc tạo điều kiện tốt nhất có thể nhằm giúp các em phát triển toàn diện cả về nhân cách, tư duy là nhiệm vụ của toàn xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục trẻ em vẫn đang diễn ra và không có dấu hiệu giảm. Hệ quả những vụ việc này là các em chịu sự tổn hại nghiêm trọng về sức khỏe, tâm lý, thậm chí thiệt mạng.

Trong bối cảnh xã hội hiện nay, việc tìm hiểu thực trạng của vấn nạn này vô cùng dễ dàng trên các phương tiện thông tin truyền thông. Nếu vào trang tìm kiếm Google và gõ từ khóa “trẻ em bị xâm hại tình dục ở Việt nam” thì trong thời gian 0.55 giây sẽ cho ra 9,780.000 kết quả. Hoặc nếu chúng ta muốn tìm kiếm những đoạn phóng sự về vấn đề xâm hại tình dục trẻ em ở Việt nam thì cho ra 223,000 kết quả. Những con số này đã cho chúng ta thấy rằng xâm hại tình dục trẻ em đã thật sự trở thành vấn nạn nghiêm trọng trong xã hội nước ta hiện nay và vụ việc xâm hại tình dục ở trẻ em có thể hàng ngày, hàng giờ xuất hiện trên các mặt báo, các kênh phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

Công tác xã hội là một ngành khoa học, một nghề chuyên môn, với sứ mạng thúc đẩy sự thay đổi xã hội, giải quyết vấn đề xã hội của mỗi đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó trẻ em là đối tượng can thiệp mang tính đặc thù. Một trong những phương pháp can thiệp chuyên môn thì công tác xã hội với nhóm là phương pháp tăng cường, nâng cao năng lực thực hiện chức năng xã hội của cá nhân thông qua các hoạt động sinh hoạt và tương tác nhóm, giải quyết vấn đề của thân chủ trên phương diện trao đổi, thảo luận, chia sẻ. Theo đó, nhân viên công tác xã hội với những kiến thức và kỹ năng được đào tạo sẽ thực hiện các vai trò nhằm hỗ trợ và can thiệp giúp đỡ trẻ em cũng như gia đình trẻ giải quyết và ngăn chặn vấn nạn này.

### 2. Công tác xã hội với nhóm trẻ em bị xâm hại tình dục

Công tác xã hội nhóm thường được sử dụng trong các trường hợp với những nhóm cá nhân có hoàn cảnh tương tự nhau. Tuy nhiên, trong trường hợp này chúng ta không thể có điều kiện tập hợp tất cả những trẻ em bị xâm hại tình dục để thành lập một nhóm và thực hiện các bước của tiến trình công tác xã hội với nhóm. Vì vậy, chúng ta sẽ thực hiện các hoạt động này trên cơ sở nhóm xã hội bao gồm trẻ em bị xâm hại tình dục và những người thân trong gia đình trẻ hoặc trẻ em bị xâm hại tình dục với bạn bè trong nhóm xã hội sẵn có của trẻ. Đối với các trẻ em là nạn nhân của nạn xâm hại tình dục, kỹ năng công tác xã hội nhóm được vận dụng một cách linh hoạt cùng với công tác xã hội cá nhân kết hợp hoạt động tham vấn, trị liệu về mặt tâm lý cho đối tượng trẻ gặp phải vấn đề này là rất cần thiết.

Trước tiên trong giai đoạn thành lập nhóm, có thể thấy nhân viên Công tác xã hội không thể tiếp cận với trẻ em bị xâm hại tình dục và gia đình của trẻ hay các nhóm xã hội mà trẻ tham gia khi chưa biết gì về chúng. Do đó cần thu thập thông tin sơ bộ để có thể đánh giá và lường trước được những khó khăn mà mình có thể gặp phải khi làm việc với trẻ em bị xâm hại tình dục. Những thông tin cần thu thập bao gồm: hoàn cảnh bị xâm hại là như thế nào: bị dâm ô, hãm hiếp hay bị bóc lột tình dục, ai là người đã làm điều này và họ có quan hệ thế nào với trẻ?...; bối cảnh diễn ra sự việc như thế nào; mối quan hệ với gia đình của trẻ: có mối quan hệ tốt với những người thân trong gia đình hay không, trẻ có vai trò như thế nào trong gia đình, có thường ở gần với ông bà, cha mẹ không,...; tâm lý của trẻ sau khi bị xâm hại tình dục: mỗi đứa trẻ thường sẽ có những biểu hiện chung về tâm lý đó là lo sợ, hoảng loạn nhưng mức độ là khác nhau. Nhân viên công tác xã hội cần tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng để có thể đưa ra kế hoạch và phương pháp làm việc khác nhau.

Công việc tiếp theo nhân viên Công tác xã hội cần làm đó là tiếp cận với gia đình của trẻ. Khi gia đình phát hiện trẻ bị xâm hại tình dục thường sẽ rất đau xót, tức giận, phản ứng rất mạnh mẽ với kẻ xâm hại tình dục, tuy nhiên cũng có những bậc phụ huynh vì danh dự gia đình, lo lắng cho tương lai con em mình sau này mà chối bỏ đi việc trẻ đã bị xâm hại tình dục, từ đó dẫn đến sự uất ức trong trẻ đỉnh điểm, có thể dẫn đến việc tự tử. Nếu hoạt động này không nhận được sự hợp tác từ gia đình, nhân viên công tác xã hội có thể tìm đến sự giúp đỡ của chính quyền địa phương để xoa dịu tâm lý của gia đình, giúp họ nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình khi con trẻ bị xâm hại tình dục.

Sau khi đã tiếp cận được với gia đình, nhân viên công tác xã hội cần tiếp cận với trẻ bị xâm hại tình dục để có hướng giúp đỡ kịp thời. Vào thời điểm này trẻ đang vô cùng hoảng loạn, có thể có những phản ứng phòng vệ với bất kì người lạ nào nên đòi hỏi chúng ta phải hết sức khéo léo, nhẹ nhàng. Nếu trẻ không có những phản ứng thái quá thì cũng sẽ ngồi thu mình, im lặng, không chia sẻ bất kì thông tin nào. Nhân viên công tác xã hội lúc này nên tìm hiểu những điều làm trẻ thích thú cũng như lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của trẻ. Cần phải tạo niềm tin, cho trẻ biết chúng ta đang giúp trẻ giải quyết những vấn đề của mình, như vậy trẻ mới có thể từ từ làm quen và bắt đầu chia sẻ.

Công việc tiếp theo mà nhân viên công tác xã hội cần làm đó là tạo mối quan hệ tốt với gia đình đặc biệt là những người yêu thương trẻ. Thực tế gia đình rất phần nộ khi con em mình bị xâm hại tình dục nhưng với tâm lý của trẻ lúc này thì trẻ lại không hợp tác, sống khép kín, không chia sẻ kể cả với những người yêu thương mình. Mặt khác, người thân của trẻ không có những phương pháp trò chuyện và tiếp cận phù hợp vô tình làm trẻ tiêu cực hơn có thể dẫn đến việc trẻ bỏ nhà đi hoặc đỉnh điểm là tự tử. Chính vì vậy nhân viên Công tác xã hội cần tăng cường mối quan hệ giữa gia đình với trẻ. Cần cho gia đình hiểu rằng trẻ đang tổn thương rất nặng nề và cần có thời gian phục hồi. Đối với những trẻ khủng hoảng tâm lý quá nặng chúng ta nên nhờ đến sự can thiệp của những chuyên gia tâm lý để có thể đưa ra những liệu pháp phù hợp cho trẻ.

Ở giai đoạn triển khai hoạt động nhóm, nhân viên công tác xã hội cần xác định kế hoạch và chương trình làm việc cụ thể. Đầu tiên là tư vấn các kiến thức pháp luật liên quan đến quyền trẻ em; trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em; kiến thức về y tế như những căn bệnh có thể lây lan qua đường tình dục, những phương pháp phòng tránh thai,... Ngoài ra, nên có những buổi truyền thông, giáo dục cho trẻ những cách để tự bảo vệ mình, tránh khỏi nguy cơ tiếp tục bị xâm hại tình dục thông qua các hình thức như sắm vai diễn kịch hoặc thảo luận nhóm. Nếu trẻ có những biểu hiện của các bệnh lây truyền qua đường tình dục như HIV/AIDS thì nên hỗ trợ, hướng dẫn trẻ đến ngay các cơ sở y tế để có hướng điều trị kịp thời. Ngoài ra, nhân viên công tác xã hội cần giúp trẻ xây dựng và củng cố mối quan hệ với bạn bè đặc biệt là những bạn bè thân thiết. Có thể tổ chức những hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh và khuyến khích các em tham gia để dần kéo các em trở lại với môi trường xã hội.

Lúc này nhân viên Công tác xã hội đã trở thành một người bạn với trẻ nên việc quan tâm thường xuyên đến trẻ bị xâm hại tình dục đến khi trẻ có thể tái hòa nhập cộng đồng là điều hết

sức cần thiết, không nên bỏ dỡ hoặc chuyển giao công việc giữa chừng điều này rất dễ làm các em cảm thấy hụt hẫng.

Tóm lại, công tác xã hội với nhóm trẻ em bị xâm hại tình dục là một hình thức vận dụng phương pháp công tác xã hội nhóm một cách cụ thể và linh hoạt. Đây là một phương pháp rất cần thiết và có hiệu quả trong quá trình can thiệp và giúp đỡ với trẻ em bị lạm dụng tình dục. Tuy nhiên, do đặc thù về tâm lý và mức độ nhạy cảm của vấn đề mà việc tiếp cận cũng như làm việc, giúp đỡ những trẻ em này thường khó khăn hơn rất nhiều với các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác. Điều đó đòi hỏi nhân viên công tác xã hội phải thật sự kiên trì, nhẫn nại, làm việc với cái tâm thật sự trong sáng, bằng một tâm lòng yêu thương con trẻ, cảm thông và chia sẻ với những mất mát và khổ đau mà chúng phải gánh chịu do người lớn gây ra. Những kiến thức về tâm lý, y tế và luật pháp là rất cần thiết để chúng ta có thể làm tốt công việc của mình. Chính vì vậy, chúng ta cần phải thường xuyên trau dồi kiến thức của mình về nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong ba lĩnh vực trên. Bên cạnh đó, nhân viên công tác xã hội cũng cần phải có khả năng liên lạc và phối hợp tốt với nhiều tổ chức khác nhau để giúp đỡ trẻ một cách đồng bộ và toàn diện.

### **3. Kết luận**

Tất cả các trẻ em đều có nguy cơ trở thành nạn nhân của xâm hại tình dục, không có sự phân biệt dân tộc, học vấn, điều kiện kinh tế, lứa tuổi, giới tính, đặc điểm cá nhân,... Tuy nhiên, một số trẻ em thuộc các nhóm như: trẻ em sống trong các gia đình khó khăn; trẻ em từ các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số; trẻ em sống trong hoàn cảnh có nhiều cám dỗ,...thường có nguy cơ bị xâm hại tình dục cao hơn các nhóm trẻ em khác.

Vấn đề bảo vệ ngăn ngừa trẻ em trước nguy cơ bị xâm hại tình dục là vấn đề quan tâm của toàn xã hội. Chúng ta cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hình sự, hôn nhân gia đình, pháp luật về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em và phòng chống xâm hại tình dục trẻ em cho cộng đồng xã hội. Công tác này cần có sự chung tay, phối hợp của các sở, ban ngành, đoàn thể có liên quan.

Với vai trò trợ giúp đối tượng yếu thế trong xã hội như trẻ em bị xâm hại tình dục, nhân viên công tác xã hội cần có những kiến thức kỹ năng, tâm huyết để góp phần cùng các ban đoàn thể chức năng có liên quan khắc phục tình trạng này. Tuy nhiên, vấn đề này còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố tác động khác như về thể chế, chính sách, nguồn lực xã hội,...đòi hỏi nhân viên xã hội cần tăng cường hơn nữa vai trò trung gian, kết nối nhằm bảo vệ an toàn cao nhất đối với trẻ em bị xâm hại tình dục.

### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Diệp Huyền Thảo (2020). *Phòng ngừa tình hình tội phạm (Nghiên cứu trường hợp các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn miền Tây Nam Bộ)*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

[2]. Nguyễn Thị Đào (2014). *Phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em và vai trò của công tác xã hội*. Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học năm 2014 của Trường Đại học Thăng Long, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Thị Hải (2015). *Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em bị xâm hại tình dục ở Hà Nội*. Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học năm 2015 của Trường Đại học Thăng Long, Hà Nội.

[4]. Trần Thị Nga (2018). *Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa trẻ em nguy cơ bị xâm hại tình dục*. Trường Đại học Lao động xã hội, Hà Nội.

# PHÁT HUY VAI TRÒ NHÂN VIÊN XÃ HỘI NHẪM CHĂM SÓC TỐT CHO NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

SV: Phan Thảo Quyên – Lớp ĐHCCTXH18A  
GVHD: Ths. Trần Văn Luận

## Tóm tắt

Bài viết trình bày khái quát xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam, nhấn mạnh các đặc trưng nhân khẩu về Người cao tuổi (NCT) qua đó nêu lên những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt trong tương lai khi xu hướng NCT đang gia tăng. Qua bài viết tác giả tổng hợp các giải pháp cần tập trung trong bối cảnh già hóa dân số; Phát huy lĩnh vực thực hành công tác xã hội với NCT, nhân viên xã hội và cộng tác viên xã hội là lực lượng nòng cốt trong công tác chăm sóc toàn diện cho NCT tại Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

**Từ khóa:** NCT, già hóa, nhân viên xã hội

**Từ viết tắt:** Người cao tuổi (NCT), Công tác xã hội (CTXH)

## 1. Đặt vấn đề

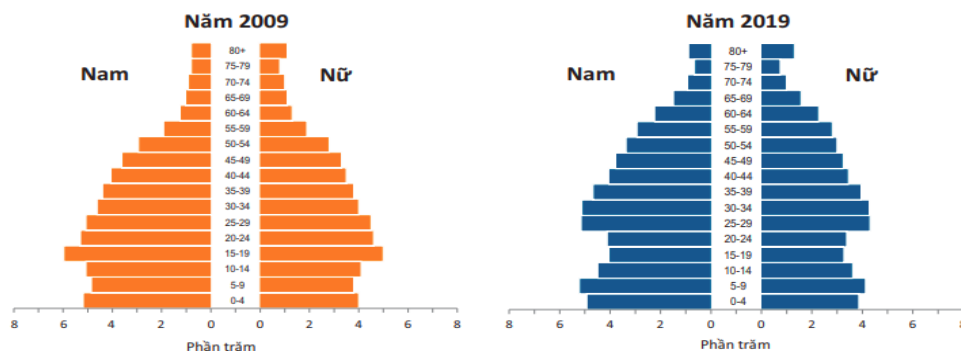
Trong nhiều năm qua, với đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và việc ban hành, tổ chức thực thi hiệu quả hệ thống chính sách pháp luật của Nhà nước, Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, y tế... Những thành tựu trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân như công tác dự phòng, chẩn đoán và điều trị bệnh đã duy trì sự sống cho mỗi người dân ngày càng lâu hơn; sự phát triển kinh tế - xã hội mang lại chất lượng cuộc sống cao hơn nên nâng cao tuổi thọ của người dân; chính sách dân số áp dụng giảm tỉ lệ sinh phát huy hiệu quả nên dần biến đổi tỷ lệ dân số trẻ em, người trong độ tuổi lao động và NCT theo xu hướng già hóa dân số. Nhà nước Việt Nam rất trân trọng vì NCT đã có quá trình cống hiến lâu dài cho gia đình, xã hội và đất nước, bên cạnh đó NCT là kho tri thức, kinh nghiệm, giá trị xã hội, chuẩn mực xã hội truyền lại cho thế hệ tiếp theo. Để thể hiện sự ghi nhận và đền đáp công ơn, đảm bảo mọi quyền lợi cho NCT nhà nước ta đã ban hành Luật NCT, Chương trình hành động vì NCT... Cùng với các chính sách nhiều mô hình chăm sóc NCT được triển khai trên cả nước, với sự tham gia của hàng triệu NCT.

Tuy nhiên tình trạng già hóa dân số cũng là thách thức rất lớn đặt ra với nhiều quốc gia trên thế giới và trong đó có Việt Nam, bởi vì già hóa dân số ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế khi thiếu hụt lực lượng lao động, theo đó là Quỹ hưu trí trong bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm y tế, quá tải dịch vụ y tế chăm sóc...

## 2. Thực trạng xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam

Trong giai đoạn 2009-2019, số NCT tăng từ 7,45 triệu người lên 11,41 triệu người, tương ứng với tăng từ 8,68% lên 11,86% tổng dân số. Dân số cao tuổi tăng thêm chiếm gần 40% tổng dân số tăng thêm. Cũng trong giai đoạn này, tổng dân số tăng trung bình 1,14%/năm thì dân số cao tuổi tăng tới 4,35%/năm. Trong số NCT tăng thêm, nhóm NCT sơ lão (60-69) có tốc độ tăng cao nhất, tiếp đó là nhóm NCT đại lão (từ 80 tuổi trở lên). Tỷ lệ NCT sống ở thành thị tăng lên do quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, càng cao tuổi thì tỷ lệ NCT sống ở nông thôn lại tăng lên.

**Biểu đồ. Tháp dân số Việt Nam, 2009-2019**



Nguồn: Tổng điều tra dân số 2019, theo kết quả điều tra: trong 10 năm qua, tháp dân số Việt Nam có sự thay đổi lớn ở phần đỉnh tháp khi nhóm trên 60 tuổi ngày càng tăng.



Chỉ số già hóa của dân số Việt Nam, được đo bằng số NCT (từ 60 trở lên) trên 100 trẻ em (từ 0 đến 14 tuổi) có quan hệ khá chặt chẽ (có ý nghĩa thống kê) với tổng tỷ suất sinh và tỷ lệ di cư thuần ở các tỉnh. Các tỉnh có tổng tỷ suất sinh thấp hơn và tỷ lệ di cư thuần thấp hơn (người di cư đi nhiều hơn người di cư đến) thì có xu hướng có chỉ số già hóa cao hơn, và ngược lại. Dự báo dân số tới năm 2069 theo giả định mức sinh trung bình cho thấy, số lượng NCT sẽ đạt 17,28 triệu người (chiếm 16,5% tổng dân số) vào năm 2029; 22,29 triệu người (chiếm 20,21% tổng dân số) vào năm 2038; 28,61 triệu người (chiếm 24,88% tổng dân số) vào năm 2049 và 31,69 triệu người (chiếm 27,11% tổng dân số) vào năm 2069. Sự gia tăng của dân số cao tuổi chủ yếu do sự gia tăng của nhóm trung lão và đại lão.

Dự báo dân số theo giả định mức sinh trung bình cho thấy tỷ lệ người 65 tuổi trở lên sẽ đạt 14,17% tổng dân số vào năm 2036. Khi đó Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già. Dự báo dân số theo giả định mức sinh trung bình cho thấy, số lượng phụ nữ cao tuổi tăng nhanh hơn số lượng nam giới cao tuổi, nhưng tỷ số giới tính có xu hướng giảm xuống do những giả định về tỷ số giới tính khi sinh giảm và khác biệt về tỷ suất chết của nam giới và phụ nữ cao tuổi giảm xuống [2].

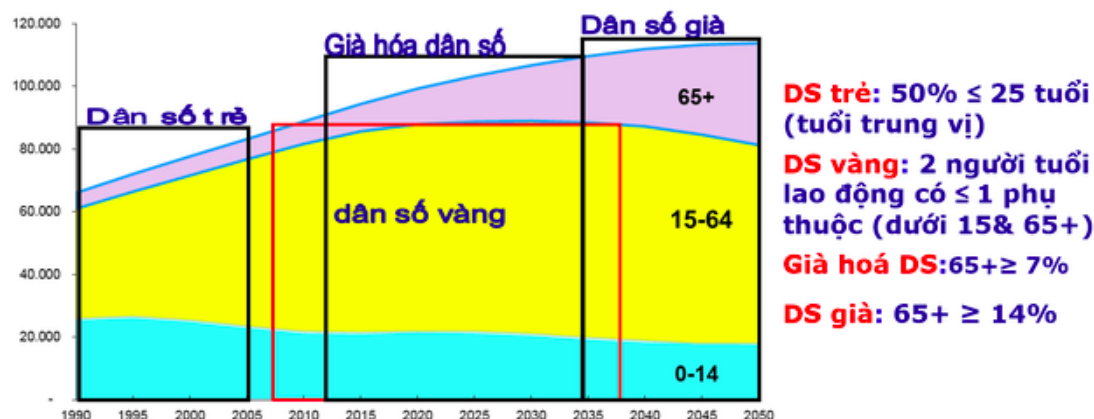
### **3. Thách thức về tình trạng già hóa dân số ở Việt Nam**

Theo Liên hợp quốc, nếu một quốc gia có tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên đạt tới 10% tổng dân số thì quốc gia đó được coi là bắt đầu bước vào quá trình già hoá; từ 20% đến dưới 30% thì gọi là “dân số già”; từ 30% đến dưới 35% thì gọi là dân số “rất già”; từ 35% trở lên gọi là “siêu già”.

Già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ rất nhanh ở nước ta và có những đặc điểm nổi bật như sau: Diễn ra nhanh hơn nhiều so với nhịp độ tăng dân số; già hóa dân số cũng diễn ra với nhịp độ khác nhau theo giới tính và theo vùng, miền; già hóa dân số đi kèm với nhu cầu tiếp tục làm việc gia tăng; già hóa dân số chưa gắn với cải thiện sức khỏe người già; Người già chủ yếu sống ở nông thôn và có mức sống thấp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tuổi thọ của người dân liên tục tăng nhanh, từ 68,6 tuổi vào năm 1999 lên 73,2 tuổi vào năm 2014 và dự báo là 78 tuổi vào năm 2030. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, từ năm 2017, dân số từ 65 tuổi của nước ta đã chiếm 7,15% tổng dân số và nước ta chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số. Theo dự báo của Tổng cục Thống kê (2010) và Liên Hợp Quốc (2012), nước ta chỉ cần 20-21 năm để đưa tỷ lệ nói trên lên 14% và giai đoạn 2021-2037 được coi là thời gian quá độ để chuyển từ “già hóa dân số” sang “dân số già”.

Già hóa dân số có tác động ngày càng mạnh đối với phát triển kinh tế xã hội ở nước ta cả trong ngắn hạn và dài hạn. Trong ngắn hạn, già hóa dân số ảnh hưởng đến cơ cấu lực lượng lao động, và từ đó, đến tăng trưởng và phát triển kinh tế. Trong dài hạn, già hóa dân số tạo ra các tác động đa chiều, nhiều lĩnh vực từ kinh tế đến an sinh xã hội và cả văn hóa. So với nhiều nước trên thế giới, già hóa dân số ở nước ta gây ra nhiều thách thức cần phải giải quyết: Suy giảm năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế. Tăng nhanh dân số già đồng nghĩa với suy giảm tăng trưởng lực lượng lao động, dẫn đến giảm tăng trưởng vốn, kìm hãm tăng năng suất lao động, nhất là năng suất các nhân tố tổng hợp; Đảm bảo thu nhập cho NCT, sự gia tăng nghèo và bất bình đẳng trong xã hội; Sức ép đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe cho NCT và hệ thống y tế; Sức ép đối với tài chính công với những áp lực về đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho NCT (chi phí trung bình để chăm sóc sức khỏe cho một NCT bằng 7-8 lần chi phí trung bình chăm sóc sức khỏe cho một người trẻ tuổi) và lương hưu, trợ cấp cho NCT, chi tiêu công sẽ buộc phải tăng lên; Những thách thức về xã hội như đảm bảo đời sống văn hóa và tinh thần cho NCT, điều chỉnh thị trường lao động-việc làm, giải quyết mâu thuẫn và xung đột thể hệ trong thời kỳ dân số già...

## Dự báo dân số theo nhóm tuổi, 1990-2050



Nguồn: Theo Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

Thực tế cho thấy, NCT ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay vẫn chủ yếu là lớp người thuộc thời kỳ chiến tranh, sống ở nông thôn, nghèo khó nên sức khỏe yếu, đời sống nhìn chung còn nhiều khó khăn, bất cập. Những vấn đề rất đáng quan tâm đối với NCT ở Việt Nam hiện nay, đó là:

- Sức khỏe NCT yếu và có nhiều vấn đề cần giải quyết. Mặc dù có tuổi thọ trung bình khá cao nhưng tuổi thọ khỏe mạnh của NCT ở nước ta (giai đoạn sống tích cực) lại khá thấp (chỉ khoảng 64 tuổi); đặc biệt, có 67,2% NCT có tình trạng sức khỏe yếu và rất yếu, nhiều người mắc bệnh nan y... Khoảng 95% NCT có bệnh, chủ yếu là bệnh mãn tính không lây truyền, trung bình một NCT Việt Nam mắc 3 bệnh. Hệ thống chăm sóc sức khỏe, nhất là chăm sóc chuyên khoa cho NCT chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của NCT. Nguồn vốn ngân sách nhà nước vốn đã eo hẹp của nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi không thể đáp ứng nhu cầu đầu tư cho công tác chăm sóc y tế cho NCT. [1].

- Hệ thống an sinh xã hội cũng chưa đáp ứng được nhu cầu của NCT; chưa có hệ thống chăm sóc dài hạn và hệ thống cung ứng việc làm cũng như chăm sóc sức khỏe dài hạn cho NCT. Chỉ có khoảng 60% NCT có thẻ bảo hiểm y tế. Thu nhập của NCT thấp, không ổn định, sống phụ thuộc vào con, cháu, người thân. Phần lớn NCT không có bảo hiểm xã hội. Số NCT được hưởng lương hưu, trợ cấp xã hội rất thấp nên nhiều NCT sức khỏe kém vẫn phải tự lao động và kiếm sống hàng ngày. Tỷ lệ người nghèo ở NCT là 23,5%.

- Một bộ phận xã hội còn có quan niệm sai lệch về NCT; vai trò của các tổ chức dân sự, đoàn thể, cá nhân chưa thực sự được phát huy... cũng là những khó khăn, thách thức đối với chất lượng sống của NCT [4].

### 4. Một số giải pháp để Việt Nam thích ứng với già hóa dân số

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng dự báo “Xu hướng già hóa dân số nhanh” là một trong những thách thức lớn mà Việt Nam phải giải quyết; trong thời gian tới cần “Chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số”.

Quán triệt quan điểm và định hướng trong Văn kiện Đại hội XIII, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong thời gian tới cần phải tính đến những nhiệm vụ, giải pháp, điều kiện thích ứng với dân số già, chuẩn bị cho một xã hội có dân số già cả về phương diện chính sách, luật pháp, cơ sở vật chất, kỹ thuật và tâm lý xã hội. Do đó, cần coi trọng và thực hiện những giải pháp cụ thể sau đây:

*Thứ nhất*, về quan điểm, cần nhìn nhận NCT, nhóm dân số già có vai trò, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là chỗ dựa cho các thế hệ trẻ, thay vì nhìn nhận chỉ như các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội.

*Thứ hai*, đặt già hóa dân số là một trong những vấn đề ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Già hóa dân số đặt ra cả cơ hội và thách thức đối với tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội. Vì vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề già hóa dân số cần phải có vai trò tương xứng với những ảnh hưởng của vấn đề này đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

*Thứ ba*, tận dụng cơ hội, chuyển hóa thách thức từ già hóa dân số. Già hóa dân số đang trở thành xu hướng chung không chỉ tại Việt Nam mà còn trên toàn cầu. Do vậy, trong phát triển kinh tế - xã hội cần tính đến cả thời cơ và thách thức mà già hóa dân số mang lại. Trong đó, giải quyết vấn đề già hóa dân số theo quan điểm thuận thiên, để chung sống hài hòa với già hóa dân số.

*Thứ tư*, đảm bảo thu nhập cho NCT. Khuyến khích tạo việc làm phù hợp cho NCT, để NCT vừa có thu nhập cải thiện đời sống, vừa được chăm sóc y tế khi bệnh tật, ốm đau, bảo đảm chất lượng sống cho NCT. Cần xây dựng một hệ thống quỹ hưu trí vững mạnh, giúp NCT an tâm với mức sống khi đến tuổi nghỉ hưu. Đồng thời, đầu tư cho một hệ thống lương hưu nhằm đem lại sự độc lập về kinh tế và giảm nghèo cho người cao tuổi.

*Thứ năm*, hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe NCT, mở rộng, nâng cao năng lực chăm sóc, khám chữa bệnh cho NCT, xây dựng môi trường sống thân thiện với NCT. Cần hướng tới sự phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến để quá trình già hóa dân số diễn ra một cách năng động, với sự đảm bảo sức khỏe, và sự đóng góp tích cực cho xã hội của NCT. Đồng thời, tăng cường đào tạo cán bộ chăm sóc và cán bộ chuyên môn y tế trong công tác chăm sóc NCT. Thêm vào đó, cần phải có sự hỗ trợ hơn nữa cho những người chăm sóc NCT bao gồm các thành viên trong gia đình, các cán bộ cộng đồng.

*Thứ sáu*, xã hội hóa, huy động các nguồn lực đa dạng để đáp ứng nhu cầu của sự già hóa dân số. Nhu cầu của nhóm dân số già sẽ đem đến các cơ hội như hình thành các thị trường mới và để chuyển hóa các thách thức mà già hóa dân số mang lại, việc xã hội hóa và huy động tối đa các nguồn lực đóng vai trò quan trọng để giải quyết và khai thác hiệu quả vấn đề già hóa dân số [5].

## **5. Phát huy vai trò của nhân viên xã hội đối với chăm sóc NCT nhằm thích ứng nhu cầu xã hội**

Tốc độ già hóa dân số nhanh sẽ phát sinh rất nhiều các vấn đề. Trước hết, dân số già sẽ đi đôi với việc chi tiêu nhiều hơn cho chăm sóc sức khỏe, hưu trí, trợ cấp, an sinh xã hội, trong khi thời gian để Việt Nam chuẩn bị thích ứng với dân số già ngắn hơn nhiều so với các nước khác, dẫn đến mức tích lũy của quốc gia không đáp ứng kịp nhu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, đa phần NCT không có tích lũy vật chất, 70% vẫn phải làm việc kiếm sống, trong khi NCT rất dễ bị tổn thương với những rủi ro kinh tế, xã hội khi con cái không có việc làm và cuộc sống ổn định. Ngoài ra, cơ cấu và mô hình bệnh tật NCT nước ta hiện nay đang thay đổi theo xu hướng bệnh không lây nhiễm, các bệnh mãn tính như các bệnh về xương khớp, hô hấp, tim mạch, cao huyết áp, đột quỵ, tiểu đường, rối loạn chuyển hóa... tăng nhanh, dẫn đến chi phí chăm sóc y tế rất cao và tất yếu tạo thêm áp lực quá tải cho các bệnh viện vốn chưa được giải quyết dứt điểm. Những vấn đề này đòi hỏi cần phải xây dựng những chính sách phù hợp cho NCT để đối phó với việc dân số già hóa nhanh hơn dự báo đồng thời tận dụng tốt vai trò của đội ngũ nhân viên công tác xã hội tại Việt Nam ta, cụ thể cần tập trung thực hiện tốt các vai trò sau đây:

Thứ nhất làm tốt hơn nữa vai trò người cung cấp dịch vụ:

Nhân viên CTXH có thể thực hiện trực tiếp dịch vụ như: Tham vấn, tư vấn cho NCT, quản lý trường hợp, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe trực tiếp, có thể tổ chức các hoạt động cho NCT tại cộng đồng, trong các nhóm tại trung tâm như: nhóm vui chơi giải trí, nhóm học tập chia sẻ, nhóm trị liệu; tổ chức các chương trình, dự án liên quan đến chăm sóc, bảo vệ NCT.

Thứ hai, phát huy tối đa, hiệu quả vai trò Người điều phối – kết nối dịch vụ:

Nhân viên CTXH cần tìm kiếm những nguồn lực, dịch vụ bên ngoài xã hội từ đó điều phối, kết nối NCT đến những dịch vụ phù hợp. Trong quá trình sử dụng dịch vụ nhân viên CTXH tiếp tục theo dõi, giám sát đảm bảo NCT có được dịch vụ chất lượng và vận dụng nguồn lực để

hỗ trợ vật chất khi cần thiết. Ví dụ: Giới thiệu tình nguyện viên, người làm theo giờ giúp NCT tại nhà về chia sẻ, nói chuyện, chăm sóc sức khỏe tại nhà, vệ sinh cá nhân, chăm sóc dinh dưỡng.

Thứ ba, đổi mới phương pháp, cách làm đối với vai trò là Người giáo dục – truyền thông:

Nhân viên CTXH thực hiện vai trò truyền thông giáo dục để cung cấp kiến thức về tâm lý và đặc điểm của NCT và những kỹ năng ứng xử với các thành viên trong gia đình và xã hội hay phòng ngừa các bệnh NCT thường gặp, tạo ra môi trường thuận lợi cho NCT hòa nhập với gia đình và cộng đồng. Cần suy nghĩ những cách làm hay, những mô hình lạ mang lại sự trực quan và hiệu quả hơn trong công tác truyền thông, giáo dục cho NCT.

Thứ tư, quan tâm đến vai trò biện hộ bệnh vực quyền lợi ích hợp pháp chính đáng của NCT: Nhân viên CTXH cần quan tâm, có những biện pháp can thiệp kịp thời khi NCT gặp khó khăn cần biện hộ, hỗ trợ về mặt pháp lý, về những quyền và lợi ích chính đáng mà họ đáng được nhận, có như vậy mới phát huy hiệu quả tính Biện hộ của nhân viên xã hội. Mặt khác biện hộ còn bao gồm việc phản ánh tiếng nói của NCT lên các cơ quan hoạch định chính sách để xây dựng những chính sách phù hợp, trợ giúp NCT một cách thiết thực hơn, những nhân viên xã hội cơ sở khi làm trực tiếp với đối tượng nếu phát hiện những thiếu sót, hạn chế của chính sách thì mạnh dạng kiến nghị đề xuất thay đổi chính sách.

Thứ năm, tập trung làm tốt vai trò người tạo khả năng. Trọng tâm nghề nghiệp của công tác xã hội hướng đến việc trợ giúp các đối tượng khai thác những tiềm năng của bản thân để tự lực vươn lên, giải quyết các vấn đề cụ thể của bản thân. NVXH không làm hộ, làm thay thân chủ mà chỉ giúp thân chủ nhận thức được những khả năng của mình, phát huy những khả năng đó để giải quyết vấn đề của mình.

Đối với NCT, NVXH cần giúp họ nhận thấy các khả năng của mình: chuyên môn, kinh nghiệm sống, sức khỏe, tay nghề... Cần động viên, cổ vũ để NCT tin tưởng vào bản thân mình, tin tưởng rằng mình vẫn còn hữu ích với gia đình, xã hội từ đó thúc đẩy NCT hoạt động để tiếp tục đóng góp cho gia đình, xã hội. Qua những hoạt động đó, NCT không những giải quyết được các vấn đề của bản thân mà còn có thể góp sức vào sự phát triển của gia đình, xã hội. NCT có quá trình lao động lâu dài vì thế kinh nghiệm thực tế của họ là rất phong phú và rất có giá trị.

Sau khi về hưu, không được tiếp tục cống hiến, họ trở nên chán nản và coi mình là người bỏ đi từ đó gây ra nhiều vấn đề nhất là các vấn đề tâm lý cho bản thân. Đồng thời, việc không nhận thức và khai thác những kiến thức và kinh nghiệm của NCT là sự lãng phí rất lớn của xã hội. Do đó, nhân viên xã hội cần giúp NCT nhận thức được giá trị của mình để họ tiếp tục lao động với cách thức phù hợp. Thông qua lao động, các vấn đề của NCT: tâm sinh lý, thu nhập, quan hệ... sẽ được giải quyết. Thêm vào đó, khi huy động được NCT vào đội ngũ lao động, xã hội sẽ có thêm nguồn kinh nghiệm và trí thức quý giá để phát triển nhanh hơn và bền vững hơn.

Thứ sáu, không quên thực hiện tốt vai trò người giáo dục. NCT phải đối mặt với rất nhiều những thay đổi về tâm sinh lý cũng như các chức năng xã hội. Do đó để thích ứng với cuộc sống, NCT cần phải có thêm nhiều kiến thức, kỹ năng về chế độ dinh dưỡng, chăm sóc bản thân, các kỹ năng xã hội... NVXH hỗ trợ những NCT những kiến thức và kỹ năng đó thông qua vai trò là người giáo dục. Hình thức giáo dục có thể qua việc cung cấp tài liệu, các lớp tập huấn, hoặc được lồng ghép trong tiến trình trợ giúp. Thông qua giáo dục, nhân viên xã hội sẽ giúp NCT có thêm những kiến thức, kỹ năng để phòng ngừa, chữa trị, phục hồi hay cũng như phát triển các chức năng xã hội phù hợp. Việc cung cấp cho NCT những kiến thức, kỹ năng chăm sóc bản thân như chế độ dinh dưỡng, các hoạt động thể chất, các cách thức phòng bệnh, chữa bệnh... khoa học và phù hợp sẽ giúp NCT có cuộc sống mạnh khỏe và an toàn hơn. Không chỉ quan tâm đến cá nhân NCT, công tác xã hội còn hướng đến giáo dục, tham vấn cho gia đình NCT. NVXH cung cấp thông tin, hướng dẫn cụ thể, tham vấn cho gia đình NCT những cách thức chăm sóc, ứng xử với NCT... Cung cấp những kiến thức, hiểu biết về đặc điểm tâm sinh lý, xã hội, những nhu cầu... của NCT để gia đình chăm sóc, hỗ trợ NCT tốt hơn.

Thứ bảy, thường xuyên đánh giá và giám sát hoạt động can thiệp. Nhân viên xã hội là người trực tiếp đánh giá, chẩn đoán những vấn đề của NCT trong cuộc sống hàng ngày của họ. Những vấn đề của NCT rất đa dạng: Có thể là về sinh lý, tâm lý, lao động - thu nhập hay các vấn đề về quan hệ xã hội. Bước sang giai đoạn cuối của cuộc đời, do sự suy giảm hoạt động

và sự già hóa của các cơ quan, hệ thống sinh học mà người già phải đối mặt với nhiều bệnh tật: Tai biến mạch máu não do huyết áp cao, bệnh về tim mạch, hô hấp... tâm lý của NCT cũng có nhiều nét đặc biệt nhất là trong việc suy nghĩ và đối phó với cái chết. Nhiều người luôn suy nghĩ về cái chết và muốn chuẩn bị hậu sự cho mình, một số khác lại sợ hãi và tránh nói về cái chết. Cái chết của những bạn bè, những người thân thiết của NCT gây ra rất nhiều vấn đề tâm lý. Nếu người chết là bạn bè, sẽ hình thành nên sự trầm cảm, lo lắng mình sẽ là người tiếp theo; nếu người chết là người bạn đời sẽ gây cho NCT cảm giác chán nản thậm chí là không muốn sống, muốn “chết theo” bạn đời của mình... Do đó, nhân viên xã hội phải có vai trò chẩn đoán, đánh giá về các vấn đề, về các yếu tố nguy cơ đòi hỏi sự can thiệp: tự vẫn, cô lập bản thân, thiếu môi trường an toàn, thiếu sự trợ giúp.

Trong tiến trình trợ giúp NCT, nhân viên xã hội thực hiện việc đánh giá và giám sát các hoạt động của người cao quả, kết quả của tiến trình. Sự đánh giá và giám sát của nhân viên xã hội một cách thường xuyên, liên tục sẽ góp phần vào việc phát hiện sớm, nâng cao hiệu quả can thiệp... trong công tác xã hội với NCT.

Trong tiến trình công tác xã hội với NCT, tùy vào điều kiện thực tế cũng như những vấn đề cụ thể ở NCT mà các vai trò của NVXH thực hiện có sự khác biệt. NVXH thông qua việc thực hiện các vai trò cụ thể của mình để hướng đến mục tiêu phòng ngừa, chữa trị, phục hồi và phát triển cho NCT [1].

## **6. Kết luận**

Với đặc thù là nghề trợ giúp xã hội, công tác xã hội hướng trọng tâm nghề nghiệp đến việc giúp đỡ các cá nhân, nhóm, cộng đồng phục hồi, phát triển các chức năng và đạt được những giá trị phù hợp trong xã hội. Các chức năng của công tác xã hội được thực hiện thông qua việc thực hiện các vai trò của nhân viên công tác xã hội trong tiến trình làm việc với các thân chủ. NCT trở thành một đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương và cần sự hỗ trợ của công tác xã hội. Trong quá trình trợ giúp NCT, tùy vào môi trường hợp thực tế mà bản thân nhân viên CTXH luôn có những vai trò khác nhau. Đôi khi các vai trò lồng vào nhau thông qua việc hỗ trợ NCT thực hiện các vai trò cụ thể của mình để hướng đến mục tiêu phòng ngừa, chữa trị và phát triển cho NCT. Với phương pháp hỗ trợ này, NCT sẽ có cảm giác được coi trọng và chủ động trong quá trình lao động, học tập, giáo dục thể hệ trẻ phát triển, đạt được nhiều thành tựu hơn. Nhân viên xã hội còn kết nối NCT tiếp cận với các dịch vụ, chính sách hỗ trợ, các nguồn lực trợ giúp phúc lợi từ các tổ chức trong và ngoài Nhà nước. Trong quá trình kết nối nguồn lực, NCT và người thân của họ được trao quyền, tăng cường sự tham gia của mình trong việc tìm kiếm thông tin, nâng cao năng lực của bản thân ứng phó với những chuyển biến của cơ thể NCT để có thể chăm sóc được tốt hơn và nhanh chóng thích ứng với những biến đổi đó. Không những thế, nhân viên CTXH luôn luôn phải đặt họ trong tổng thể các môi trường sinh thái mà họ chịu sự tác động, ảnh hưởng để từ đó huy động tối đa sự hỗ trợ từ gia đình, cộng đồng và xã hội.

## **Tài liệu tham khảo**

[1]. Trần Văn Luận, Dương Văn Khánh (2020), *Bài giảng Công tác xã hội với NCT*, Khoa Văn hoá du lịch và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp.

[2]. Đỗ Văn Quân (2021), *Giải pháp thích ứng với già hóa dân số nhanh ở Việt Nam*, Viện Xã hội học và phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

[3]. Trương Thị Ngọc Lan – Phạm Thị Giang (2020), *Quỹ Dân số Liên hiệp quốc (UNFPA). Già hóa dân số và NCT ở Việt Nam – Thực trạng, dự báo và các khuyến nghị chính sách* (Hà Nội, 2011). *Quỹ dân số Liên hiệp quốc và Ủy ban quốc gia NCT. Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số* (Hà Nội, 2019), Cơ quan nghiên cứu và ngôn luận của học viện hành chính Quốc gia.

[4]. Lê Hồng Hạnh (2021), *Hoạch định chính sách dân số thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam*, Học viện Hành chính Quốc gia.

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG NGHÈO

SV: Lê Tường Vi – Lớp ĐHCCTXH20A  
GVHD: ThS. Nguyễn Thị Bích Hưng

## Tóm tắt

Bài viết trình bày những khái niệm liên quan đến nghèo, phân tích những đặc điểm của cộng đồng nghèo và một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo của cộng đồng. Trên cơ sở đó, đề xuất một số vai trò của nhân viên công tác xã hội cần phải đảm nhiệm trong công tác phát triển cộng đồng nghèo.

**Từ khoá:** Vai trò; Nhân viên công tác xã hội; Cộng đồng nghèo.

### 1. Đặt vấn đề

Lý luận Mác - Lê Nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “*Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*”, “*Đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần, dân liệu vẫn xong*”. Điều này đã được lịch sử cách mạng dân chủ nhân dân, cách mạng giải phóng dân tộc của nhiều nước trên thế giới khẳng định. Ở Việt Nam, sự nghiệp dựng nước và giữ nước suốt chiều dài lịch sử bốn ngàn năm cũng đã chứng minh được chân lý đó. Tuy nhiên, một mặt, tiếp tục thúc đẩy vai trò của quần chúng, xứng đáng với vai trò của họ, mặt khác, nâng cao năng lực của quần chúng để họ đảm đương được sứ mạng của mình trong bối cảnh mới không chỉ cần thiết phải thay đổi tư duy mà còn cần tới những cách tiếp cận mới, trong đó, phát triển cộng đồng là một trong những phương pháp tiếp cận nâng cao năng lực và phát huy năng lực của người dân. Phương pháp này đã được sử dụng ở một số nước phát triển cũng như đang phát triển, được các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Trong tiến trình phát triển cộng đồng có vai trò “xúc tác” quan trọng của nhân viên xã hội/tác viên cộng đồng, những người được đào tạo, có kiến thức, kỹ năng và sẵn sàng công hiến sức trẻ của mình cho sự nghiệp phát triển cộng đồng. Phát triển cộng đồng là một phương pháp thực hành công tác xã hội cấp vĩ mô đã được triển khai phổ biến ở Việt Nam. Bài viết khái quát cơ sở lý luận của cộng đồng nghèo, từ đó đề xuất những vai trò mà nhân viên công tác xã hội cần thiết phải thực hiện để phát triển cộng đồng nghèo, nhất là phát huy được nội lực của người dân để cộng đồng phát triển một cách bền vững.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Khái niệm và đặc điểm của cộng đồng nghèo

##### 2.1.1. Khái niệm

- Cộng đồng: Cộng đồng được khái niệm chung nhất là: “*Một cơ thể sống/cơ quan, tổ chức nơi sinh sống và tương tác giữa cái này với cái khác*”. Cộng đồng người có tính đa dạng, tính phức tạp hơn nhiều so với các cộng đồng sinh vật khác. Theo quan niệm Mác-xít, cộng đồng là mối quan hệ qua lại giữa các cá nhân, được quyết định bởi sự đồng hóa lợi ích giống nhau của các thành viên về điều kiện tồn tại và hoạt động của những người hợp thành cộng đồng đó, bao gồm các hoạt động sản xuất vật chất và các hoạt động khác của họ, sự gắn gũi các cá nhân về tư tưởng, tín ngưỡng, hệ giá trị chuẩn mực cũng như các quan niệm chủ quan của họ về các mục tiêu và phương tiện hoạt động [1].

- Nghèo: Là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có điều kiện thoả mãn một phần những nhu cầu tối thiểu cơ bản của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng xét trên mọi phương diện [2].

- Nghèo đa chiều: Vấn đề nghèo đa chiều có thể đo bằng tiêu chí thu nhập và các tiêu chí phi thu nhập. Sự thiếu hụt cơ hội, đi kèm với tình trạng suy dinh dưỡng, thất học, bệnh tật, bất hạnh và tuyệt vọng là những nội dung được quan tâm trong khái niệm nghèo đa chiều. Thiếu đi sự tham gia và tiếng nói về kinh tế, xã hội hay chính trị sẽ đẩy các cá nhân đến tình trạng bị loại trừ, không được thụ hưởng các lợi ích phát triển kinh tế - xã hội và do vậy bị tước đi các quyền con người cơ bản.

- Nghèo tương đối: Là tình trạng một bộ phận dân cư sống dưới mức trung bình của cộng đồng.

+ Theo khía cạnh kinh tế: Nghèo là do sự thiếu lựa chọn dẫn đến cùng cực và thiếu năng lực tham gia vào đời sống kinh tế xã hội của quốc gia, chủ yếu là trong lĩnh vực kinh tế.

+ Theo khía cạnh khác: Nghèo là sự phản ánh trình độ phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn lịch sử, trong phạm vi một quốc gia, một khu vực, một vùng.

- Nghèo tuyệt đối: Là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế và phong tục tập quán của địa phương.

Tóm lại, Cộng đồng nghèo thường gắn liền với các đặc điểm: Cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội thiếu hoặc yếu kém; kinh tế không phát triển; nhu cầu cơ bản của người dân chưa được đáp ứng đầy đủ; thiếu cơ hội tiếp cận khoa học – kỹ thuật, tâm lý thiếu tự tin hoặc trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước và không được tham gia vào các quá trình ra quyết định.

### *2.1.2. Đặc điểm của cộng đồng nghèo*

Trên thực tế, người nghèo thường thiếu cơ hội việc làm, cơ hội học tập, không được tiếp cận với các thành tựu khoa học kỹ thuật, có tâm lý tự ti, ngại giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội. Cũng chính vì lẽ đó, người nghèo lại càng nghèo hơn. Dưới đây là một số đặc điểm đặc trưng của cộng đồng nghèo:

- *Cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội thiếu hoặc yếu kém*

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đa số còn nhỏ, chưa đồng bộ và chưa tạo được kết nối liên hoàn. Mạng lưới thông tin còn ở mức độ thấp, mới chỉ tập trung ở đô thị. Mạng cáp nội hạt quá cũ, bố trí cáp treo thiếu quy hoạch, kém an toàn và mất mỹ quan. Thiết bị chưa đồng bộ, tồn tại nhiều hệ khác nhau, chưa phát triển nhiều dạng thông tin, giá cả còn mang tính độc quyền; Hệ thống cung cấp điện chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, chưa phủ rộng toàn diện; Hệ thống cấp nước sạch không cung ứng đầy đủ cho người dân, nhiều hộ thiếu nước sạch, trì trệ trong việc đưa nước sạch đến cho người dân sử dụng.

- *Kinh tế không phát triển*

Về nông nghiệp: Sản xuất nông nghiệp với cơ cấu ngành trồng trọt, chăn nuôi áp dụng kỹ thuật canh tác lạc hậu, sản lượng không đáp ứng được nhu cầu.

Về công nghiệp: Thiếu lao động chuyên môn kỹ thuật, cơ sở vật chất thiếu thốn, thiếu vốn nghiêm trọng, không áp dụng được những thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất,... Các loại dịch vụ như dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ sản xuất, dịch vụ cộng đồng,... còn yếu kém, không chăm sóc tốt cho người dân.

- *Nhu cầu cơ bản của người dân chưa được đáp ứng*

Nhu cầu cơ bản liên quan đến các yếu tố sinh lý của con người như mong muốn có đủ thức ăn, nước uống, được ngủ nghỉ,... Những nhu cầu cơ bản này đều là các nhu cầu không thể thiếu hụt vì nếu con người không được đáp ứng đủ những nhu cầu này, họ sẽ không tồn tại được nên sẽ đấu tranh để có được và tồn tại trong cuộc sống hàng ngày. Với một người bất kỳ, nếu thiếu ăn, thiếu uống,... họ sẽ không quan tâm đến các nhu cầu về vẻ đẹp, sự tôn trọng,... Tuy nhiên, tùy theo nhận thức, kiến thức, hoàn cảnh, thứ bậc các nhu cầu cơ bản có thể đảo lộn.

Thế nhưng, những nhu cầu cơ bản ấy lại khó được thực hiện trong các cộng đồng nghèo, họ thiếu các điều kiện đảm bảo các nhu cầu tối thiểu của con người về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành và chăm sóc sức khỏe, có những hộ thiếu ăn, thiếu cả nước sạch để sử dụng cho sinh hoạt hằng ngày, thậm chí có những trường hợp họ trở thành những người vô gia cư, sống bám vào việc xin ăn hoặc lao động chân tay một cách nặng nhọc, thiếu đi sự quan tâm của xã hội và Nhà nước.

- *Thiếu cơ hội tiếp cận khoa học kỹ thuật*

Đối với những người trong cộng đồng nghèo, họ không có cơ hội tiếp cận với khoa học kỹ thuật, học vấn ít cũng là một trở ngại để họ có thể tiếp cận được. Kinh tế không phát triển cũng kéo theo việc không tiếp cận khoa học kỹ thuật.

### *2.2. Nguyên nhân tác động đến tình trạng nghèo của cộng đồng*

Nguyên nhân của sự nghèo đói rất đa dạng, bao gồm các yếu tố khách quan và chủ quan. Các nguyên nhân này thường thể hiện ra bên ngoài như là đặc điểm của hộ gia đình và người ta dùng chúng để xác định một hộ hay một cá nhân là nghèo hay không. Có thể chia các nguyên nhân này thành các nhóm yếu tố thuộc vùng địa lý, cộng đồng, hộ gia đình và cá nhân [3].

*- Các nguyên nhân do điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội*

Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt: Mức độ nghèo đói thường có quan hệ mật thiết với điều kiện địa lý tự nhiên. Ở các vùng địa lý cách biệt, có rất ít tài nguyên cơ bản như đất, nước, ít mưa cùng với các điều kiện khí hậu khắc nghiệt khác. Chẳng hạn, Bangladesh với nền kinh tế tăng trưởng chậm vì đất nước phải chịu nhiều thiệt hại từ nhiều cơn lũ hàng năm. Ở Campuchia, sự cách biệt của các vùng nông thôn đã khiến nhiều người càng nghèo hơn. Những vùng chịu ảnh hưởng bởi các điều kiện địa lý, thiên tai như vậy, mọi thứ đều thiếu thốn hoặc ở trong tình trạng rất tệ, từ các dịch vụ công cộng thiết yếu như điện, nước, y tế,... Tất cả những đặc điểm này đã phần nào gây ra tình trạng nghèo khổ của người dân nông thôn.

Bên cạnh đó, trình độ dân trí thấp, nhiều phong tục tập quán lạc hậu, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, tỉ lệ tăng dân số còn cao; Do sự cách biệt, cô lập với tình hình phát triển chung như đường giao thông, phương tiện thông tin, tiến bộ khoa học kỹ thuật, phúc lợi xã hội, không nói được ngôn ngữ chung của đất nước,...[4]

*- Các chính sách của Nhà nước*

Một yếu tố quan trọng nữa trong yếu tố vùng ảnh hưởng đến nghèo đói đó là khả năng quản lý của Nhà nước và chính quyền địa phương. Điều này tùy thuộc vào chính sách tăng trưởng kinh tế, hệ thống pháp luật công bằng, hiệu quả, an ninh trong khu vực và toàn cầu. Các cải cách thị trường có thể thúc đẩy tăng trưởng và trợ giúp người nghèo nhưng chúng cũng có thể gây ra những sai lệch không mong đợi.

Những tác động của chính sách vĩ mô đến người nghèo chưa hợp lý, tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn còn thấp. Việc phân chia lợi ích của tăng trưởng kinh tế trong các nhóm dân cư chưa hợp lý. Thông thường, người giàu hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế nhiều hơn những người nghèo và như vậy đã làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo giữa giàu và nghèo, người giàu càng giàu và người nghèo thì càng nghèo.

Khả năng của chính phủ và chính quyền địa phương còn thể hiện ở khả năng cung cấp cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công. Cơ sở hạ tầng càng tốt thì người dân trong vùng có nhiều cơ hội phát triển do điều kiện kinh doanh thuận lợi và tiếp cận thị trường dễ dàng.

*- Các nguyên nhân từ cộng đồng*

Định chế và các quan hệ xã hội: nhiều nghiên cứu cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của mạng lưới xã hội và các định chế, cũng như nguồn vốn xã hội trong cộng đồng. Cùng với việc dỡ bỏ các rào cản xã hội, những nỗ lực giảm nghèo hiệu quả cần những nỗ lực bổ sung để hình thành và mở rộng các định chế xã hội cho người nghèo. Đó là các mối quan hệ họ hàng, các tổ chức địa phương và mạng lưới của người nghèo. Tất cả có thể xem như là một dạng của vốn xã hội.

Sự cách biệt với xã hội: Cách biệt với xã hội thể hiện ở hai mặt là quan hệ xã hội và khoảng cách địa lý. Trong mỗi quan hệ xã hội, hộ nào có được mối quan hệ tốt hơn với những người xung quanh thì có thể được giúp đỡ, hỗ trợ trong những thời điểm khó khăn. Điều này càng có ý nghĩa đặc biệt với những hộ ở vùng sâu vùng xa, nơi mà những hỗ trợ chính thức từ chính quyền thường đến rất chậm. Cách biệt về địa lý làm cho các hộ hạn chế giao lưu với thế giới bên ngoài và hầu như không có điều kiện để tiếp xúc những kỹ thuật, công nghệ hay thông tin mới.

Sự bất bình đẳng giữa các dân tộc: Sự bất bình đẳng giữa các chủng tộc cũng là nguyên nhân của nghèo đói. Đa phần các nhóm dân tộc thiểu số đều phải chấp nhận sự bất công từ nơi sống cô lập, hạn chế khả năng tiếp cận các nguồn lực sản xuất. Ngoài ra họ còn phải đối mặt với những khác biệt về văn hoá, ngôn ngữ hay định kiến của các nhóm dân tộc chiếm đa số. Tất cả những điều này dẫn đến sự nghèo đói trở nên nghiêm trọng hơn.

*- Các nguyên nhân về mặt nhân khẩu học*

Tỷ lệ phụ thuộc là tỷ số người không tham gia lao động trong hộ với số người có tham gia lao động (kể cả người già hay trẻ). Tỷ lệ phụ thuộc còn đồng nghĩa với việc có nhiều người không lao động nhưng lại có ít lao động hơn. Điều này khiến các thành viên có lao động phải chịu gánh nặng ngân sách gia đình lớn. Trong trường hợp thu nhập từ lao động không bù đắp được chi phí, các hộ gia đình có khả năng rơi vào vòng đói nghèo. Do đó, người ta thường cho rằng tỷ lệ phụ thuộc trong một hộ tỷ lệ thuận với khả năng và mức độ nghèo của chính hộ đó.



Giới tính: Ở các nước đang phát triển, nơi mà những thành kiến xã hội về vai trò của người phụ nữ vẫn còn khắt khe thì giới tính của người trụ cột trong gia đình cũng có ảnh hưởng quan trọng đến khả năng nghèo đói của hộ. Thực tế, nữ giới phải gặp nhiều khó khăn và dễ rơi vào cảnh nghèo hơn so với một hộ có nam giới làm chủ hộ. Bởi vì họ phải đóng vai trò là lực lượng sản xuất quan trọng trong gia đình và cả trong việc quản lý tài chính gia đình nhưng họ phải đối mặt với sự phân biệt đối xử. Đặc biệt phụ nữ phải gặp rất nhiều khó khăn trong những vấn đề mang tính pháp lý như việc sang tên sử dụng đất, bị hạn chế tiếp cận các nguồn lực tín dụng.

- *Nguyên nhân từ chính những người nghèo*

Trình độ dân trí thấp, nhiều phong tục tập quán lạc hậu, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, tỉ lệ tăng dân số còn cao.

Khả năng đối phó và khắc phục rủi ro này của người nghèo rất kém do nguồn thu nhập thấp, bấp bênh và khả năng tích lũy kém nên họ khó có khả năng chống chọi với những biến cố xảy ra trong cuộc sống (mất mùa, thiên tai, mất nguồn lao động, mất sức khỏe,...). Với năng lực kinh tế mong manh của các hộ gia đình nghèo trong khu vực nông thôn, những đột biến này sẽ tạo ra những bất ổn trong cuộc sống của họ và tất nhiên người nghèo thì càng nghèo hơn.

Đối với những hộ gia đình nghèo hoặc khó khăn, nhà nước có những chính sách khuyến khích họ thoát nghèo, cũng có những trợ giúp đáng kể. Thế nhưng, họ sợ thất bại, sợ vấp ngã nên đành trông chờ vào sự chu cấp từ Nhà nước hàng tháng. Do tâm lý thiếu tự tin và luôn ỷ lại vào Nhà nước dẫn đến việc họ nghèo lại càng nghèo hơn.

### **2.3. Một số vai trò của nhân viên công tác xã hội trong công tác phát triển cộng đồng nghèo**

Thông qua việc tìm hiểu khái quát cộng đồng nghèo, tôi xin kiến nghị một số vai trò mà nhân viên công tác xã hội đảm nhiệm trong công tác phát triển cộng đồng nghèo:

- Nhân viên xã hội đi vào cộng đồng để xác định vấn đề của cộng đồng để đưa ra những kế hoạch trợ giúp, theo dõi, giới thiệu chuyển giao những dịch vụ cần thiết cho các nhóm đối tượng trong cộng đồng. Nhân viên công tác xã hội, cần phải hòa nhập với cộng đồng, sau đó, tập hợp người dân lại, để lấy ý kiến, cũng như là tìm hiểu nhu cầu bức xúc của người dân.

- Tổ chức các buổi lấy ý kiến, tâm tư của người dân trong cộng đồng, vận động họ đưa ra ý kiến, tham gia vào việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng. Cần khuyến khích, cho người dân cùng thảo luận để đưa ra quyết định chung rồi mới thực hiện kế hoạch.

- Nhân viên công tác xã hội cần tìm hiểu, thu thập thông tin về những điểm mạnh, điểm yếu, những vấn đề đang cần giải quyết của cộng đồng thông qua chính quyền và người dân địa phương để đưa ra những giải pháp thích hợp để giải quyết những vấn đề cộng đồng mắc phải.

- Nhân viên xã hội khi này thực hiện quản lý các hoạt động, các chương trình, lên kế hoạch và triển khai kế hoạch cộng đồng. Trợ giúp xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển cộng đồng nghèo. Nhân viên xã hội tham gia vào các hoạt động phát triển cộng đồng để tạo nên sự thay đổi về đời sống cũng như tư duy của người dân trong cộng đồng nghèo.

- Người nhân viên xã với vai trò là người vận động nguồn lực chúng ta có thể: Kêu gọi các nguồn đầu tư, các nhà chuyên về xây dựng, thông qua các trang báo đài, thông các loa phát thanh, nhằm mục đích cụ thể hóa các dự án, và xây dựng các cơ sở hạ tầng, để giải quyết vấn đề thiếu việc làm. Vận động các nguồn lực giúp cho các người dân trong cộng đồng được giáo dục chu đáo.

- Thông qua việc liên hệ với các chuyên gia, đoàn thể, các tổ chức để liên kết với cộng đồng nhằm giải quyết các vấn đề một cách tốt nhất, tận dụng các nguồn tài nguyên sẵn có để cho người dân tận dụng phát triển kinh tế, giúp cho các gia đình xây dựng được gia đình văn hóa, lành mạnh, và các điểm sáng văn hóa trong cộng đồng, thực hiện vai trò kết nối các dịch vụ, chính sách và giới thiệu cho đối tượng các chính sách, dịch vụ, nguồn tài nguyên đang sẵn có.

- Nhân viên công tác xã hội sẽ là người bảo vệ quyền lợi cho những người nghèo để họ được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi của họ đặc biệt trong những trường hợp họ bị từ chối,

- Cung cấp kiến thức kỹ năng giúp cho cộng đồng nghèo giải quyết vấn đề của họ, nâng cao năng lực cho những cá nhân, gia đình, cộng đồng nghèo thông qua tập huấn, giáo dục, tuyên truyền cho cộng đồng. Bằng việc tổ chức các buổi tuyên truyền giáo dục cho người dân nhằm

xây dựng một cộng đồng văn hóa, lành mạnh. Tuyên truyền giúp người dân có ý thức về bảo vệ môi trường, gắn kết tinh thần dân tộc,...

- Kết hợp với đó, là giúp cho các em thuộc vùng đồng bằng dân tộc thiểu số, có cơ hội cấp sách đến trường. Tìm hiểu về vấn đề tại sao các em bỏ học, từ đó đưa ra giải pháp giúp các em có suy nghĩ tích cực hơn, để không phải thôi học, nghỉ học và bỏ học.

- Tăng cường giúp cho các em có cơ hội được đào tạo và được tiếp cận với các cơ sở trường học, cung cấp bồi dưỡng cho các em kiến thức nền. Và giúp cho người dân dân tộc thiểu số, tiếp cận được với các thành tựu khoa học kỹ thuật, các cơ sở điều trị bệnh.

### **3. Kết luận**

Tình trạng nghèo của cộng đồng hiện nay là một vấn đề lớn đang được xã hội và nhà nước đặt biệt quan tâm. Để có thể có hướng giải quyết tốt nhất cần có sự phối hợp của toàn thể mọi người dân, các cơ quan, tổ chức, hơn hết là nhà nước. Đáng quan tâm hơn hết là yếu tố chính sách là quan trọng hơn hết. Đây là yếu tố quan trọng, những tác động của chính sách vĩ mô đến người nghèo chưa hợp lý, tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn còn thấp. Việc phân phối lợi ích tăng trưởng trong các nhóm dân cư gồm cả các nhóm thu nhập phụ thuộc vào đặc tính của tăng trưởng chưa hợp lý. Thông thường, người giàu hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế nhiều hơn những người nghèo và như vậy đã làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo giữa nội thành và ngoại thành là điều khó tránh khỏi. Chính sách chỉ quan tâm hỗ trợ người nghèo giảm bớt cái nghèo, cái khổ trước mắt, không quan tâm hỗ trợ họ có thể phát triển một cách bền vững. Từ đó sinh ra trong cộng đồng nghèo tâm lý trông chờ vào sự chu cấp từ Nhà nước, thiếu tự tin và luôn ỷ lại vào Nhà nước dẫn đến việc họ nghèo lại càng nghèo hơn.

Chính vì lẽ đó, nhân viên công tác xã hội đóng vai trò là người tạo khả năng, họ sẽ trợ giúp cho những người trong cộng đồng nghèo có khả năng đương đầu với những khó khăn và áp lực của tình trạng nghèo. Nhân viên công tác xã hội truyền tải sự hy vọng, giảm bớt sự cản trở về tâm lý cho người dân, hỗ trợ người dân tham gia tự giải quyết vấn đề của họ với những tiềm năng của cộng đồng và khả năng của họ. Đồng thời cung cấp kiến thức, kỹ năng cần thiết để họ có thể tự phát triển cộng đồng của mình một cách bền vững.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Kim Liên (2008). *Giáo trình Phát triển cộng đồng*. Hà Nội: NXB Lao động xã hội.

[2]. Nguyễn Thị Oanh (2000). *Phát triển cộng đồng*. TP. HCM: NXB Đại học Mở Bán công TP. HCM.

[3]. Nguyễn Hồi Loan (2015). *Giáo trình Công tác xã hội đại cương*. Hà Nội: NXB ĐHQG Hà Nội.

[4]. Unicef (2016). *Tài liệu hướng dẫn thực hành Công tác Xã hội với người nghèo*. Hà Nội: NXB Đại học Lao động - Xã hội.